

TRẮC NGHIỆM

KINH TẾ QUỐC TẾ



Câu hỏi 1: Trong các giả định sau, các giả định nào không phải là giả định của " Lý thuyết lợi thế tương đối " của Davird Ricacdo.

- a; Thế giới có 2 quốc gia sản xuất 2 mặt hàng.
 - b; Thương mại hoàn toàn tự do.
 - c: Lao động là yếu tố sản xuất duy nhất.
 - d: Có sự điều tiết của chính phủ.
- chọn câu d.

Câu hỏi 2: Các công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế là: Thuế quan, hạn ngạch (quota), hạn chế xuất khẩu tự nguyện, trợ cấp xuất khẩu và...

- a. Bảo hộ hàng sản xuất trong nước
 - b. Cấm nhập khẩu.
 - c. Bán phá giá;
 - d. Những quy định chủ yếu về tiêu chuẩn kỹ thuật,
- chọn câu d.

Câu hỏi 3: Ông là người bác bỏ quan điểm cho rằng: "Vàng là đại diện duy nhất cho sự giàu có của các quốc gia". Ông là ai?

- a. Ardam Smith
 - b. David Ricacdo
 - c. Henry George
 - d. Sam Pelzman
- Chọn câu a.

Câu hỏi 4: Thương mại quốc tế là hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa và dịch vụ được diễn ra giữa các quốc gia. Nó bao gồm các nội dung là: Xuất nhập khẩu hàng hóa & dịch vụ; gia công quốc tế; tái xuất khẩu và chuyển khẩu và...

- a. Xuất khẩu tại chỗ
 - b. Bán hàng cho người dân.
 - c. Thu thuê của các doanh nghiệp nước ngoài;
 - d. Bán hàng cho người nước ngoài,
- Chọn câu a.

Câu hỏi 5: Trong trao đổi thương mại quốc tế, nguyên tắc được các bên chấp nhận trao đổi là nguyên tắc:

- a. Phải có lợi cho mình
 - b. Ngang giá.
 - c. Có lợi cho bên kia
 - d. Kẻ mạnh thì được lợi hơn
- Chọn câu b.

Câu hỏi 6: Mỹ trao cho Việt nam quy chế bình thường vĩnh viễn PNTR vào ngày tháng năm nào:

- a. 20/12/2006
 - b. 7/11/2006
 - c. 20/11/2006
 - d. 21/12/2006
- Chọn câu a.

Câu hỏi 7: Vào ngày 07/11/2006 Việt nam được kết nạp trở thành thành viên tổ chức thương mại thế giới WTO lúc đó Việt nam là thành viên thứ:

- a. 149
- b. 150.
- c. 151
- d. 152

Chọn câu b.

Câu hỏi 8: Năm 2006 Việt nam thu hút vốn nước ngoài đạt mức kỉ lục:

- a. Trên 20 tỷ USD
- b. Trên 30 tỷ USD.
- c. Trên 10 tỷ USD
- d. Trên 05 tỷ USD

Chọn câu c.

Câu hỏi 9: Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam là:

- a. Chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước
- b. Thả nổi
- c. Tự do.
- d. Nhà nước hoàn toàn kiểm soát

Chọn câu a.

Câu hỏi 10: Khi tỷ giá của đồng tiền trong nước giảm so với thế giới nó sẽ gây ra các tác động đối với nền kinh tế trong nước. Trong các tác động sau tác động nào không phải do nó gây ra:

- a. Xuất khẩu tăng
- b. Các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu.
- c. Đầu tư nước ngoài vào giảm
- d. Gây ra các tệ nạn xã hội

Chọn câu d.

Câu 11. Khi mức lãi suất tiền gửi của các ngân hàng của Mỹ tăng lên trong khi đó mức lãi suất tiền gửi của các ngân hàng Việt Nam giữ nguyên thì trên thị trường ngoại hối sẽ xảy ra hiện tượng gì:

- a, tăng cầu về USD và đồng thời làm giảm cung USD.
- b, tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ tăng lên.
- c, a và b.
- d, không có phương án nào đúng.

Chọn câu c

Câu 12.khi mọi người kỳ vọng về tỷ giá hối đoái của đồng USD tăng thì sẽ dẫn tới :

- a, cầu của đồng USD giảm.
- b, cầu của đồng USD không đổi.
- c, cầu của USD tăng.
- d, không có phương án nào đúng.

Chọn câu c.

Câu 13. Hiện nay thế giới đang tồn tại những hệ thống tiền tệ nào:

- a, hệ thống tiền tệ giamaica.
- b, chế độ bản vị vàng hối đoái
- c, hệ thống tiền tệ châu âu (EMS)
- d, cả a và c .

chọn câu d.

Câu 14.giá sử tỷ giá hối đoái giữa USD và VND là $1\text{USD} = 16.000\text{ VND}$. Giả dụ sang năm tới lạm phát của Mỹ tăng lên 2 % và tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tăng lên 10%. Vậy tỷ giá giữa USD và VND trong năm tới là bao nhiêu :

- a, $1\text{USD} = 17.255\text{ VND}$
- b, $1\text{USD} = 17.200\text{ VND}$
- c, $1\text{USD} = 16.255\text{ VND}$
- d, $1\text{USD} = 17.500\text{ VND}$

chọn câu a,

Câu 15. chính phủ tăng lãi suất tiền gửi thì :

- a, Lượng cung tiền tăng.
- B, lượng cung tiền giảm,
- C, lượng cung tiền không thay đổi,
- d. không có phương án nào trên đây.

Chọn câu a.

Câu 16. Trong chế độ bản vị vàng hối đoái (1922 1939) thì trong số các đồng tiền sau đây đồng tiền nào không được trực tiếp đổi ra vàng:

- a, Bảng Anh
- b, USD
- c, Franc
- d, Yên Nhật

chọn câu d.

Câu 17. Hệ thống tiền tệ quốc tế lần thứ 4 (hệ thống Giamaica) đã áp dụng chế độ tỷ giá nào:

- A, chế độ tỷ giá cố định.
- B, chế độ tỷ giá thả nổi,
- C, chế độ tỷ giá thả nổi có kiểm soát.
- d. chế độ tỷ giá kiểm soát hoàn toàn.

Chọn câu c.

Câu 18. trong chế độ tiền tệ quốc tế lần thứ 3 (hệ thống Bretton Woods) thì đã hình thành nên 2 tổ chức tài chính là:

- A, worlbank và ADB
- B, IMF và WTO
- C, WorlBank và IMF
- D, WB và AFTA

Chọn câu c.

Câu 19. Nguồn vốn ODA nằm trong khoản mục nào sau đây của cán cân thanh toán quốc tế:

- A, Tài khoản vãng lai
- B, tài khoản vốn.
- C, tài khoản dự trữ,
- D, tài khoản chênh lệch số thống kê

Chọn câu a,

Câu 20. Việt Nam gia nhập tổ chức Worlbank vào năm nào :

- A, năm 1970
- B, năm 1977
- C, năm 1978
- D, năm 1991

Chọn phương án b.

Câu 1: Giả định nào không nằm trong lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo?

- a)Thế giới chỉ có hai quốc gia,mỗi quốc gia sản xuất hai mặt hàng.
- b)Chi phí vận tải,chi phí bảo hiểm bằng không.
- c)Công nghệ hai nước thay đổi. d
- d)Thương mại hoàn toàn tự do.

Câu 2: Những nguyên nhân cơ bản điều chỉnh quan hệ KTQT?

- a) Chế độ nước ưu đãi nhất.
- b) Ngang bằng dân tộc.
- c) Tương hỗ.
- d) Cả ba đáp án trên.

Câu 3: Yếu tố nào không phải là công cụ của chính sách thương mại?

- a) Thuế quan.
- b) Quota.
- c) Trợ cấp xuất khẩu.
- d) Trợ cấp nhập khẩu.

Câu 4: Những nhân tố nào là chủ thể của nền KTQT?

- a) Các quốc gia độc lập có chủ quyền.
- b) Các tổ chức KTQT
- c) Các liên kết KTQT
- d) Cả 3 đáp án trên.

Câu 5: Quan hệ nào không phải quan hệ kinh tế quốc tế?

- a) Quan hệ di chuyển quốc tế về tư bản.
- b) Quan hệ di chuyển quốc tế về nguồn nhân lực.
- c) Hội nhập KTQT.
- d) Quan hệ quân sự.

Câu 6: Xu hướng nào không phải xu hướng vận động chủ yếu của nền KTQT?

- a) Toàn cầu hoá.
- b) Sự bùng nổ của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- c) Sự phát triển của vòng cung Châu Á-Thái Bình Dương.
- d) Các rào cản kinh tế giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Câu 7: Bản chất của hệ thống tiền tệ quốc tế thứ nhất(1867-1914)?

- a) Là chế độ bản vị vàng.
- b) Là chế độ bản vị vàng hối đoái.
- c) Là chế độ tỷ giá cố định.
- d) Không đáp án nào đúng

Câu 8: Ưu điểm của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại VN:

- a) Khối lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Vn khá lớn qua các năm.
- b) Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa tới tác động tích cực trên nhiều lĩnh vực khác.
- c) Đầu tư nước ngoài vào Vn mất cân đối về việc thu hút vốn theo ngành và vùng.
- d) A và d.

Câu 9: Lợi ích của các công ty đa quốc gia mang lại cho nước chủ nhà?

- a) Giảm việc làm trong nước.
- b) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- c) Tiếp thu kỹ thuật và công nghệ từ nước ngoài.
- d) Có thể phá vỡ chính sách tiền tệ trong nước.

Câu 10: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái?

- a) Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia.
- b) Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia.
- c) Sự can thiệp của chính phủ.
- d) cả 3 đáp án trên.

Câu 11: Đặc điểm của hệ thống tiền tệ Bretton woods là:

- A. Bản vị vàng.
- B. Bản vị vàng hối đoái.
- C. Thành lập hai tổ chức: IMF và WB.
- D. Không đáp án nào đúng.

Câu 12: Có hai nước: Việt Nam và Nhật Bản, có tỷ giá hối đoái $1\text{JPY}=130\text{Vnd}$. Tỷ lệ lạm phát của VN là $8\%/năm$, của Nhật là $5\%/năm$. Hối tỷ giá hối đoái sau lạm phát bằng bao nhiêu?

- A. $1\text{JPY}=133,71\text{Vnd}$.
- B. $1\text{JPY}=140,2\text{Vnd}$.
- C. $1\text{JPY}=129\text{Vnd}$.
- D. $1\text{JPY}=131\text{Vnd}$.

Câu 13: Mức lãi xuất trong nước tăng (các yếu tố khác không thay đổi) sẽ làm cho:

- A. Mức đầu tư trong nước tăng.
- B. Mức tiết kiệm trong nước tăng.
- C. Mức đầu tư trong nước giảm.
- D. B và C.

Câu 14: Yếu tố nào không thuộc tài khoản vốn trong cán cân thanh toán quốc tế?

- A. Đầu tư ra nước ngoài.
- B. Đầu tư nước ngoài vào trong nước.
- C. Vay ngân hàng.
- D. Vốn ODA.

Câu 15: Hiện nay Việt Nam đang áp dụng chế độ tỷ giá hối đoái nào?

- A. Tỷ giá hối đoái cố định.
- B. Tỷ giá hối đoái thả nổi.
- C. Tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý.
- D. Không đáp án nào đúng.

Câu 16: Đối tượng nhận được các khoản thu từ thuế là?

- A. Chính phủ.
- B. Người tiêu dùng.
- C. Nhà cung cấp.
- D. Cả ba đối tượng trên.

Câu 17: Sức mua của đồng nội tệ giảm so với đồng ngoại tệ làm cho:

- A. Xuất khẩu thuận lợi và nhập khẩu gặp khó khăn.
- B. Xuất khẩu thuận lợi và nhập khẩu thuận lợi.
- C. Xuất khẩu gặp khó khăn và nhập khẩu thuận lợi.
- D. Xuất khẩu khó khăn và nhập khẩu khó khăn.

Đáp án: 1c 2d 3d 4d 5d 6d 7a 8d 9d 10d. 11C 12A 13D 14D 15C 16A 17^a

Câu 1 :

Khi hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) được đàm phán vào cuối những năm 40 , nó đề ra các qui định và nguyên tắc điều tiết thương mại quốc tế .Trong đó có 2 nguyên tắc về không phân biệt đối xử có vị trí trung tâm là :

- | | |
|--|---|
| A Nguyên tắc đối xử quốc gia
Nguyên tắc đối xử vùng lãnh thổ | B Nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc
Nguyên tắc đối xử quốc gia |
| C Nguyên tắc không can thiệp vào
công việc nội bộ của các n ước | D Nguyên tắc đối xử quốc gia
Nguyên tắc bình đẳng |

thành viên .

Nguyên tắc bình đẳng

Chọn câu B

Câu 2

Xu hướng cơ bản trong thương mại quốc tế hiện nay là

A Tự do hoá thương mại

B Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế

C Bảo hộ mậu dịch

D Tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch

Chọn câu D

Câu 3

Trong lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, có 2 giả định sau:

1 Thế giới có 2 quốc gia, SX 2 loại mặt hàng mỗi nước có lợi thế tuyệt đối trong việc SX một mặt hàng

2 Đồng nhất chi phí sản xuất với tiền lương công nhân

Ngoài ra còn 1 giả định là gì?

A Giá cả hoàn toàn do chi phí quyết định

B Giá cả hoàn toàn do thị trường quyết định

C Công nghệ 2 nước là cố định

D Thương mại hoàn toàn tự do

Chọn câu A

Câu 4

Các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới hiện nay là :

A Khu vực hoá và toàn cầu hoá

B Cách mạng khoa học công nghệ phát triển

C Sự phát triển của vòng cung châu Á – TBD

D Sự đối đầu, đối thoại, biệt lập, hợp tác. Và 3 xu hướng trên

Chọn câu D

Câu 5

Xét về tổ chức và quản lý, đầu tư quốc tế phân ra mấy loại ?

A 3

B 4

C 2

D 5

Chọn câu C

Câu 6

Tính chất của đầu tư quốc tế là :

A Tính bình đẳng và tự nguyện

B Tính đa phương và đa chiều

C Vừa hợp tác vừa cạnh tranh

D Cả 3 tính chất trên

Chọn câu D

Câu 7

Sự hình thành và phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế trải qua mấy giai đoạn?

A 2

B 3

C 4

D 5

Chọn câu C

Câu 8

Vai trò của thuế quan trong thương mại quốc tế ?

A Điều tiết XNK, bảo hộ thị trường nội địa nhà nước

B Tăng thu nhập cho ngân sách

C Giảm thất nghiệp trong nước....

D Tất cả

Chọn câu D

Câu 9

Tác giả của lý thuyết về lợi thế so sánh ?

A D Ricardo
C P Samuelson
Chọn câu A

B A Smith
D W Petty

Câu 10

Ngoài các quốc gia độc lập trên Trái Đất, các tổ chức thì nền kinh tế thế giới còn bao gồm bộ phận nào ?

- A Các công ty, doanh nghiệp
B Các tập đoàn kinh tế
C Các liên kết kinh tế
D Các tổ chức phi chính phủ

Chọn câu C

Câu 11

Nhận định nào dưới đây không đúng, thuộc quan là :

- A Một công cụ để phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế
B Một hình thức để phân phối lại thu nhập giữa người tiêu dùng sang người sản xuất
C Một biện pháp nhằm phát triển ngành sản xuất có lợi thế so sánh
D Một hình thức bảo hộ mậu dịch

Chọn câu C

Câu 12

Cho bảng số liệu sau :

Năng suất lao động Nước Israel Nước Đài Loan

Máy tính 23

Phân bón 41

Mô hình mậu dịch của mỗi quốc gia là:

- A Israel xuất khẩu máy tính, nhập khẩu phân bón
B Đài loan xuất khẩu phân bón, nhập khẩu máy tính
C Israel xuất khẩu phân bón, nhập khẩu máy tính
D Mậu dịch không xảy ra

Chọn câu C

Câu 13

Việt Nam tham gia AFTA vào năm bao nhiêu ?

- A 1995
B 2001
C 1996
D 2006

Chọn câu C

Câu 14

Là một nhà đầu tư ra nước ngoài, dưới góc độ quản lý, bạn không chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà còn quan tâm :

- A Nguồn nguyên liệu và giá nhân công rẻ
B Phân tán rủi ro
C Tiếp cận thị trường
D Khả năng sinh lời

Chọn câu B

Câu 15

Nếu như đồng Việt Nam tăng giá so với đồng Đôla Mỹ thì sẽ dẫn đến :

- A Xuất khẩu của Việt Nam giảm
B Xuất khẩu của Việt Nam tăng
C Xuất khẩu của Mỹ giảm
D Nhập khẩu của Mỹ tăng

Chọn câu A

1. Xu hướng vãn ®eng chñ yõu của nền kinh tế TG
 - a. Sự ph¸t triển mang tính ch¸t bã ng n¸ của KH – CN
 - b. Quá trình quốc tế hoá đời sống KTTG diễn ra với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng cao
 - c. Nền KTTG chuyển từ lỏng lẻo sang đa cực và xuất hiện sự phát triển của vòng cung Châu á TBD
 - d. C¸i 3 c¸ tr¸n (S¸ng)

2. Nội dung của QHKTQT gồm c¸c ho¸t ®eng c¸ b¸n
 - a. TMQT, HTQT về KT và KH – CN
 - b. TMQT, h¸p t¸ c¸u t quốc tế, HTQT về KT và KH – CN, c¸c d¸ch vô thu ngo¸i t¸ (S¸ng)
 - c. Nh¸p kh¸u, xu¸t kh¸u
 - d. TMQT và các dịch vụ thu ngoại tệ

3. Quy¸n ®i¸m của S¸ng trong S¸i h¸i X v¸ ph¸t triển KTSN
 - a. 6 quan ®i¸m
 - b. 7 quan ®i¸m
 - c. 8 quan ®i¸m
 - d. 9 quan ®i¸m

4. Nội dung của TMQT gồm c¸c ho¸t ®eng c¸ b¸n
 - a. XK và NK
 - b. XK, NK, tái XK và chuyển khẩu
 - c. XK, NK, tái XK và chuyển khẩu, gia công thuê nước ngoài và xuất khẩu tại chỗ (Đúng)
 - d. XK, NK, gia công thuê nước ngoài và xuất khẩu tại chỗ

5. Theo lý thuyết lợi ích tuyệt ®òi của A.Smith thì trong trao ®¸i qu¸c t¸
 - a. t¸t c¸i c¸c n¸c ®¸u cũ l¸i
 - b. nước nào có sản phẩm có hàm lượng KH – CN cao hơn thì sẽ ®¸c l¸i cũn n¸c kia sẽ bãt l¸i
 - c. c¸c nước đều có lợi khi họ tập trung vào chuyên môn hoá sx và xuất khẩu có lợi thế tuyệt đối(Đúng)
 - d. c¸c nước bị bất lợi trong việc sx 2 mặt hàng so với n¸c kia thì kh¸ng n¸n tham gia trao ®¸i qu¸c t¸

6. Trong lý thuyết lợi thế so sánh của D.Ricardo thì trong trao ®¸i qu¸c t¸
 - a. t¸t c¸i c¸c n¸c ®¸u cũ l¸i (S¸ng)
 - b. nước nào có sản phẩm có hàm lượng KH – CN cao hơn thì sẽ ®¸c l¸i cũn n¸c kia sẽ bãt l¸i
 - c. c¸c nước đều có lợi khi họ tập trung vào chuyên môn hoá sx và xuất khẩu có lợi thế tuyệt đối
 - d. c¸c nước bị bất lợi trong việc sx 2 mặt hàng so với n¸c kia thì kh¸ng n¸n tham gia trao ®¸i qu¸c t¸

7. Có thể nói lý thuyết lợi thế so sánh chính là lý thuyết lợi ích tuyệt đối mở rộng?
 - a. kh¸ng th¸ v¸ b¸n ch¸t kh¸c nhau
 - b. đúng vì nó hoàn thiện những mặt h¸n cũ của lý thuyết lợi ích tuyệt ®òi(S¸ng)
 - c. ®¸ng v¸ n¸ cũ ng ®¸ cũp ®¸n v¸n ®¸ trao ®¸i QT
 - d. sai vì 2 ông nghiên cứu ở 2 thời điểm khác nhau và hoàn cảnh thế giới lúc này cũng khác nhau

8. Xu hướng tự do hoá TM và bảo hộ mậu dịch
 - a. vô nguy¸n t¸c 2 xu hướng này đối nghịch nhau
 - b. 2 xu hướng không bài trừ nhau mà thống nhất với nhau
 - c. tr¸n thùc t¸ 2 xu hướng luôn song song tồn tại và kết hợp với nhau trong quá trình toàn cầu hoá
 - d. t¸t c¸i c¸c ý tr¸n (S¸ng)

9. Sự c¸t QT, các nhà đầu tư thường thích ®¸u t nhiều vốn vào các n¸c
 - a. k¸m ph¸t triển
 - b. ®¸ng ph¸t triển
 - c. ph¸t triển(S¸ng)

d. b và a

10. yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

a. mức chênh lệch lãi suất và những yếu tố tâm lý

b. tình trạng cung cầu trên thị trường quyết định

c. sự chênh lệch lãi suất và những yếu tố tâm lý

d. a,b,c (Sóng)

11. Cho biết 2 nước Việt Nam và Thái Lan trong năm nay có tỷ giá hối đoái là 1 Thai Baht = 450 VND. Trong năm trước chỉ số lạm phát của Thái Lan là 11%, của Việt Nam là 9%. Hỏi trong năm đó tỷ giá hối đoái 2 nước là bao nhiêu?

a. 1 THB = 455,75 VND (ĐÚNG)

b. 1 THB = 500,73 VND

c. 1 THB = 444,32 VND

d. 1 THB = 449,23 VND

12. Điều không phải nội dung của tỷ giá thả nổi có quản lý

a. là tỷ giá vẫn được quan hệ cung - cầu trên thị trường quyết định

b. có sự can thiệp của chính phủ để không vượt quá hay hạ thấp quá mức tỷ giá mục tiêu

c. chính phủ tham gia can thiệp vào thị trường thông qua các chính sách kinh tế, thuế quan, và các rào cản kỹ thuật (ĐÚNG)

d. tất cả đều là nội dung của tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát

13. Khi đồng VND bị mất giá, chính phủ Việt Nam muốn điều chỉnh kéo giá đồng Việt Nam lên họ sẽ

a. mua ngoại tệ, bơm thêm tiền vào lưu thông

b. mua nội tệ vào, bơm ngoại tệ vào lưu thông (ĐÚNG)

c. điều chỉnh thông qua mệnh lệnh từ cơ quan vật giá trung ương

d. không có câu nào đúng

14. Tại sao Mỹ lại không thích Trung Quốc để giá đồng nhân dân tệ ở mức thấp, họ cho đó là phá giá đồng tiền?

a. Do lịch sử 2 nước có nhiều bất đồng

b. Vì như thế hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc xâm nhập vào thị trường của Mỹ rất dễ dàng, và là mối đe dọa đối với hàng hoá trong nước của Mỹ (ĐÚNG)

c. Do Mỹ lo ngại Trung Quốc lớn mạnh hơn mình

d. không có câu nào đúng

15. Hệ thống tiền tệ quốc tế Bretton Woods (1945-1971) có đặc điểm

a. lập ra quỹ tiền tệ quốc tế IMF và ngân hàng thế giới WB (ĐÚNG)

b. áp dụng tỷ giá thả nổi và kinh bản vị có giới hạn

c. các nước tự lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái tùy ý, cố định hoặc thả nổi hoặc kết hợp giữa chúng thành tỷ giá thả nổi có quản lý

d. không câu nào đúng

Câu hỏi 1: Thuế quan là loại thuế:

a. Đánh vào hàng hóa xuất khẩu

b. Đánh vào hàng hóa nhập khẩu

c. Đánh vào hàng hóa quá cảnh

d. Cả a, b, c

$$\frac{CFSXX(I)}{CPSXX(II)} > \frac{CFSXY(I)}{CFSXY(II)}$$

Câu hỏi 2. có

- a. Quốc gia 1 có lợi thế so sánh ở mặt hàng X
- b. Quốc gia 1 có lợi thế so sánh ở mặt hàng Y.
- c. Quốc gia 1 có lợi thế so sánh ở cả 2 mặt hàng X và Y.
- d. Quốc gia 1 không có lợi thế so sánh ở cả 2 mặt hàng X và Y.

Câu hỏi 3. Đầu tư quốc tế là hình thức di chuyển quốc gia về....từ quốc gia này đến quốc gia khác

- a. Vốn
- b. Công nghệ
- c. Nhân lực
- d. Cả a, b, c

Câu hỏi 4. Cán cân ghi lại các giao dịch quốc tế có liên quan đến các dòng chảy của vốn vào và ra khỏi một nước là:

- a. Cán cân thường xuyên
- b. Cán cân tài trợ chính thức
- c. Cán cân luồng vốn
- d. Cán cân thanh toán.

Câu hỏi 5. Chính phủ khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu nhằm giảm thâm hụt cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế chính phủ thực hiện chức năng nào của thị trường ngoại hối.

- a. Là cơ chế hữu hiệu đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi ngoại tệ
- b. Là công cụ để NHTU thực hiện chính sách tiền tệ
- c. Tín dụng
- d. Cung cấp các công cụ để cho các nhà kinh doanh nghiên cứu phòng ngừa rủi ro trong hối đoái trao đổi.

Câu hỏi 6. Nghiệp vụ dựa vào mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối để thu lợi nhuận thông qua hoạt động mua và bán là:

- a. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối gia ngay
- b. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá
- c. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối có kỳ hạn
- d. Nghiệp vụ ngoại hối giao sau

Câu hỏi 7. Nghiệp vụ cho phép người mua có quyền có quyền không bắt buộc mua hoặc bán một số lượng ngoại tệ nhất định ở một mức giá và trong thời hạn được xác định trước là:

- a. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao sau
- b. Nghiệp vụ hoán đổi
- c. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá
- d. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối quyền chọn

Câu hỏi 8. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên sẽ:

- a. Có lợi cho nhập khẩu

- b. Có lợi cho xuất khẩu
- c. Có lợi cho nhập khẩu và xuất khẩu
- d. Có hại cho nhập khẩu và xuất khẩu.

Câu hỏi 9. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên sẽ:

- a. Hạn chế xuất khẩu tư bản
- b. Hạn chế nhập khẩu tư bản
- c. Hạn chế cả xuất khẩu và nhập khẩu tư bản
- d. Không ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu tư bản

Câu hỏi 10. Vàng và một số đồng tiền chủ chốt được coi là ngoại tệ. Vàng là đặc điểm của chế độ:

- a. Bản vị Vàng
- b. Bản vị Vàng hối đoái
- c. Hệ thống Giamaica
- d. Hệ thống tiền tệ EMS.

Câu 11. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ nằm trong hạng mục nào của cán cân thanh toán.

- a) Tài khoản vãng lai.
- b) Tài khoản vốn.
- c) Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia.
- d) Tài khoản chênh lệch số thống kê.

Câu 12. Có 2 nước Đức và Việt Nam. Tỷ giá hối đoái là:

1ECU=22000VNĐ. Tỷ lệ lạm phát của Đức là 2% và của Việt Nam là 6%. Tính tỷ giá hối đoái sau lạm phát (với giả định các yếu tố khác không đổi)

- a) 1ECU=21170VNĐ
- b) 1ECU=22863VNĐ
- c) 1ECU=7333VNĐ
- d) 1ECU=66000VNĐ

Câu 13. Khi ngân hàng trung ương giảm lãi suất thì

- a) Lượng tiền thực tế giảm
- b) Lượng tiền thực tế tăng
- c) Lượng tiền thực tế không thay đổi
- d) Không câu nào đúng

Câu 14. Các khoản ODA được cung cấp dưới dạng tiền mặt hoặc hàng hoá để hỗ trợ cán cân thanh toán hoặc ngân sách của nhà nước là theo phương thức cung cấp nào

- a) Hỗ trợ cán cân thanh toán và ngân sách
- b) Hỗ trợ chương trình
- c) Hỗ trợ dự án

d) Không phải các phương án trên

Câu 15. Các công ty sẽ thực hiện đầu tư ra nước ngoài khi hội tụ đủ 3 lợi thế về địa điểm, lợi thế về sở hữu, lợi thế về nội hoá là nội dung của lý thuyết nào

- a) Lý thuyết lợi ích cận biên
- b) Lý thuyết về chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm
- c) Lý thuyết về quyền lực thị trường
- d) Lý thuyết chiết trung

Đáp Án : 1.d 2. b 3. a 4. c 5. b 6. b 7. d 8. b 9. a 10. b 11. a 12. b 13. b 14. a 15. d

Câu 1: Xu hướng về năng lực chính yếu của nền kinh tế thế giới

- a. Khu vực hoá toàn cầu
- b. Sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật công nghệ
- c. Sự hội nhập chuyên ngành
- d. a & b

Câu 2: Thương mại quốc tế không bao gồm nội dung nào sau đây:

- a. Xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ
- b. Giá cả quốc tế
- c. Chuyên môn hoá vào những mặt hàng không có lợi thế so sánh
- d. Tỷ suất xuất khẩu, chuyển khẩu

Câu 3: Lý thuyết nào sau đây không coi trọng vai trò của chính phủ trong các hoạt động thương mại quốc tế:

- a. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của A Smith
- b. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D. Ricardo
- c. Lý thuyết về Chi phí
- d. Cả b và c

Câu 4: Công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại

- a. Thuế
- b. Hạn ngạch
- c. Trễ cấp x- héi
- d. Tất cả các công cụ trên

Câu 5: Nguyên nhân chính quan trọng nhất của thương mại quốc tế

- a. Chênh lệch lợi ích quốc gia
- b. Chiếm lĩnh thị trường
- c. Chênh lệch nhu cầu
- d. Cả a và c

Câu 6: Tác động tích cực của Chi phí quốc tế ví dụ như tiếp nhận Chi phí

- a. Làm nguồn tài nguyên của tiếp nhận Chi phí thêm dồi dào và phong phú
- b. Giảm bớt các tổn thất x- héi
- c. Giảm quyết khả năng do thiếu vốn
- d. Tất cả đều sai

Câu 7: Hình thức của thị trường trực tiếp nước ngoài

- a. Học tập phát triển chính thức
- b. Mua cổ phiếu và trái phiếu
- c. Vay uđi
- (d). Tất cả đều sai

Câu 8: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập năm

- a. 1952
- b. 1963
- (c). 1967
- d. 1968

Câu 9: Theo hiệp định CEPT các nước sẽ tiến hành cắt giảm thuế quan

- (a). 0-5%
- b. 5-10%
- c. 10-15%
- d. 15-20%

Câu 10: Trong các nguyên tắc sau đây là nguyên tắc của APEC

- a. Nguyên tắc tự do hàng thương mại, thương lái hàng thương mại
- b. Nguyên tắc thị trường không ràng buộc
- c. Nguyên tắc nhất trí
- (d). Cả a và b

Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi trường hợp sau :

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế quốc tế :
 - a/. Nền kinh tế một quốc gia
 - b/. Các chủ thể kinh tế quốc tế
 - c/. Các quan hệ kinh tế quốc tế
 - d/. b và c
2. Quan điểm của Đảng Cộng Sản và nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại, khái niệm "mở cửa" có nghĩa là:
 - a/. "Mở toang cửa", "thả cửa một cách tùy tiện"
 - b/. Mở cửa là một chính sách nhất thời, một biện pháp kỹ thuật
 - c/. Mở cửa là mở rộng giao lưu kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, trao đổi và phân công lao động quốc tế
 - d/. Mở cửa là xoá bỏ hoàn toàn các loại thuế nhập khẩu
3. Xuất khẩu tại chỗ là hình thức xuất khẩu:
 - a/. Xuất khẩu hàng hoá vô hình
 - b/. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách du lịch quốc tế
 - c/. Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài gia công
 - d/. Nhập khẩu tạm thời và sau đó xuất khẩu sang một nước khác
4. Theo lý thuyết : Lợi thế so sánh của David Ricardo
Cho bảng lợi thế so sánh của hai quốc gia A và B về hai mặt hàng:

Hàng	Quốc gia	
	A	B

X	12	2
Y	8	4

- a/. Quốc gia A nên sản xuất mặt hàng X, quốc gia B nên sản xuất mặt hàng Y
b/. Quốc gia A nên sản xuất mặt hàng Y, quốc gia B nên sản xuất mặt hàng X
c/. Cả hai quốc gia nên sản xuất cả hai mặt hàng
d/. Tất cả các ý kiến trên đều sai
5. Chức năng của thương mại quốc tế:
a/.Làm biến đổi cơ cấu giá trị sử dụng của sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân
b/.Giúp các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự chênh lệch thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giữa các quốc gia
c/.Góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế quốc dân do khai thác triệt để lợi thế của quốc gia
d/.a và c
6. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư:
a/.Của tư nhân,công ty vào một công ty ở nước khác và trực tiếp điều hành công ty đó
b/.Mua cổ phiếu,trái phiếu của một doanh nghiệp ở nước khác
c/. Cho vay ưu đãi giữa chính phủ các nước
d/.Dùng cải cách hành chính,tư pháp,tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước
7. Một trong các chức năng cơ bản của thị trường ngoại hối là:
a/.Xác định lượng tiền cần bơm vào lưu thông trong nước
b/.Đáp ứng nhu cầu mua bán ,trao đổi ngoại tệ phục vụ cho chu chuyển,thanh toán quốc tế
c/.Giúp nhà đầu tư tránh được rủi ro bằng việc đầu tư ra nước ngoài
d/.Cân bằng cán cân thanh toán quốc gia
8. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá được định nghĩa:
a/.Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc chuyển giao ngoại tệ được thực hiện ngay
b/.Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc giao nhận được thực hiện trong một thời gian nhất định
c/.Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ thu lợi dựa vào mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối
d/.Là nghiệp vụ bán một đồng tiền nào đó ở thời điểm hiện tại và mua lại chính đồng tiền đó tại một thời điểm xác định trong tương lai
9. Các quốc gia hội nhập kinh tế quốc tế vì:
a/.Giảm bớt được hàng rào thuế khi xuất khẩu
b/.Tăng dòng vốn đầu tư quốc tế vào trong nước
c/.Điều chỉnh được hiệu quả hơn các chính sách thương mại
d/.Tất cả các ý kiến trên
10. Một trong các mục tiêu của khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) là:
a/.Chống lại sự ảnh hưởng của kinh tế Trung Quốc tới khu vực Đông Nam Á
b/.Mở rộng quan hệ thương mại với các nước ngoài khu vực
c/.Thúc dục Quốc Hội Mỹ trao quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) cho các quốc gia thành viên của ASEAN
d/.Tăng giá dầu thô
- 11.Năm nay tỷ giá hối đoái giữa VND và USD là:1USD =16080VND. Giả sử năm sau tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 6% và của Mỹ là 3%, thì tỷ giá hối đoái sau lạm phát sẽ là:
a/. 16824
b/. 16548
c/.15625
d/. 16080
12. Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do là chế độ :
a/. Tỷ giá được hình thành trên cơ sở ấn định mức tỷ giá trung tâm
b/. Tỷ giá được xác định hoàn toàn dựa trên tương quan cung cầu giữa các đồng tiền trên thị trường ngoại hối
c/. Tỷ giá được xác định bởi chính sách điều chỉnh của Chính phủ nhằm dịch chuyển các đường cung cầu ngoại tệ

để chúng cắt nhau tại mức ngang giá chính thức

- d/. Không có câu nào ở trên
- 13. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên, sẽ gây ra tác động làm ;
 - a/. Tăng dòng vốn đầu tư từ trong nước ra nước ngoài
 - b/. Giảm dòng vốn đầu tư từ trong nước ra nước ngoài
 - c/. Kích thích tiêu dùng hàng hóa nhập khẩu
 - d/. a và c
- 14. Tổ chức tài chính Quốc tế IMF được hình thành ở hệ thống tiền tệ
 - a/. Thứ nhất
 - b/. Thứ hai
 - c/. Bretton woods
 - d/. Jamaica
- 15. Nhân tố nào ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái
 - a/. Chính sách điều chỉnh lãi suất của Chính phủ
 - b/. Sự biến đổi của tỷ lệ lạm phát
 - c/. Sự thay đổi của tỷ trọng xuất nhập khẩu quốc gia
 - d/. Tất cả các ý kiến trên

Đáp án:

1 : d 2 : c 3 : b 4 : a 5 : d 6 : a 7 : b 8 : c 9 : c 10 : b 11 : b 12 : b 13 : b 14 : c 15 : d

Câu 1: Nền kinh tế thế giới theo cách tiếp cận hiện hành bao gồm:

- a. Các chính thức kinh tế quốc tế
- b. Các quan hệ kinh tế quốc tế
- c. Các tập đoàn, công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia
- (d) Tất cả a & b

Câu 2: Trong những đặc điểm sau đặc điểm nào không phải là đặc điểm của nền kinh tế thế giới.

- a. Sự biến động về khoa học công nghệ
- (b) Các quốc gia chuyển dịch từ thị trường mở sang thị trường khép kín
- c. Xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới
- d. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới cả xu hướng phát triển chậm và không đều nhau song song các nước và khu vực

Câu 3: Nội dung của quan hệ kinh tế quốc tế không bao gồm:

- a. Thương mại quốc tế
- b. Hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ
- (c) Quan hệ ngoại giao quốc tế
- d. Hợp tác văn hóa quốc tế

Câu 4 Chức năng của thương mại quốc tế

- a. Làm thay đổi cơ cấu giá trị sử dụng của sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân
- b. Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế quốc dân
- c. Tất cả a & b
- (d) Tất cả đều sai

Câu 5: Những nguyên tắc sau nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế

- a. Chủ quyền của các quốc gia
- (b) Độc lập bình đẳng không can thiệp vào nội bộ của nhau
- c. Nguyên tắc ngang bằng đối tác hay chủ quyền của các quốc gia
- d. Tất cả đều sai

- Câu 6; Lý thuyết nào sau đây không phải là lý thuyết về đầu tư quốc tế**
- (a) Lý thuyết về bàn tay vô hình của A. Smith
 - b. Lý thuyết lợi ích cận biên
 - c. Lý thuyết tri thức trung
 - d. Lý thuyết chu kỳ sống quốc tế của Sorenson và Pöhl

Câu 7 Nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế

- a. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước xâm nhập và mở rộng thị trường ra nước ngoài
- b. Bảo vệ thị trường nội địa
- c. Cả a & b đều sai
- (d) Cả a & b đều đúng

Câu 8: Tác động của ngoại thương VN:

- a. Tăng trưởng kinh tế cao.
- b. Thị trường của hoạt động ngoại thương ngày càng mở rộng
- c. Xúc tiến các mặt hàng có quy mô lớn và đẩy mạnh xuất khẩu
- (d) Cả a, b và c

Câu 9. Số lượng gia hữu quan hoạt động của một hộ thặng dư quốc tế ngoài xã hội là:

- a. Số lượng
- (b) Không sinh lợi
- c. Dư thừa
- d. Số tiền

Câu 10: VN là thành viên của các tổ chức kinh tế nào

- a. ASEAN
- b. EURO
- c. APEC
- (d) Cả a & c

Câu 1. Xu hướng nào sau đây không phải là xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới:

- a. Khu vực hóa và toàn cầu hóa
- b. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ
- c. Xu hướng đối đầu sẽ không còn diễn ra
- d. Sự phát triển của vòng cung Châu Á – Thái Bình Dương

Câu 2. Trong xu hướng vận động của nền kinh tế quốc tế hiện nay, các quốc gia đang phát triển cần phải làm gì để có khả năng hòa cùng nhịp với nền kinh tế thế giới:

- a. Hoàn thiện hệ thống chính trị luật pháp
- b. Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kinh tế cho phù hợp
- c. Giải quyết một cách triệt để các vấn nạn xã hội, tập quán kinh tế lạc hậu
- d. Tất cả các phương án trên

Câu 3. Hoạt động nào sau đây không được coi là hoạt động thương mại quốc tế:

- a. Việt Nam xuất khẩu gạo sang Mỹ
- b. Malaysia nhập lao động từ Trung Quốc
- c. Một Việt kiều gửi tiền về nước cho người thân
- d. Một dịch vụ viễn thông của Anh được đưa ra sử dụng tại Việt Nam

Câu 4. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- a. Lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo là sự kế thừa phát triển lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith
- b. Một nước gặp bất lợi về tất cả các mặt hàng thì không thể tham gia vào thương mại quốc tế
- c. Quá trình quốc tế trên cơ sở lợi thế tuyệt đối sẽ không làm thay đổi sản phẩm toàn thế giới
- d. Theo lý thuyết của Adam Smith thì giá cả không hoàn toàn do chi phí quyết định

Câu 5. Giả sử trên thế giới có hai quốc gia (I, II) chỉ sản xuất 2 loại mặt hàng, khả năng sản xuất 2 loại mặt hàng trên ở mỗi quốc gia được cho ở bảng sau:

Quốc gia	I	II
Mặt hàng X	7	2
Mặt hàng Y	6	5

Tỷ lệ trao đổi quốc tế là:

- a. $2/5 < X/Y < 7/6$
- b. $X/Y > 7/6$
- c. $X/Y < 2/5$
- d. $0 < X/Y < 1$

Câu 6. ODA là:

- a. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- b. Chỉ là khoản hỗ trợ không hoàn lại của các tổ chức chính phủ nước ngoài cho các nước nhận viện trợ
- c. Là một dạng của đầu tư gián tiếp
- d. Không phải là các câu trên

Câu 7. Việt Nam năm 2006 có số vốn đầu tư FDI vào khoảng:

- a. 12 tỷ USD
- b. 15 tỷ USD
- c. 8 tỷ USD
- d. 10 tỷ USD

Câu 8. Việc đánh giá thuế quan nhập khẩu ở một nước nhỏ thì sẽ làm giá cả nội địa của sản phẩm đó:

- a. Giảm một lượng đúng bằng toàn bộ thuế quan
- b. Tăng một lượng đúng bằng toàn bộ thuế quan
- c. Giảm một lượng nhỏ hơn toàn bộ thuế quan
- d. Tăng một lượng lớn hơn toàn bộ thuế quan

Câu 9. Bộ phận nào không phải là bộ phận cấu thành của cán cân thanh toán quốc tế:

- a. Cán cân thường xuyên
- b. Cán cân luồng vốn
- c. Cán cân tài trợ chính thức
- d. Cán cân hạn ngạch

Câu 10. Sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán, việc tăng cường vay nợ và sự thiếu hụt ngân sách thường xuyên có những nguyên nhân:

- a. Mức chi tiêu của nhà nước quá cao trong khi thu nhập thấp và bao cấp quốc doanh quá lớn
- b. Quá dựa dẫm vào viện trợ cho không và vay nợ nước ngoài
- c. a và b
- d. Không phải các nguyên nhân trên.

11. Đầu tư quốc tế được thực hiện bởi nguyên nhân sau đây :

- a/. Do sự mất cân đối về các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia nên có sự chênh lệch về giá cả các yếu tố
- b/. Do sự gặp gỡ về lợi ích của các bên tham gia
- c/. Đầu tư quốc tế nhằm giải quyết các nhiệm vụ đặc biệt như xây dựng các công trình có quy mô vượt ra phạm vi biên giới quốc gia
- d/. Tất cả các nguyên nhân trên

12. Trên giác độ quan hệ giữa các quốc gia, khi một quốc gia đánh thuế sẽ làm cho các bạn hàng ở vào vị trí bất lợi vì :

- a/. Tỷ lệ mậu dịch của họ giảm đi
- b/. Lợi ích của họ bị giảm đi

- c/. Nên kinh tế của họ gặp khủng hoảng nghiêm trọng
 d/. Cả a và b
- 13 . Tình trạng cán cân thanh toán quốc tế có những dạng nào sau đây :
 a/. Cân bằng
 b/. Thặng dư
 c/. Thâm hụt
 d/. Chiều dòng tiền trong nước và nước ngoài có sự thay đổi
- 14 . Phát biểu nào sau đây là đúng, khi nói về tỷ giá hối đoái:
 a/. Tỷ giá hối đoái không phụ thuộc vào lạm phát, lãi suất
 b/. Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ một quốc gia tính bằng tiền tệ của một quốc gia khác
 c/. Chính phủ không đủ khả năng làm thay đổi tỷ giá
 d/. Tỷ giá hối đoái thực tế là mức giá thị trường của một đồng tiền tính bằng đồng tiền khác vào một thời điểm nhất định
- 15 . Cho biết 1DEM=0,4USD . Nếu tỷ lệ lạm phát tại đức là 5%, tại Mỹ là 4% thì tỷ lệ trên sẽ thay đổi là :
- a/. 1DEM = $\frac{0.4 \times 5\%}{3\%}$ USD
 b/. 1DEM = $\frac{5\%}{0.4 \times (1 + 4\%)}$ USD
 c/. 1DEM = $\frac{(1 + 5\%)}{0.4 \times (1 + 5\%)}$ USD
 d/. 1DEM = $\frac{(1 + 4\%)}{0.4 \times (1 + 5\%)}$ USD

Đáp án:

1. c 2. d 3. c 4. c 5. a 6. c 7. d 8. b 9. d 10. c 11.d 12.d 13.d 14.b 1 5.c

Chọn câu trả lời đúng trong các trường hợp sau:

1. Các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới bao gồm:

- Các quốc gia trên thế giới
- Các tổ chức kinh tế quốc tế cùng với các mối quan hệ kinh tế quốc tế
- Các quốc gia và các liên kết kinh tế quốc tế
- Các chủ thể kinh tế quốc tế (bao gồm các quốc gia, các chủ thể ở cấp độ cao hơn và thấp hơn quốc gia) cùng với các mối quan hệ kinh tế quốc tế

2. Phát biểu nào sau đây về toàn cầu hóa là đúng:

- Toàn cầu hóa là một quá trình phát triển mạnh mẽ các quan hệ kinh tế quốc tế trên quy mô toàn cầu
- Toàn cầu hóa là một quá trình loại bỏ sự phân tách cách biệt về biên giới lãnh thổ quốc gia
- Toàn cầu hóa là quá trình loại bỏ sự phân đoạn thị trường để đi đến một thị trường toàn cầu duy nhất
- Cả a, b, c

3. Đây là sự khác biệt giữa toàn cầu hóa và khu vực hóa:

- Là sự mở rộng, gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế
- Giúp khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả trên quy mô lớn
- Loại bỏ các trở ngại về rào cản trong quan hệ kinh tế quốc tế giữa các quốc gia
- Làm gia tăng về cường độ và khối lượng của các quan hệ kinh tế quốc tế

4. Chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm:

- Chủ thể ở cấp độ quốc gia
- Chủ thể ở cấp độ cao hơn quốc gia
- Chủ thể ở cấp độ thấp hơn quốc gia
- Cả a, b, c

5. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith cho rằng:

- a. Trong trao đổi quốc tế, tất cả các quốc gia đều có lợi
 - b. Trong trao đổi quốc tế, các quốc gia chỉ có lợi khi họ trao đổi theo một tỉ lệ nhất định
 - c. Trong trao đổi quốc tế, các quốc gia được lợi khi họ tập trung chuyên môn hóa và xuất khẩu những sản phẩm có lợi thế tuyệt đối
 - d. b và c
6. Cho biết tình hình sản xuất mặt hàng X và Y ở 2 quốc gia như sau:

Quốc gia	I	II
Mặt hàng		
X	6	1
Y	4	2

Với những giả định như trong lý thuyết lợi thế tương đối, 2 quốc gia trên sẽ có lợi nếu trao đổi hàng hóa theo tỷ lệ:

- a. $X/Y = 1$
- b. $X/Y < 1/2$
- c. $X/Y = 3/4$
- d. a và c

7. Tác động của thuế quan nhập khẩu:

- a. Phân phối lại thu nhập
- b. Không tác động đến giá nội địa của hàng hóa nhập khẩu mà chỉ tác động đến khối lượng hàng hóa nhập khẩu
- c. Khuyến khích xuất khẩu
- d. Không phải các phương án trên

8. Nhà nước quản lý hoạt động ngoại thương bằng các công cụ:

- a. Hạn ngạch nhập khẩu
- b. Các kế hoạch phát triển kinh tế
- c. Hệ thống kho đệm và dự trữ quốc gia
- d. Cả a, b, c

9. Hình thức nào sau đây không được coi là hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):

- a. Viện trợ đa phương
- b. Những khoản cho vay của các tổ chức chính thức theo các điều khoản thương mại
- c. Viện trợ lương thực phẩm
- d. Giúp đỡ kỹ thuật

10. Thứ tự về thời gian Việt Nam gia nhập các tổ chức (sớm nhất □ muộn nhất)

- a. ASEAN – APEC – AFTA – WTO
- b. APEC – ASEAN – AFTA – WTO
- c. ASEAN – AFTA – APEC – WTO
- d. AFTA – ASEAN – APEC – WTO

11. ODA nằm trong tài khoản nào trong số các tài khoản sau:

- a. Tài khoản vãng lai
- b. Tài khoản vốn
- c. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- d. Tài khoản chênh lệch số thống kê

12. Khi sức mua của đồng tiền Việt Nam tăng so với đồng USD thì điều gì sau đây xảy ra:

- a. Xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng, nhập khẩu từ Mỹ giảm
- b. Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng
- c. Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm
- d. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng

13. Việc Ngân hàng trung ương bán ngoại tệ dự trữ có tác động như thế nào đến nền kinh tế:

- a. Đầu tư không đổi

- b. Đầu tư từ trong nước ra nước ngoài tăng
- c. Đầu tư từ trong nước ra nước ngoài giảm
- d. Không phải các phương án trên

14. Chế độ bản vị vàng hồi đoiái được sử dụng vào thời gian nào:

- a. 1867 – 1914
- b. 1922 – 1939
- c. 1944 – 1971
- d. 1978 đến nay

15. Việc ra đời hai tổ chức tài chính quốc tế World Bank và IMF là đặc điểm của hệ thống tiền tệ nào:

- a. Bretton Woods
- b. Giamaica
- c. EMS
- d. Không phải các phương án trên

Đáp án:

1. d 2. d 3. c 4. d 5. d 6. d 7. a 8. d 9. b 10.c 11. a 12. d 13. c 14. b 15. a

Câu 1: Sự phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay phụ thuộc vào.

- a, Sự phát triển hơn nữa của các quốc gia phát triển.
- b, Sự phát triển mạnh mẽ của các quốc gia đang phát triển.
- c, Sự mở rộng và tăng cường các quan hệ quốc tế.
- d, Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất , phân công lao động quốc tế và các quan hệ quốc tế.

ĐA: d

Câu 2: Các chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm.

- a, Các nền kinh tế của các quốc gia độc lập.
- b, Các công ty ,đơn vị kinh doanh.
- c, Các thiết chế, tổ chức quốc tế.
- d, Tất cả các phương án trên.

ĐA: d

Câu 3: Các nhận định nào sau đây là đúng.

- a, Toàn cầu hóa là quá trình phát triển mạnh mẽ trao đổi thương mại quốc tế giữa các quốc gia.
- b, Toàn cầu hóa luôn có lợi cho các công dân toàn cầu.
- c, Toàn cầu hóa là xu thế phát triển tất yếu luôn tuân theo quy luật khách quan.
- d, Toàn cầu hóa đồng nhất với khu vực hóa.

ĐA: c,

Câu4: Trong các trường hợp sau đâu là hình thức tái xuất khẩu:

- a, Nhà nước cho phép các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu nhập nguyên vật liệu mà trong nước không sản xuất được để sản xuất hàng xuất khẩu .
- b, Một doanh nghiệp Đài Loan thuê tổng công ty dệt may gia công một lô hàng áo xuân-hè.
- c, Một doanh nghiệp Hồng Kông nhập khẩu giày da của Việt Nam sau đó xuất sang EU.
- d, Do gặp thời tiết xấu tàu chở hàng của Việt Nam phải tạm trú ở cảng Singapore sau đó tiếp tục xuất khẩu sang Châu Âu.

ĐA: c

Câu 5: Nhận định nào sau đây là đúng:

- a, Quan hệ kinh tế quốc tế chính là sự thể hiện của thương mại quốc tế.
- b, Qua thương mại quốc tế các nước đang phát triển tiếp nhận được nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kinh tế.
- c, Thương mại quốc tế là sự trao đổi giá trị giữa các nền kinh tế.
- d, Thương mại quốc tế là toàn bộ hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa ,dịch vụ giữa các quốc gia.

ĐA: d

Câu 6 : Tìm nhận định đúng

- a, một quốc gia được coi là có lợi thế tuyệt đối về một hàng hóa khi họ sản xuất hàng hóa đó với các chi phí nhỏ hơn.

b, quốc gia nào có chi phí cơ hội thấp trong sản xuất một loại hàng hóa nào đó tức là họ có lợi thế so sánh trong việc sản xuất hàng hóa đó.

c, quốc gia có lợi thế tuyệt đối về hàng hóa nào thì họ cũng có lợi thế tương đối trong sản xuất hàng hóa đó.

d, Khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối để sản xuất sản phẩm nào thì họ sẽ bị thiệt trong thương mại quốc tế.

ĐA: b,

Câu 7: Thuế quan :

a, Thuế quan là công cụ của chính sách thương mại quốc tế.

b, Là một dạng của chính sách thương mại quốc tế.

c, Thuế quan nhập khẩu làm cho nhà nhập khẩu phải chịu chi phí lớn .

d, Khi một quốc gia muốn thu lợi từ một mặt hàng truyền thống của mình họ sẽ thu thuế nhập khẩu của mặt hàng đó.

ĐA: a

Câu 8: Tìm câu đúng:

a, Thuế quan xuất khẩu là sự thể hiện của bảo hộ mậu dịch.

b, Mục tiêu của bảo hộ mậu dịch là bảo vệ thị trường nội địa.

c, Bảo hộ mậu dịch được coi là biện pháp duy nhất để bảo vệ “ngành công nghiệp non trẻ”

d, Bảo hộ mậu dịch và tự do hóa thương mại là hai xu hướng đối nghịch nhau, không thể nương tựa nhau,

ĐA: b

Câu 9: Nhận định nào sau đây là sai.

a, Đầu tư quốc tế là một trong những nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế.

b, Đầu tư quốc tế thực chất là sự vận động của tiền tệ và tài sản giữa các quốc gia.

c, Đầu tư quốc tế luôn có lợi với nước chủ đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.

d, ODA là một dạng của đầu tư quốc tế.

ĐA: c

Câu 9: Hình thức nào sau đây là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a, một quỹ tài chính quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam vay vốn .

b, Một số các tổ chức tài chính đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

c, Một ngân hàng nước ngoài mua 20% cổ phần của ngân hàng VIP Bank để trở thành cổ đông chiến lược.

d, Chính phủ Hà Lan đài thọ cho các chương trình y tế giáo dục ở vùng sâu vùng xa của Việt Nam.

ĐA: c

Câu 10: Mô hình kim cương về lợi thế cạnh tranh Quốc gia của ai?

a, P. Koller

b, Friedman

c, Keynes

d, M. Porter

ĐA: c

Câu 1: Giải pháp phát triển kinh tế đối ngoại ở Việt Nam là:

a) Phát triển nền kinh tế theo kinh tế thị trường.

b) Tội mại trong chính trị và kinh tế.

c) Cải tạo, hoàn thiện, xây dựng mới cơ sở hạ tầng.

d) Cả a, b, c.

Câu 2: Quy trình loại bỏ sự phân biệt, cách biệt và biến giới hạn thương mại trong xu hướng:

a) Toàn cầu hoá.

b) Khu vực hoá.

c) Cách mạng khoa học kỹ thuật.

d) Phát triển của vùng cung cấp - Thị trường Đông - Tây.

Câu 3: Thương mại quốc tế làm lợi về giá trị và giá trị sử dụng là

a) Sản phẩm của thương mại quốc tế.

b) Chức năng của thương mại quốc tế.

c) Nội dung của thương mại quốc tế.

d) Không phải a, b, c.

Câu 4: quy luật lõi thổ sản xuất lý thuyết

- a) Lõi thổ xuất ãi của Adam Smith.
- b) Lõi thổ sản ãi của Ricardo.
- c) Lõi thổ sản ãi của Haberler.
- d) Lõi thổ sản ãi của Heckscher.

Câu 5: Thuế quan là loại thuế đánh vào

- a) Tất cả hàng hoá, dịch vụ sản xuất trong nước.
- b) Hàng hoá xuất khẩu.
- c) Hàng hoá nhập khẩu.
- d) Hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh.

Câu 6: Công cụ định nghĩa hoạt động xuất khẩu

- a) Thuế quan.
- b) Hạn ngạch.
- c) Hạn chế xuất khẩu tự nguyện.
- d) Trễ cấp xuất khẩu.

Câu 7: Tự do thương mại nghĩa là

- a) Giảm sự can thiệp của chính phủ vào lĩnh vực buôn bán quốc tế.
- b) Loại bỏ sự phân biệt giữa thị trường nội địa và thị trường toàn cầu duy nhất.
- c) Nói lỏng, mềm hoá sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực buôn bán quốc tế.
- d) Làm bạn với tất cả quốc gia trên thế giới với nguyên tắc đôi bên có lợi, tôn trọng, bình đẳng.

Câu 8: Chính sách cung cấp vốn hệ thống chính thức ODA

- a) Hỗ trợ cán cân thanh toán và ngân sách.
- b) Hệ thống chính sách.
- c) Hệ thống dự trữ.
- d) Tất cả a, b, c.

Câu 9: Nguồn vốn chủ yếu trực tiếp nước ngoài FDI được hình thành từ

- a) Hệ thống chính sách.
- b) Vay nước ngoài hoặc khách nước ngoài.
- c) Nguồn vốn nhà nước, vốn từ các công ty.
- d) Khách hàng các ngân hàng.

Câu 10: Hệ thống tiền tệ xây dựng trên cơ sở chế độ bản vị vàng hối đoái là

- a) Hệ thống tiền tệ đơn nhất.
- b) Hệ thống tiền tệ hai.
- c) Hệ thống tiền tệ ba.
- d) Hệ thống tiền tệ tư.

Câu hỏi trắc nghiệm môn: Kinh Tế Quốc Tế (tiếp).

Câu 1: Biết 1DEM = 10050 VND. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam là 6%, tỷ lệ lạm phát ở Đức là 4%. Tỷ giá sau lạm phát sẽ là:

- a. 1DEM = 10143.27 VND.
- b. 1DEM = 10243,27 VND. □
- c. 1DEM = 10343.27 VND.
- d. 1DEM = 10340.27 VND.

Câu 2: Chính phủ tăng lãi suất, với những điều kiện khác không đổi thì

- a. Lượng tiền trong lưu thông giảm.
- b. lượng tiền trong lưu thông tăng.
- c. Lượng tiền trong lưu thông có thể tăng, có thể giảm.
- d. Lượng tiền trong lưu thông không thay đổi.

Câu 3: Vốn hỗ trợ chính thức ODA nằm trong tài khoản nào trong số những tài khoản sau:

- a. Tài khoản thường xuyên.
- b. Tài khoản vốn.
- c. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia.
- d. Tài khoản chênh lệch số thống kê.

Câu 4: Nhân tố nào sau đây tác động đến tỷ giá hối đoái

- a. Thu nhập quốc dân tăng.
- b. Chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia.
- c. Can thiệp của chính phủ.
- d. Cả ba nhân tố trên.

Câu 5: Đặc điểm của hệ thống tiền tệ thứ ba là

- a. Vàng được sử dụng là tiền tệ của thế giới.
- b. Hình thành hai tổ chức tiền tệ quốc tế là IMF và WB.
- c. Sử dụng vàng và một số đồng tiền chủ yếu khác.
- d. Vàng hoàn toàn bị loại bỏ khỏi thanh toán quốc tế.

Câu 1. Vốn đầu tư có các dòng chính

- A. Đầu tư trực tiếp và gián tiếp
- B. Đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp
- C. Đầu tư tư nhân và vốn ODA (hỗ trợ phát triển chính thức)
- D. ODA và đầu tư gián tiếp

Câu 2. Hình thức thương mại nào sau không diễn ra hành vi mua và bán

- A. Xuất khẩu hàng hóa vô hình
- B. Tái xuất khẩu
- C. Chuyển khẩu
- D. Xuất khẩu tại chỗ

Câu 3. Tác giả của lý thuyết lợi thế so sánh tương đối là ai

- A. Adam Smith
- B. J.M. Keynes
- C. D. Ricardo
- D. Samuelson

Câu 4. Lý thuyết cú huých từ bên ngoài của ai

- A. Rostow
- B. Friedman
- C. A. Smith
- D. Ragnar Nurke

Câu 5. WTO được thành lập năm nào?

- A. 1945
- B. 1947
- C. 1987

D.1995

Câu 6. Vòng đàm phán Uruguay kết thúc năm nào?

- A.1986
- B.1992
- C.1993
- D.1995

Câu 7. Hiệp định thương mại Việt-Mỹ được ký kết năm nào

- A.1995
- B.1998
- C.2000
- D.2002

Câu 8. Hệ thống tiền tệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai

- A.Gion noa
- B.Bretton Woods
- C.Giamaica
- D.Hệ thống tiền tệ châu Âu (EMS)

Câu 9. NAFTA là tên viết tắt thị trường tự do của khu vực nào?

- A.Nam Mỹ
- B.Bắc Mỹ
- C.Đông Nam Á
- D.Châu Phi

Câu 10. Xuất khẩu của Việt Nam năm 2006 là

- A.30
- B.35
- C.40
- D.45

Câu 11. Nước thu hút FDI lớn nhất thế giới năm 2006

- A.Mỹ
- B.Trung Quốc
- C.Anh
- D.Ấn Độ

Câu 12. Nước nào kết thúc đàm phán song phương với Việt Nam muộn nhất trong quá trình đàm phán vào WTO của Việt Nam?

- A.Trung Quốc
- B.Nhật Bản
- C.Mỹ
- D.Thụy Sĩ

Câu 13: Tỷ giá hối đoái của Việt Nam và Mỹ là $1\text{USD} = 16000\text{VND}$. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 7% , của Mỹ là 4%. Tỷ giá hối đoái sau lạm phát là bao nhiêu

- a. $1\text{USD} = 28000\text{VND}$
- b. $1\text{USD} = 9000\text{VND}$
- c. $1\text{USD} = 16461\text{VND}$
- d. không phải các đáp án trên

Câu 14: Yếu tố nào sau đây không thuộc tài khoản vốn:

- a. các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài
- b. các khoản vay ngắn hạn
- c. ODA
- d. cả a,b

Câu 15: Trong điều kiện chính phủ giảm lãi suất thì :

- a. đầu tư giảm
- b. lượng cung tiền trong lưu thông giảm đi
- c. lượng cung tiền trong lưu thông tăng lên
- d. cả a,b

Câu 16: khi đồng việt nam tăng giá so với đồng đô la mỹ thì:

- a. khuyến khích hàng hoá việt nam xuất khẩu sang mỹ
- b. khuyến khích hàng hoá mỹ xuất khẩu sang việt nam
- c. hàng hoá của việt nam rẻ hơn hàng hoá của mỹ
- d. cả a và c

Câu 17: Cán cân thanh toán quốc tế bao gồm nội dung sau:

- a. tài khoản vãng lai và tài khoản vốn
- b. tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- c. tài khoản chênh lệch số thống kê
- d. cả a,b,c

Đáp Án: 1-C, 2-C, 3-C, 4-D, 5-D, 6-C, 7-C, 8-B, 9-B, 10-C, 11-A, 12-C 13 DA:c 14 DA:c 15 DA: c 16 DA:b 17 DA:d

Câu 1) Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của nền kinh tế thế giới:

- a) Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm và không đồng đều nhau giữa các nước và các khu vực
- b) Kinh tế khu vực Châu á - Thái Bình Dương nổi lên làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới chuyển dần về khu vực này
- c) Xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới
- d) Cả ba đáp án trên

Câu 2) Trong các hoạt động của các quan hệ kinh tế quốc tế dưới đây, hoạt động nào có vị trí quan trọng, giữ vị trí trung tâm mang tính phổ biến trong tất cả các quốc gia:

- a) Thương mại quốc tế
- b) Hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ
- c) Hợp tác đầu tư quốc tế
- d) Các hoạt động dịch vụ quốc tế

Câu 3) Nội dung nào sau đây không thuộc nội dung của thương mại quốc tế:

- a) Xuất và nhập khẩu hàng hoá hữu hình
- b) Xuất và nhập khẩu hàng hoá vô hình
- c) Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài
- d) Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Câu 4) Quan điểm nào sau đây không thuộc trường phái trọng thương:

- a) Khẳng định vai trò của thương mại quốc tế. Đó là nguồn quan trọng mang về quý kim cho đất nước
- b) Chính phủ không cần can thiệp vào các hoạt động mậu dịch quốc tế. Hãy để cho nó được tự do!
- c) Việc buôn bán với nước ngoài không phải xuất phát từ lợi ích chung của cả hai phía mà chỉ có thu vén cho lợi ích quốc gia của mình
- d) Chỉ trả công xá thấp cho công nhân thôi bởi vì công xá cao sẽ làm cho con người lười biếng, chỉ thích ăn không

ngồi rồi

Câu 5) Tính ưu việt nhất của lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo so với lý thuyết lợi thế tương đối của Adam Smith:

- a) Đề cao vai trò của cá nhân và các doanh nghiệp, ủng hộ một nền thương mại tự do, không có sự can thiệp của Chính phủ
- b) Thấy được tính ưu việt của chuyên môn hoá
- c) Ngay cả khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm vẫn có lợi khi giao thương với một quốc gia khác được coi là có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm
- d) a và c

Câu 6) Sự khác biệt của hạn ngạch nhập khẩu so với thuế quan nhập khẩu:

- a) Hạn ngạch nhập khẩu không đem lại thu nhập cho chính phủ và không có tác dụng hỗ trợ cho các loại thuế khác
- b) Hạn ngạch nhập khẩu có thể biến một doanh nghiệp trong nước thành một nhà độc quyền
- c) Hạn ngạch nhập khẩu đưa tới sự hạn chế số lượng nhập khẩu, đồng thời gây ảnh hưởng đến giá nội địa hàng hoá
- d) a và b

Câu 7) Hình thức nào không phải là đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- a) Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- b) Hỗ trợ phát triển chính thức ODA
- c) Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- d) Doanh nghiệp liên doanh

Câu 8) Lợi thế của đầu tư gián tiếp nước ngoài

- a) Bên tiếp nhận vốn đầu tư hoàn toàn chủ động trong sử dụng vốn, do đó vốn đầu tư được phân bổ hợp lý cho các vùng, các ngành, các lĩnh vực
- b) Giúp chủ đầu tư nước ngoài tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch và chiếm lĩnh thị trường nước sở tại
- c) Chủ đầu tư nước ngoài ít chịu rủi ro vì lợi nhuận thu được luôn theo một tỷ lệ lãi suất nhất định
- d) a và c

Câu 9) Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái

- a) Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia
- b) Mức độ tăng hay giảm thu nhập quốc dân giữa các nước
- c) Mức chênh lệch lãi suất giữa các nước
- d) Tất cả các đáp án trên

Câu 10) Hệ thống tiền tệ quốc tế Bretton Woods ra đời khi nào

- a) Trước chế độ bản vị vàng hối đoái
- b) Sau chế độ bản vị vàng hối đoái
- c) Sau hệ thống Jamaica
- d) Sau hệ thống tiền tệ châu Âu EMS

Đáp Án: 1d; 2a; 3d; 4b; 5c; 6d; 7b; 8d; 9d; 10b

Tiếp 5 Câu :

Câu 1) Chế độ tỉ giá thả nổi có quản lý được chính thức thừa nhận trong hệ thống tiền tệ quốc tế nào:

- a) Chế độ bản vị vàng
- b) Chế độ bản vị vàng hối đoái
- c) Hệ thống Bretton Woods
- d) Hệ thống Jamaica

Câu 2) Tỉ giá hối đoái giữa đồng VND và đồng ECU được xác lập như sau: $1 \text{ ECU} = 21.000 \text{ VND}$

Giả sử tỉ lệ lạm phát năm 2000 của Việt Nam là 6% và EU là 4%. Hãy xác định tỉ giá hối đoái sau lạm phát:

- a) 1 ECU = 31.000 VND
- b) 1 ECU = 14.000 VND
- c) 1 ECU = 20.604 VND
- d) 1 ECU = 21.404 VND

Câu 3) Giả sử lãi suất trên thị trường vốn giảm thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến lượng cung tiền trong lưu thông:

- a) Lượng cung tiền trong lưu thông tăng
- b) Lượng cung tiền trong lưu thông giảm
- c) Lượng cung tiền trong lưu thông không thay đổi
- d) Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 4) Sức mua của đồng nội tệ sẽ thay đổi như thế nào so với đồng ngoại tệ khi ta có dữ liệu sau:

Năm 2000 1 NDT = 2.000 VND

Năm 2001 1 NDT = 2.100 VND

- a) Tăng lên
- b) Giảm xuống
- c) Không đổi
- d) Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 5) Nếu đồng VND mất giá so với đồng USD thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động đầu tư từ trong nước ra nước ngoài

- a) Thuận lợi
- b) Khó khăn
- c) Không bị ảnh hưởng
- d) Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án: 1d; 2d; 3a; 4b; 5b

Câu 1. Xu hướng nào sau đây ko phải là xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế quốc tế:

- a. Khu vực hóa, toàn cầu hóa
- b. Sự liên kết của những nước lớn có nền kinh tế phát triển
- c. Sự phát triển vòng cung Châu Á- Thái bình dương
- d. Sự phát triển của khoa học công nghệ

câu 2. Xu hướng chi phối đến hoạt động thương mại của các quốc gia là:

- a. Bảo hộ mậu dịch
- b. Tự do hóa thương mại
- c. a và b
- d. Các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao có sức cạnh tranh mạnh mẽ

câu 3. Nếu $CFSX X(1) / CFSXX(2) > CFSX Y(1) / CFSXY(20)$ thì:

- a. QG (1) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng Y ,QG (2) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng X
- b. QG (1) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng X ,QG (2) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng Y
- c. QG (1) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng X và Y
- d. QG (2) sẽ có lợi thế so sánh ở mặt hàng X. và Y

câu 4. Nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế là:

- a. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường ra nước ngoài
- b. Phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước
- c. Bảo vệ thị trường nội địa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước đứng vững và vươn lên trong hoạt động kinh doanh quốc tế
- d. a và c

câu 5. Ý nào sau đây ko phản ánh được đặc điểm của thuế quan nhập khẩu:

- a. Phụ thuộc vào mức độ co giãn của cung cầu hàng hóa
- b. Biết trước được sản lượng hàng nhập khẩu
- c. Mang lại nguồn thu cho nhà nước

d.a va b

câu 6. Thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu sẽ làm:

- a. Làm giảm “lượng cầu quá mức” đối với hàng hóa có thể nhập khẩu
- b. Làm giảm “lượng cung quá mức” trong nước đối với hàng có thể xuất khẩu
- c. Làm giảm “lượng cung quá mức” đối với hàng hóa có thể nhập khẩu

d. a va b

câu 7. Vốn FDI được thực hiện dưới hình thức:

- a. Hợp tác liên doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- b. Doanh nghiệp liên doanh
- c. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

d cả 3 ý trên

câu 8. Các đối tác cung cấp ODA:

- a. Tư nhân và các tổ chức phi chính phủ
- b. Chính phủ nước ngoài
- c. Các tổ chức chính phủ hoặc liên chính phủ quốc gia

d. b và c

câu 9. Chế độ bản vị vàng hối đoái thuộc :

- a. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ nhất
- b. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ hai
- c. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ ba
- d. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư

câu 10. Giả sử thu nhập quốc dân của Mỹ tăng lên trong khi đó thu nhập của Việt nam không thay đổi thì:

- a. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ giảm
- b. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ tăng
- c. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ không thay đổi
- d. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ thay đổi phụ thuộc vào sản lượng xuất nhập khẩu

Đáp án: 1-b, 2-c, 3-a, 4-d, 5-d, 6-d, 7-d, 8-d, 9-b, 10-a

Câu 11. Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì:

- a. Nhà đầu tư giảm, tiết kiệm của người dân tăng
- b. Nhà đầu tư giảm, tiết kiệm của người dân giảm
- c. Nhà đầu tư tăng, tiết kiệm của người dân tăng
- d. Nhà đầu tư tăng, tiết kiệm của người dân giảm

chọn đáp án a

câu 12 . Cho tỷ giá hối đoái giữa hai Quốc gia là: 1HKD = 2069VND . Nếu tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam là 5% và ở Hồng Kong là 3% . Thì tỷ giá hối đoái sau lạm phát là:

- a. 1HKD = 2069VND
- b. 1HKD = 2169VND
- c. 1HKD = 2109VND
- d. 1HKD = 2269VND

chọn đáp án c

Câu 13 Nguồn vốn ODA thuộc tài khoản nào:

- a. Tài khoản vãng lai
- b. Tài khoản vốn
- c. Tài khoản dự trữ chính thức Quốc gia
- d. Tài khoản chênh lệch số thống kê

chọn đáp án a

Câu 14 Khi tỷ giá hối đoái tăng lên thì:

- a. Nhập khẩu giảm, xuất khẩu tăng
- b. Nhập khẩu tăng , xuất khẩu giảm
- c. Đầu tư trong nước ra nước ngoài tăng lên
- d. a và c

chọn đáp án d

Câu 15 Khi chính phủ giảm thuế quan nhập khẩu thì

- a. Thu nhập chính phủ giảm , thặng dư nhà sản xuất giảm
- b. Thu nhập chính phủ tăng , thặng dư nhà sản xuất giảm
- c. Thu nhập chính phủ tăng , thặng dư nhà sản xuất tăng
- d. Thu nhập chính phủ giảm , thặng dư nhà sản xuất tăng

1. Tỷ giá hối đoái giữa đồng NDT với đồng Việt Nam là: $1 \text{ NDT} = 2000$

VND. Lạm phát của Việt Nam là 2% , lạm phát của Trung Quốc là 4% . Tỷ

giá hối đoái sau lạm phát là:

- a. $1 \text{ NDT} = 1000$
- b. $1 \text{ NDT} = 4000$
- c. $1 \text{ NDT} = 2039,216$
- d. $1 \text{ NDT} = 1961,538$

2. Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì:

- a. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng
- b. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm
- c. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi
- d. Cả ba câu trên đều sai.

3. Vốn ODA thuộc tài khoản nào trong cán cân thanh toán quốc tế:

- a. Tài khoản vãng lai
- b. Tài khoản vốn
- c. Tài khoản dự trữ chính thức
- d. Tài khoản chênh lệch số thống kê

4. Việt Nam bị truất quyền khỏi tổ chức IMF & WB vào năm nào?

- a. 1950
- b. 1977
- c. 1979
- d. 1993

5. Hệ thống Bretton Woods là một chế độ:

- a. Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do
- b. Tỷ giá hối đoái cố định
- c. Tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý
- d. Tỷ giá hối đoái cố định có điều chỉnh.

Đáp án:

1 – d; 2- b; 3- a; 4- c; 5- d.

1. Trong các chủ thể sau, đâu là chủ thể kinh tế quốc tế?

- a. Hàn Quốc
- b. Trường đại học Kinh Tế Quốc Dân
- c. Tập đoàn Microsoft
- d. a và c

2. Quan hệ kinh tế quốc tế chịu sự điều tiết của:

- a. Các quy luật kinh tế
- b. Sự chuyển đổi giữa các loại đồng tiền
- c. Kim ngạch xuất nhập khẩu
- ü d. a và c
- e. Tất cả các nhân tố trên.

3. Thương mại quốc tế bao gồm:

- a. Xuất nhập khẩu hàng hoá hữu hình và vô hình
- b. Gia công quốc tế
- c. Tái xuất khẩu và chuyển khẩu
- d. Xuất khẩu tại chỗ
- ü e. Tất cả các hoạt động trên.

4. Lợi thế so sánh của từng quốc gia trong mô hình thương mại quốc tế sau:

Quốc gia	I	II
Chi phí sx		
Hàng hoá X	6	1
Hàng hoá Y	4	5

- ü a. Quốc gia I có lợi thế so sánh về hàng hoá X, quốc gia II có lợi thế so sánh về hàng hoá Y
- b. Quốc gia I có lợi thế so sánh về hàng hoá Y, quốc gia II có lợi thế so sánh về hàng hoá X
- c. Quốc gia I có lợi thế so sánh về cả hai mặt hàng X và Y.
- d. Quốc gia II có lợi thế so sánh về cả hai mặt hàng X và Y

5. Hai xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế là:

- a. Tự do hoá thương mại và tăng cường nhập khẩu hàng hoá
- b. Bảo hộ mậu dịch và tăng cường xuất khẩu hàng hoá
- ü c. Tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch

6. Thuế quan nhập khẩu làm cho:

- ü a. Tăng giá nội địa của hàng nhập khẩu
- b. Tăng mức tiêu dùng trong nước
- c. Giảm giá nội địa của hàng nhập khẩu
- d. a và b

7. Đầu tư quốc tế là một hình thức di chuyển quốc tế về:

- a. Tiền
- b. Sức lao động quốc tế
- ü c. Tư bản
- d. Tất cả các yếu tố trên

8. FDI vào Việt Nam góp phần:

- a. Bổ sung nguồn vốn trong nước
- b. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến

c. Khai thác có hiệu quả những lợi thế của đất nước về tài nguyên, môi trường

ü d. Tất cả

9. Đối với nước xuất khẩu vốn, đầu tư quốc tế góp phần:

a. Giải quyết khó khăn về mặt kinh tế

b. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

c. Xây dựng thị trường cung cấp nguyên liệu ổn định

d. Bành trướng sức mạnh về kinh tế

ü e. b, c và d.

10. Nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế:

a. Chế độ nước ưu đãi nhất

b. Ngang bằng dân tộc

c. Tương hỗ

ü d. Tất cả các nguyên tắc trên.

Đáp Án

1- d2- d 3- e4- a5-c6- a7- c8-d9-e10 –d

1. Tỷ giá một đồng tiền tăng lên ngay cả khi sức mua của nó giảm sút vì tỷ giá hối đoái phụ thuộc vào:

a. Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia.

b. Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia.

c. Mức độ tăng hay giảm thu nhập quốc dân giữa các nước.

d. Những kỳ vọng về tỷ giá hối đoái.

e. a+b+c+d.

f. Không đáp án nào đúng.*

2. Sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng hối đoái:

g. Do chiến tranh thế giới thứ nhất.

h. Do khủng hoảng kinh tế thế giới 29-33.

i. Do nước Anh không còn đủ khả năng kiểm soát dòng vận động của các nguồn vốn ngắn hạn.

j. Tất cả các đáp án trên.*

3. Sự thay đổi vào dao động thường xuyên của tỷ giá hối đoái gây rủi ro với:

k. Chỉ các nhà xuất nhập khẩu.

l. Các ngân hàng.

m. Các nhà đầu tư.

n. Các cá nhân.

o. a+b+c+d.*

4. Loại nghiệp vụ ngoại hối phối hợp giữa hai nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao dịch ngay có kỳ hạn là :

p. Nghiệp vụ ngoại hối.*

q. Nghiệp vụ ngoại hối giao sau.

r. Nghiệp vụ ngoại hối có quyền chọn.

s. a+b+c.

5. Tỷ giá hối đoái giảm giữa đồng Việt Nam và USD khi:

- t. Người Việt Nam thích hàng nhập khẩu từ Mỹ hơn.
- u. Người Mỹ thích hàng nhập khẩu từ Việt Nam hơn.
- v. Thu nhập quốc dân của Mỹ tăng so với người Việt Nam.
- w. Lãi suất của Việt Nam giảm, lãi suất Mỹ tăng.
- x. $b+c$.*
- y. $a+b+c+d$

6. Các nước đang phát triển nên sử dụng chế độ tỉ giá :

- z. Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do.
- aa. Tỷ giá hối đoái cố định.
- bb. Tỷ giá thả nổi có quản lý.*
- cc. Kết hợp các chế độ tỷ giá trên giữa đồng Việt Nam và USD.

7. Để duy trì mức tỷ giá hối đoái cố định thấp hơn mức tỷ giá cân bằng:

- dd. NHNN phải bán ra một lượng ngoại tệ thiếu hụt tương ứng mỗi ngày.
- ee. NHNN phải mua vào 1 lượng ngoại tệ thiếu hụt tương ứng mỗi ngày.
- ff. Nhà nước mở rộng hạn ngạch cho hàng nhập khẩu từ Mỹ.
- gg. $a+b$
- hh. $b+c$.
- ii. $a+c$.*

8. Dựa trên sự chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối để thu hút lợi nhuận là:

- jj. NV kinh doanh chênh lệch tỷ giá.*
- kk. Hoạt động đầu cơ ngoại hối.
- ll. NV giao dịch ngoại hối có kỳ hạn
- mm. NV hoán đổi.

9. Lạm phát của Việt Nam tăng so với Mỹ đồng thời tốc độ tăng trưởng của Việt Nam cũng tăng so với Mỹ làm :

- nn. Tỷ giá giữa hai đồng tiền tăng.
- oo. Tỷ giá giữa hai đồng tiền giảm.
- pp. Tỷ giá giữa hai đồng tiền không thay đổi.
- qq. Không xác định được vì còn tùy mức độ tăng lạm phát và tăng trưởng của Việt Nam so với Mỹ.*

10. Các biện pháp của chính phủ nhằm giảm giá hàng hoá:

- rr. Mở rộng hạn ngạch
- ss. Giảm thuế nhập khẩu. Tăng tỉ giá hối đoái .
- tt. Tất cả các phương án trên.*

Câu 11: Hạn ngạch có tác hại nhiều hơn thuế

- a. Vì hạn ngạch không đem lại nguồn thu cho NN
- b. Hạn ngạch mang tích chất cung nhắc
- c. Hạn ngạch cho biết trước số lượng hàng nhập khẩu
- d. Hạn ngạch có thể biến nhà sản xuất trong nước thành một nhà độc quyền

Đáp án :d

Câu 12: Hạn chế xuất khẩu là hàng rào mật dịch phi thuế quan vì:

- a. Hạn chế xuất khẩu các nguồn tài nguyên trong nước

- b. Tăng lượng cung hàng trong nước mà không cần nhập khẩu
- c. Là biện pháp quốc gia xk hạn chế lượng hàng xk sang nước mình một cách tự nguyện
- d. (a)+(b)
- e. (a)+(b)+(c)

Đáp án :c

Câu 13: NN quyết định trợ cấp XK cho mặt hàng D thì

- a. Giá mặt hàng D trong nước tăng lên
- b. Nước NK hàng D được hưởng mức giá thấp hơn giá trị thực của hàng D
- c. Nhà SX thu lợi từ chính phần trợ cấp của NN
- d. (a)+(b)
- e. (a)+(b)+(c)

Đáp án :e

Câu 14: Trên giác độ phân phối thu nhập ,thuế quan kích thích thu nhập trong nước vì :

- a. NN thu được một khoản thuế
- b. Kích thích sx trong nước bằng cách chuyển cầu hàng nước ngoài sang hàng hoá trong nước
- c. Làm tăng lượng XK ròng
- d. (a)+(b)
- e.(b)+(c)
- f.(a)+(b)+(c)

Đáp án :e

Câu 15: Các khoản cho vay có thành tố hỗ trợ < 25% từ:

- a.IMF
- b.WB
- c.(a)+(b)+(c)
- d.Không đáp án nào đúng

Đáp án:c

Câu 1.Các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới:

- a. Khu vực hoá- toàn cầu hoá.
- b. Sự bùng nổ của cách mạng khoa học công nghệ.
- c. Sự phát triển của vòng cung Châu Á-Thái Bình Dương.
- d. Cả a,b,c.*

câu 2 Sự thành công của lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của AdamSmith là:

- e. Trong trao đổi quốc tế trên cơ sở lợi thế tuyệt đối sẽ làm cho tổng sản phẩm thế giới tăng lên và các nguồn lực được sử dụng một cách có hiệu quả.
- f. Lý thuyết giải thích được nếu một quốc gia bị bất lợi trong việc sản xuất cả hai mặt hàng thì không nên tham gia vào thương mại quốc tế.
- g. Những ngành có lợi thế trong trao đổi thương mại quốc tế sẽ có xu hướng được tăng cường mở rộng và ngược lại.
- h. a+c.*

câu 3. Cả thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu đều sẽ:

- i. Làm giảm "lượng cầu quá mức" đối với hàng có thể nhập khẩu và giảm " lượng cung quá mức" trong nước đối với hàng có thể xuất khẩu.*
- j. Làm tăng " lượng cầu quá mức" đối với hàng có thể nhập khẩu và tăng " lượng cung quá mức" trong nước đối với hàng có thể xuất khẩu.
- k. Làm giảm " lượng cung quá mức" đối với hàng có thể nhập khẩu và tăng " lượng cung quá mức" trong nước đối với hàng có thể xuất khẩu.

câu 4. Mức độ bảo hộ thực tế là:

l. Tỷ lệ giữa thuế quan với phần giá trị gia tăng nội địa.

m. Tỷ lệ phần trăm giữa thuế quan danh nghĩa với phần giá trị gia tăng nội địa.*

n. Là phần trăm giữa thuế quan danh nghĩa với phần giá trị gia tăng nội địa.

câu 5. Hệ thống tiền tệ quốc tế 2 được xây dựng trên cơ sở:

o. Chế độ bản vị vàng.

p. Chế độ bản vị USD vàng.

q. Chế độ bản vị vàng hối đoái.*

câu 6. Các thành viên tham gia thị trường ngoại hối:

r. Các ngân hàng, các nhà môi giới, các doanh nghiệp và các cá nhân.

s. Các ngân hàng, các doanh nghiệp, các công ty xuyên quốc gia và các doanh nghiệp.

t. Các công ty xuyên quốc gia và các doanh nghiệp.

u. a+c.*

câu 7. Các nước đang phát triển nên áp dụng chế độ tỷ giá:

v. Tỷ giá hối đoái cố định.

w. Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do.

x. Tỷ giá thả nổi có quản lý.*

câu 8. Nhiều người tham gia vào thị trường ngoại hối và các nhà đầu cơ cho rằng đồng USD sẽ giảm giá trong thời gian tới trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì tỷ giá hối đoái sẽ:

y. giảm xuống.*

z. Tăng lên.

aa. Không thay đổi.

câu 9. Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN ra đời với những mục tiêu cơ bản là"

bb. Tự do hoá thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài.

cc. Tự do hoá thương mại và mở rộng quan hệ thương mại với các nước ngoài khu vực.

dd. Tự do hoá thương mại, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và mở rộng quan hệ thương mại với các nước ngoài khu vực.*

câu 10. Nguyên tắc hoạt động của tổ chức thương mại thế giới (WTO) là:

ee. Không phân biệt đối xử, thương mại phải ngày càng được tự do hơn thông qua đàm phán.

ff. Dự đoán, tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng và dành cho các thành viên đang phát triển một số ưu đãi.

gg. a+b.*

11. Trong điều kiện chính Phủ tăng lãi suất thì:

a. Lượng tiền trong lưu thông tăng.

b. Lượng tiền trong lưu thông giảm.*

c. Lượng tiền trong lưu thông không thay đổi

d. Không có ý kiến nào đúng.

12. Tăng lãi suất tiền gửi ở Mỹ so với Việt Nam thì tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ:

a. Tăng lên.*

b. Giảm xuống.

c. Không thay đổi.

13. Nếu tỉ lệ lạm phát của Mỹ tăng lên so với tỷ lệ lạm phát của Việt Nam thì tỷ giá hối đoái sẽ:
- Giảm xuống.*
 - Tăng lên.
 - Không thay đổi.
14. Mục tiêu của bảo hộ mậu dịch là:
- Bảo vệ thị trường nội địa trước sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ của các luồng hàng hoá từ bên ngoài.
 - Bảo vệ lợi ích quốc gia.
 - a+b.*
 - Không có ý nào đúng.
15. Đâu cơ là hoạt động kinh doanh ngoại tệ dựa trên sự thay đổi của:
- Tỷ giá hối đoái.*
 - Lãi suất.
 - Tỷ giá.
 - Không có ý kiến nào đúng

Câu 1:

Toàn cầu hoá:

Là sự gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế của các quốc gia, kết quả là hình thành nên một nền kinh tế toàn cầu.

Là quá trình loại bỏ sự phân tách, cách biệt về biên giới lãnh thổ giữa các quốc gia.

Là quá trình loại bỏ sự phân đoạn thị trường để đi đến một thị trường toàn cầu.

a, b, c.

Câu 2:

Sự khác nhau cơ bản giữa tái xuất khẩu và chuyển khẩu là:

Tái xuất khẩu có xảy ra hiện tượng mua và bán ở nước trung gian, còn chuyển khẩu thì không có hiện tượng này.

Trong quá trình tái xuất khẩu, hàng hoá không được phép gia công, chế biến tại nước trung gian. ĐỐI với chuyển khẩu có xuất hiện thêm dịch vụ vận tải, lưu kho.

Tái xuất khẩu là hoạt động mà hàng hoá được chuyển từ một nước sang nước trung gian, qua gia công, chế biến, sau đó được chuyển sang nước thứ ba. Còn chuyển khẩu là hoạt động mà hàng hoá được chuyển từ một nước sang nước trung gian, không qua gia công chế biến nhưng xuất hiện thêm dịch vụ vận tải lưu kho.

a và b.

Câu 3:

Có số liệu sau:

Chỉ tiêu	Quốc gia 1	Quốc gia 2
Mặt hàng X(sp/h)	6	1
Mặt hàng Y(sp/h)	4	5

Tỷ lệ trao đổi của từng quốc gia theo lợi thế tuyệt đối là:

$$1/5 < X/Y < 6/4$$

$$4/5 < X/Y < 6/1$$

$$1/6 < X/Y < 5/4$$

$$4/6 < X/Y < 5/1$$

Câu 4:

Đặc điểm của tự do hoá thương mại là:

Các quốc gia tự do tham gia vào thị trường mà không có bất cứ một rào cản nào cả.

Vai trò của Nhà nước hầu như bằng không.

Nhà nước giảm thiểu những trở ngại trong hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Là quá trình loại bỏ sự phân tách, cách biệt về biên giới lãnh thổ giữa các quốc gia.

Câu 5:

Các công cụ chủ yếu trong thương mại quốc tế :

Thuế quan và hạn ngạch.

Hạn chế xuất khẩu tự nguyện công nghệ và trợ cấp xuất khẩu.

Những quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật.

a, b, c.

Câu 6:

Trong các nhân tố sau, nhân tố nào có ảnh hưởng mạnh nhất đến tỷ giá hối đoái:

Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia.

Sự can thiệp của chính phủ.

Mức độ tăng giảm thu nhập quốc dân giữa các quốc gia.

Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia.

Câu 7:

Tỷ giá hối đoái giữa 2 quốc gia là:

Hệ số chuyển đổi giữa 2 đồng tiền của 2 quốc gia đó.

Là giá cả của một đơn vị tiền tệ này được biểu hiện qua đơn vị tiền tệ của nước khác.

Sự tương quan giữa các đồng tiền được xây dựng dựa trên cơ sở sức mua đổi ngoại của chúng và một loạt các yếu tố khác.

a, b, c.

Câu 8:

Việt Nam chính thức hội nhập kinh tế quốc tế :

Từ năm 1986.

Từ năm 1992.

Từ năm 1995.

Từ năm 1998.

Câu 9:

Vấn đề lớn nhất được đưa ra trong việc hoạch định những giải pháp phát triển kinh tế đối ngoại ở nước ta hiện nay là:

Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

Môi trường chính trị - xã hội.

Luật pháp-chính sách.

Môi trường kinh tế.

Câu 10:

Khó khăn và thách thức lớn nhất trong tự do hoá thương mại ở Việt Nam hiện nay là:

Cơ sở hạ tầng.

Sức cạnh tranh của hàng hoá trong nước với hàng hoá nước ngoài.

Môi trường luật pháp, chính sách.

Nguồn nhân lực.

Câu 11:

Thuế nhập khẩu:

Là loại thuế không đem lại lợi ích cho Thế Giới nói chung.

Là loại thuế làm tăng thu nhập của đất nước và làm giảm thu nhập của nước ngoài bằng việc làm dịch chuyển cầu hàng hoá từ ngoài quốc vào nội địa.

Là loại thuế làm thay đổi cán cân thương mại của một nước.

a, b, c.

Câu 12:

ODA là tất cả các khoản hỗ trợ không hoàn lại, các khoản vay ưu đãi của chính phủ và các tổ chức nước ngoài dành cho các nước nhận viện trợ.

Là một bộ phận của hạng mục thường xuyên.

Là một bộ phận của tài khoản vốn.

Là một bộ phận của tài khoản dự trữ quốc gia.

Không có ý nào trên đây.

Câu 13:

Cung tiền trong lưu thông của một quốc gia tăng khi:

Lãi suất trong nước tăng.

Lãi suất trong nước giảm.

Lãi suất Thế Giới tăng.

Lãi suất Thế Giới giảm.

Câu 14:

Tỉ giá hối đoái của quốc gia A so với quốc gia B tăng nếu:

Tỉ lệ lạm phát của quốc gia A cao hơn tỉ lệ lạm phát của quốc gia B.

Tỉ lệ lạm phát của quốc gia A thấp hơn tỉ lệ lạm phát của quốc gia B.

Tỉ lệ lạm phát của quốc gia A bằng tỉ lệ lạm phát của quốc gia B.

Không có ý nào trên đây.

Câu 15:

Việt Nam đang sử dụng tỉ giá hối đoái:

Cố định.

Thả nổi.

Thả nổi có quản lý.

Không có ý nào trên đây.

ĐÁP ÁN:

1_d 2_d 3_a 4_c 5_d 6_d. 7_d 8_b 9_a 10_c. 11_d. 12_a. 13_b. 14_b. 15_c.

Câu 1) Tốc độ tăng trưởng của hoạt động thương mại quốc tế có xu hướng như thế nào so với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế xã hội:

- a) Nhanh hơn
- b) Chậm hơn
- c) Bằng nhau
- d) Cả ba phương án trên đều sai

Câu 2) Xu hướng chi phối tới hoạt động thương mại quốc tế của các quốc gia là:

- a) Bảo hộ mậu dịch
- b) Tự do hoá thương mại
- c) a+b
- d) Cả ba phương án trên đều sai

Câu 3) Các công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế là:

- a) Thuế quan và hạn ngạch
- b) Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- c) Trợ cấp xuất khẩu
- d) Cả ba phương án trên

Câu 4) Công cụ hạn chế xuất khẩu tự nguyện được sử dụng trong trường hợp:

- a) Các quốc gia có khối lượng xuất khẩu quá lớn ở một số mặt hàng
- b) Các quốc gia có khối lượng xuất khẩu quá nhỏ ở một số mặt hàng
- c) Các quốc gia có khối lượng nhập khẩu quá lớn ở một số mặt hàng
- d) Các quốc gia có khối lượng nhập khẩu quá nhỏ ở một số mặt hàng

Câu 5) Đầu tư quốc tế có tính chất:

- a) Tính bình đẳng và tự nguyện
- b) Tính đa phương và đa chiều
- c) Tính hợp tác và cạnh tranh
- d) Cả ba tính chất trên

Câu 6) Sự khác biệt của hạn ngạch nhập khẩu so với thuế quan nhập khẩu:

- a) Hạn ngạch nhập khẩu không đem lại thu nhập cho chính phủ và không có tác dụng hỗ trợ cho các loại thuế khác
- b) Hạn ngạch nhập khẩu có thể biến một doanh nghiệp trong nước thành một nhà độc quyền
- c) Hạn ngạch nhập khẩu đưa tới sự hạn chế số lượng nhập khẩu, đồng thời gây ảnh hưởng đến giá nội địa hàng hoá
- d) a và b

Câu 7) Hình thức nào không phải là đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- a) Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- b) Hỗ trợ phát triển chính thức ODA
- c) Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- d) Doanh nghiệp liên doanh

Câu 8) Mỹ trao cho Việt nam quy chế bình thường vĩnh viễn PNTR vào ngày tháng năm nào:

- a. 20/12/2006
- b. 7/11/2006
- c. 20/11/2006
- d. 21/12/2006

Câu 9) Nội dung nào sau đây không thuộc nội dung của thương mại quốc tế:

- a) Xuất và nhập khẩu hàng hoá hữu hình
- b) Xuất và nhập khẩu hàng hoá vô hình
- c) Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài
- d) Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Câu 10) Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam là:

- a. Chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước
- b. Thả nổi
- c. Tự do.
- d. Nhà nước hoàn toàn kiểm soát

Đáp án: 1a;2c;3d;4a;5d;6d;7b;8a;9d;10a.

Câu 1) Tốc độ tăng trưởng của hoạt động thương mại quốc tế có xu hướng như thế nào so với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế xã hội:

- a) Nhanh hơn
- b) Chậm hơn
- c) Bằng nhau
- d) Cả ba phương án trên đều sai

Câu 2) Xu hướng chi phối tới hoạt động thương mại quốc tế của các quốc gia là:

- a) Bảo hộ mậu dịch
- b) Tự do hoá thương mại
- c) a+b
- d) Cả ba phương án trên đều sai

Câu 3) Các công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế là:

- a) Thuế quan và hạn ngạch
- b) Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- c) Trợ cấp xuất khẩu
- d) Cả ba phương án trên

Câu 4) Công cụ hạn chế xuất khẩu tự nguyện được sử dụng trong trường hợp:

- a) Các quốc gia có khối lượng xuất khẩu quá lớn ở một số mặt hàng
- b) Các quốc gia có khối lượng xuất khẩu quá nhỏ ở một số mặt hàng
- c) Các quốc gia có khối lượng nhập khẩu quá lớn ở một số mặt hàng
- d) Các quốc gia có khối lượng nhập khẩu quá nhỏ ở một số mặt hàng

Câu 5) Đầu tư quốc tế có tính chất:

- a) Tính bình đẳng và tự nguyện
- b) Tính đa phương và đa chiều
- c) Tính hợp tác và cạnh tranh
- d) Cả ba tính chất trên

Câu 6) Sự khác biệt của hạn ngạch nhập khẩu so với thuế quan nhập khẩu:

- a) Hạn ngạch nhập khẩu không đem lại thu nhập cho chính phủ và không có tác dụng hỗ trợ cho các loại thuế khác
- b) Hạn ngạch nhập khẩu có thể biến một doanh nghiệp trong nước thành một nhà độc quyền
- c) Hạn ngạch nhập khẩu đưa tới sự hạn chế số lượng nhập khẩu, đồng thời gây ảnh hưởng đến giá nội địa hàng hoá
- d) a và b

Câu 7) Hình thức nào không phải là đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- a) Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp đồng hợp tác kinh doanh
- b) Hỗ trợ phát triển chính thức ODA
- c) Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- d) Doanh nghiệp liên doanh

Câu 8) Mỹ trao cho Việt nam quy chế bình thường vĩnh viễn PNTR vào ngày tháng năm nào:

- a. 20/12/2006
- b. 7/11/2006
- c. 20/11/2006
- d. 21/12/2006

Câu 9) Nội dung nào sau đây không thuộc nội dung của thương mại quốc tế:

- a) Xuất và nhập khẩu hàng hoá hữu hình
- b) Xuất và nhập khẩu hàng hoá vô hình
- c) Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài
- d) Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Câu 10) Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam là:

- a. Chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước
- b. Thả nổi
- c. Tự do.
- d. Nhà nước hoàn toàn kiểm soát

Đáp án: 1a;2c;3d;4a;5d;6d;7b;8a;9d;10a.

Câu 1.

Các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới là

- a) Khu vực hoá, toàn cầu hoá
- b) Bùng nổ khoa học cách mạng khoa học công nghệ
- c) Sự đổi đầu chuyển sang đối ngoại, biệt lập chuyển sang hợp tác
- d) Sự phát triển của vòng cung châu á – thái bình dương
- e) Tất cả đều đúng

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của toàn cầu hoá

- a) Tạo ra một nền kinh tế thống nhất trên toàn thế giới
- b) Phát triển các nguồn lực trong khu vực
- c) Khai thác các nguồn lực trên quy mô toàn thế giới
- d) Các trở ngại về rào cản trong quan hệ kinh tế quốc giữa các quốc gia được loại bỏ

Câu 3. Thuế nhập khẩu không gây ra tác động nào sau đây

- a) Làm giá của hàng nhập khẩu cao lên
- b) Có sự phân phối lại thu nhập từ người tiêu dùng sản phẩm nội địa sang người sản xuất trong nước
- c) Dẫn đến sự kém hiệu

Câu 4. Tác động của cách mạng khoa học công nghệ đến thế giới là

- a) Thay đổi cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế, tăng năng suất lao động
- b) Sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực
- c) Gia tăng mức độ cạnh tranh quốc tế
- d) Tất cả đều đúng

Câu 5.

Biện pháp nào không được dùng để thực hiện tự do hoá thương mại

- a) Giảm thuế xuất nhập khẩu
- b) Xoá bỏ dần hạn ngạch
- c) Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- d) Nói lỏng những quy định về tiêu chuẩn kĩ thuật

Câu 6. Đối với nước chủ đầu tư thì đầu tư quốc tế sẽ mang lại lợi ích

- a) Thu được lợi nhuận cao hơn do tìm được môi trường đầu tư thuận lợi hơn
- b) Khuyến khích được danh tiếng, sản phẩm
- c) Dẫn đến giảm việc làm ở nước chủ đầu tư
- d) a và b là đáp án đúng

Câu 7. Đầu tư gián tiếp nước ngoài có đặc điểm

- a) Chủ đầu tư không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của đối tượng đầu tư
- b) Quyền quản lý điều hành đối tượng đầu tư tùy độ vào mức độ đóng góp vốn của chủ đầu tư
- c) Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư phụ thuộc vào kết quả kinh doanh và được phân chia theo tỷ lệ góp vốn pháp định
- d) Chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp một số vốn tối thiểu một số vốn vào vốn pháp định

Câu 8. Các bộ phận cấu thành cán cân thanh toán là

- a) Cán cân thường xuyên
- b) Cán cân luồng vốn
- c) Cán cân tài trợ chính thức
- d) Tất cả các ý trên

Câu 9. Các thành viên nào không được tham gia vào thị trường ngoại hối

- a) Các ngân hàng
- b) Các nhà môi giới
- c) Các doanh nghiệp
- d) Không thành viên nào trong các thành viên trên

Câu 10. Nguyên tắc tự do hoá ,thuận lợi hoá thương mại là nguyên tắc

- a) Nguyên tắc toàn diện
- b) Nguyên tắc khuyến khích đầu tư
- c) Nguyên tắc đãi ngộ quốc gia
- d) Nguyên tắc trưng thu và bồi thường

Câu 11. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái là:

- a) Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia
- b) Mức độ tăng hay giảm thu nhập quốc dân giữa các nước

- c)Chênh lệch lãi suất giữa các nước
- d) Những kì vọng về tỷ giá hối đoái và sự can thiệp của chính phủ
- e)Tất cả các ý trên

Câu 12. Cán cân thường xuyên gồm

- a)Cán cân thương mại hàng hoặc cán cân hữu hình
- b)Cán cân thương mại dịch vụ hàng hoá hoặc cán cân hữu hình
- c)Cán cân chuyên giao đơn phương
- d)Tất cả các cán cân trên

Câu 13. Trong điều kiện chính phủ giảm lãi suất thì

- a)Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng
- b)Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm
- c)Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi
- d)Không câu nào đúng

Câu 14. Các hình thức của ODA là

- a)OAD không hoàn lại
- b)ODA cho vay ưu đãi
- c)ODA hỗn hợp
- d)Cả a,b,c

Câu 15. Các hình thức đầu tư gián tiếp nước ngoài là

- a) Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- b)Doanh nghiệp liên doanh
- c)Mua cổ phiếu trái phiếu
- d)Không hình thức nào

ĐÁP ÁN

1e 2b 3d 4d 5c 6d 7a 8d 9d 10a 11e 12d 13a 14d 15c

1. Chủ thể của nền kinh tế thế giới bao gồm:

- a. Quốc gia độc lập có chủ quyền, các liên minh khu vực.
- b. Các liên minh khu vực và liên minh tiền tệ.
- c. Quốc gia độc lập có chủ quyền, liên kết kinh tế quốc tế, tổ chức kinh tế quốc tế.
- d. Cả a, b, c

2. Xu hướng về sự bùng nổ của cách mạng KHKT đã có tác động làm thay đổi chính sách của Việt Nam:

- a. Đưa đến sự đột biến trong tăng trưởng.
- b. Đòi hỏi sự chú trọng trong việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ KHCN, công nghệ và quản lý chất lượng.
- c. Có sự biến động sâu sắc về cơ cấu kinh tế.
- d. Tăng năng suất lao động và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

3: Những nguyên nhân cơ bản điều chỉnh quan hệ KTQT?

- a. Chế độ nước ưu đãi nhất.
- b. Ngang bằng dân tộc.
- c. Tương hỗ.
- d. Cả ba đáp án trên.

4: Yếu tố nào không phải là công cụ của chính sách thương mại?

- a. Thuế quan.
- b. Quota.
- c. Trợ cấp xuất khẩu.
- d. Trợ cấp nhập khẩu

5: Xu hướng nào không phải xu hướng vận động chủ yếu của nền KTQT?

- a. Toàn cầu hoá.
- b Sự bùng nổ của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- c Sự phát triển của vòng cung Châu Á-Thái Bình Dương.
- d. Các rào cản kinh tế giữa các quốc gia ngày càng tăng

6: Hình thức thương mại nào sau không diễn ra hành vi mua và bán

- a. Xuất khẩu hàng hóa vô hình
- b. Tái xuất khẩu
- c. Chuyển khẩu
- d. Xuất khẩu tại chỗ

7: Tác giả của lý thuyết lợi thế so sánh tương đối là ai

- a. Adam Smith
- b. J.M. Keynes
- c. D. Ricardo
- d. Samuelson

8: Lý thuyết cú huých từ bên ngoài của ai

- a. Rostow
- b. Friedman
- c. A. Smith
- d. Ragnar Nurke

9: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư:

- a. Cửa tư nhân, công ty vào một công ty ở nước khác và trực tiếp điều hành công ty đó
- b. Mua cổ phiếu, trái phiếu của một doanh nghiệp ở nước khác
- c. Cho vay ưu đãi giữa chính phủ các nước
- d. Dùng cải cách hành chính, tư pháp, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước

10: Một trong các chức năng cơ bản của thị trường ngoại hối là

- a. Xác định lượng tiền cần bơm vào lưu thông trong nước
- b. Đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi ngoại tệ phục vụ cho chu chuyển, thanh toán quốc tế
- c. Giúp nhà đầu tư tránh được rủi ro bằng việc đầu tư ra nước ngoài
- d. Cân bằng cán cân thanh toán quốc gia

11: Đầu tư quốc tế là hình thức di chuyển quốc gia về □. từ quốc gia này đến quốc khác.

- a. Vốn
- b. Công nghệ
- c. Nhân lực

d. Cả a, b và c

12. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên sẽ:

- a. Hạn chế xuất khẩu tư bản
- b. Hạn chế nhập khẩu tư bản
- c. Hạn chế cả xuất khẩu và nhập khẩu tư bản
- d. Không ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu tư bản

13. Vàng và một số đồng tiền chủ chốt được coi là ngoại tệ vàng là đặc điểm của hệ thống tiền tệ nào?

- a. Hệ thống tiền tệ thứ nhất(bản vị vàng)
- b. Hệ thống tiền tệ thứ hai(Bản vị àng hối đoái)
- c. Hệ thống tiền tệ Giamaica
- d. Hệ thống tiền tệ EMS

14. Hình thức nào sau đây không được coi là hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):

- a. Viện trợ đa phương
- b. Những khoản cho vay của các tổ chức chính thức theo các điều khoản thương mại
- c. Viện trợ lương thực phẩm
- d. Giúp đỡ kỹ thuật

15. Thứ tự về thời gian Việt Nam gia nhập các tổ chức (sớm nhất → muộn nhất)

- a. ASEAN APEC AFTA WTO
- b. APEC ASEAN AFTA WTO
- c. ASEAN AFTA APEC WTO
- d. AFTA

kq: 1c, 2b, 3d, 4d, 5d, 6c, 7c, 8d, 9a, 10b, 11a, 12a, 13b, 14b, 15

Câu 1: Nền kinh tế thế giới là tổng thể các mối quan hệ giữa:

- a. Các quốc gia.
- b. Các quốc gia với các tổ chức quốc tế
- c. Các liên minh kinh tế quốc tế
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 2: Nội dung của thương mại quốc tế bao gồm:

- a. Xuất nhập hàng hoá- dịch vụ và gia công quốc tế
- b. Tái xuất khẩu chuyển khẩu và xuất khẩu tại chỗ
- c. Xuất nhập hàng hoá- dịch vụ, gia công quốc tế, tái xuất khẩu, chuyển khẩu và xuất khẩu tại chỗ
- d. Xuất nhập hàng hoá- dịch vụ, gia công quốc tế và xuất khẩu tại chỗ.

Câu 3: Các công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế

- a. Thuế quan, hạn ngạch, trợ cấp xuất khẩu
- b. Thuế quan, trợ cấp xuất khẩu, những quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật
- c. Thuế quan, hạn ngạch, trợ cấp xuất khẩu, những quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, hạn chế xuất khẩu tự nhiên
- d. Thuế quan và hạn ngạch là hai công cụ chủ yếu và quan trọng nhất.

Câu 4: Đầu tư quốc tế là một hình thức di chuyển quốc tế về:

- a. Tư bản nói chung
- b. Tiền
- c. Tài sản
- d. Vốn và con người.

Câu 5: Phương thức cung cấp ODA:

- a. Hỗ trợ cán cân thanh toán và ngân sách.
- b. Hỗ trợ chương trình

c. Hỗ trợ dự án

<d>. Tất cả các câu trên đều đúng.

câu 6: Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A.Smith cho rằng:

a. Không có quốc gia nào được lợi khi trao đổi

b. Một quốc gia có lợi và một quốc gia chịu thiệt

<c>. Cả hai đều có lợi khi sản xuất và trao đổi mặt hàng có lợi thế tuyệt đối

d. Cả hai đều có lợi khi sản xuất và trao đổi mặt hàng có lợi thế tương đối

Câu 7: Đặc điểm quan trọng của đầu tư gián tiếp nước ngoài là:

<a>. Chủ đầu tư nước ngoài không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của đối tượng đầu tư.

b. Chủ đầu tư nước ngoài trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của đối tượng đầu tư.

c. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được phân chia theo tỉ lệ góp vốn trong vốn pháp định.

d. Quyền quản lý, quyền điều hành đối tượng đầu tư phụ thuộc vào mức độ góp vốn.

Câu 8: Thu nhập quốc dân của Mỹ tăng lên trong khi thu nhập quốc dân của Việt Nam không thay đổi sẽ làm cho tỉ giá hối đoái giữa USD và VND:

a. Tăng lên.

b. Không thay đổi.

<c>. Giảm xuống.

d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 9: Khi tỉ giá hối đoái tăng lên sẽ tác động đến thương mại quốc tế làm cho:

a. Xuất khẩu và nhập khẩu cùng tăng.

b. Xuất khẩu và nhập khẩu cùng giảm.

<c>. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm.

d. Nhập khẩu tăng, xuất khẩu giảm.

Câu 10: Các nước thành viên phải gắn đồng tiền nước mình với đồng USD và từ đó gián tiếp gắn với vàng là đặc điểm của:

a. Chế độ bản vị tiền vàng.

b. Chế độ bản vị vàng hối đoái.

<c>. Chế độ tỉ giá hối đoái cố định Bretton Woods

d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 11: Nếu thu nhập quốc dân của Mỹ không thay đổi, thu nhập quốc dân của Châu Âu tăng lên và người Châu Âu trở nên thích xe Ford của Mỹ hơn thì tỉ giá hối đoái giữa đồng Euro và đồng USD sẽ:

(a). Tăng lên và xuất khẩu ròng của Mỹ sẽ giảm

b. Tăng lên và xuất khẩu ròng của Mỹ sẽ tăng

c. Giảm xuống và xuất khẩu ròng của Mỹ sẽ giảm

d. Giảm xuống và xuất khẩu ròng của Mỹ sẽ tăng.

Câu 12: Trong các điều kiện khác không đổi, nếu Mỹ tăng mức lãi suất tiền gửi trong khi Việt Nam vẫn giữ nguyên thì tỉ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ:

a. Không thay đổi

(b). Tăng lên

c. Giảm xuống

d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 13: Giả sử $1\text{USD} = 16\,000\text{ VND}$ và mức lạm phát của Việt Nam là $m\%$ và mức lạm phát của Mỹ là $n\%$ thì tỉ giá hối đoái sau lạm phát là:

a. $1\text{ USD} = 16\,000(1+m\%)$

b. $1\text{ USD} = 16\,000(1+n\%)$

c. $1\text{ USD} = 16\,000(1+n\%)/(1+m\%)$

(d). $1\text{ USD} = 16\,000(1+m\%)/(1+n\%)$.

Câu 14: Ban đầu $1\text{USD} = 2\text{ DEM}$

Sau đó $1\text{USD} = 2,5\text{ DEM}$

Thì DEM giảm giá so với đồng USD là:

a. 25%

- b. 50%
- (c). 20%
- d. 75%

Câu 15: Nếu Việt Nam đặt ra hạn ngạch nhập khẩu quần áo từ Trung Quốc thì:

- a. Cung về đồng Việt Nam tăng và đồng Việt Nam lên giá
- b. Cung về đồng Việt Nam giảm và đồng Việt Nam giảm giá
- (c). Cầu về đồng Việt Nam tăng và đồng Việt Nam lên giá
- d. Cầu về đồng Việt Nam giảm và đồng Việt Nam giảm giá

1. Liên kết kinh tế là:

- a) Quá trình phân công lao động diễn ra theo chiều sâu trên cơ sở nhận thức lợi ích thu được từ quá trình liên kết của các chính phủ.
- b) Việc các nước tham gia vào các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế trong khu vực hoặc toàn cầu như liên minh châu Âu, khu vực buôn bán tự do ASEAN(AFTA) , Quỹ tiền tệ quốc tế IMF..
- c) Quá trình tất cả các nền kinh tế của các quốc gia và các vùng lãnh thổ trên thế giới liên kết qua lại với nhau thông qua việc phối hợp các chính sách kinh tế quốc tế theo một khuôn khổ chung và có thể phát hành đồng tiền chung.

2. Bản chất của lợi thế so sánh là:

- a) Lợi thế tuyệt đối.
- b) Lợi thế cạnh tranh.
- c) Chi phí cơ hội.
- d) Sự tương quan về chi phí giữa các mặt hàng của một quốc gia trong sự so sánh tương ứng với quốc gia khác.

3. Hiện nay, trên thế giới, quá trình chuyển giao công nghệ giữa các quốc gia được thông qua các hoạt động sau đây:

- a) Mua bán trực tiếp giữa các đối tác.
- b) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) .
- c) Đầu tư trực tiếp.
- d) Tất cả các hoạt động nói trên và các kênh khác.

4. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái bao gồm:

- a) Các nhân tố ngắn hạn và dài hạn.
- b) Các nhân tố trực tiếp và gián tiếp.
- c) Các nhân tố tác động tổng thể và tác động bộ phận.
- d) Tất cả các nhân tố nêu trên và các nhân tố khác.

5. Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam là:

- a) Chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước
- b) Thả nổi
- c) Tự do.
- d) Nhà nước hoàn toàn kiểm soát

6. Yếu tố nào không phải là công cụ của chính sách thương mại?

- a) Thuế quan.
- b) Quota.
- c) Trợ cấp xuất khẩu.
- d) Trợ cấp nhập khẩu.

7. Nghiệp vụ dựa vào mức chênh lệnh tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối để thu lợi nhuận thông qua hoạt động mua và bán là:

- a) Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối gia ngay
- b) Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệnh tỷ giá
- c) Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối có kỳ hạn
- d) Nghiệp vụ ngoại hối giao sau

8. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- a) Lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo là sự kế thừa phát triển lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith
- b) Một nước gặp bất lợi về tất cả các mặt hàng thì không thể tham gia vào thương mại quốc tế
- c) Quá trình quốc tế trên cơ sở lợi thế tuyệt đối sẽ không làm thay đổi sản phẩm toàn thế giới
- d) Theo lý thuyết của Adam Smith thì giá cả không hoàn toàn do chi phí quyết định

9. Chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm:

- a) Chủ thể ở cấp độ quốc gia
- b) Chủ thể ở cấp độ cao hơn quốc gia
- c) Chủ thể ở cấp độ thấp hơn quốc gia
- d) Cả a, b, c

10. Nhà nước quản lý hoạt động ngoại thương bằng các công cụ:

- a) Hạn ngạch nhập khẩu
- b) Các kế hoạch phát triển kinh tế
- c) Hệ thống kho đệm và dự trữ quốc gia
- d) Cả a, b, c.

ĐÁP ÁN: 1d, 2d, 3d, 4d, 5a, 6d, 7b, 8c, 9d, 10d.

câu 1. Các đối tác cung cấp ODA:

- a. Tư nhân và các tổ chức phi chính phủ
- b. Chính phủ nước ngoài
- c. Các tổ chức chính phủ hoặc liên chính phủ quốc gia
- d. b và c

câu 2. Chế độ bản vị vàng hối đoái thuộc :

- a. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ nhất
- b. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ hai
- c. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ ba
- d. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư

Câu 3. NAFTA là tên viết tắt thị trường tự do của khu vực nào?

- A. Nam Mỹ
- B. Bắc Mỹ
- C. Đông Nam Á
- D. Châu Phi

Câu 4. Xuất khẩu của Việt Nam năm 2006 là

- A. 30
- B. 35

C.40

Câu 5. Hiệp định thương mại Việt-Mỹ được ký kết năm nào

- A.1995
- B.1998
- C.2000
- D.2002

Câu 6. Hệ thống tiền tệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai

- A.Giờn noa
- B.Bretton Woods
- C.Giamaica
- D.Hệ thống tiền tệ châu Âu (EMS)

Câu 7. Trong các trường hợp sau đâu là hình thức tái xuất khẩu:

- a, Nhà nước cho phép các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu nhập nguyên vật liệu mà trong nước không sản xuất được để sản xuất hàng xuất khẩu .
- b, Một doanh nghiệp Đài Loan thuê tổng công ty dệt may gia công một lô hàng áo xuân-hè.
- c, Một doanh nghiệp Hồng Kông nhập khẩu giày da của Việt Nam sau đó xuất sang EU.
- d, Do gặp thời tiết xấu tàu chở hàng của Việt Nam phải tạm trú ở cảng Singapore sau đó tiếp tục xuất khẩu sang Châu Âu.

Câu 8. Nhận định nào sau đây là đúng:

- a, Quan hệ kinh tế quốc tế chính là sự thể hiện của thương mại quốc tế.
- b, Qua thương mại quốc tế các nước đang phát triển tiếp nhận được nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kinh tế.
- c, Thương mại quốc tế là sự trao đổi giá trị giữa các nền kinh tế.
- d, Thương mại quốc tế là toàn bộ hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa , dịch vụ giữa các quốc gia.

Câu 9. Những nhân tố nào là chủ thể của nền KTQT?

- a) Các quốc gia độc lập có chủ quyền.
- b) Các tổ chức KTQT
- c) Các liên kết KTQT
- d) Cả 3 đáp án trên.

Câu 10. Quan hệ nào không phải quan hệ kinh tế quốc tế?

- a) Quan hệ di chuyển quốc tế về tư bản.
- b) Quan hệ di chuyển quốc tế về nguồn nhân lực.
- c) Hội nhập KTQT.
- d) Quan hệ quân sự.

ĐÁP ÁN : 1d, 2b, 3b, 4c, 5c, 6b, 7c, 8d, 9d, 10d.

1. Chủ thể của nền kinh tế thế giới bao gồm:

- a. Quốc gia độc lập có chủ quyền, các liên minh khu vực.
- b. Các liên minh khu vực và liên minh tiền tệ.
- c. Quốc gia độc lập có chủ quyền, liên kết kinh tế quốc tế, tổ chức kinh tế quốc tế.
- d. Cả a, b, c

Đáp án: c

2. Xu hướng về sự bùng nổ của cách mạng KHKT đã có tác động làm thay đổi chính sách của Việt Nam:

- a. Đưa đến sự đột biến trong tăng trưởng.
- b. Đòi hỏi sự chú trọng trong việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ KHCN, công nghệ và quản lý chất lượng.

- c. Có sự biến động sâu sắc về cơ cấu kinh tế.
- d. Tăng năng suất lao động và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Đáp án: b

3. Tốc độ tăng trưởng của thương mại "vô hình" nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của thương mại "hữu hình" thể hiện:

- a. Sự thay đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu hàng xuất nhập khẩu.
- b. Phạm vi phát triển của thương mại vô hình như dịch vụ quốc tế ngày càng mở rộng.
- c. Tỷ trọng hàng thô giảm, tỷ trọng sản phẩm công nghiệp chế tạo tăng.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: a.

4. Các xu hướng chi phối hoạt động trực tiếp của 2 quốc gia trong quan hệ thương mại:

- a. Bảo hộ mậu dịch và tự do hoa thương mại.
- b. # xu hướng: tăng thuế xuất nhập khẩu, tự do hoá thương mại, bảo hộ mậu dịch.
- c. Quản lý toàn cầu hoá, cô lập nền kinh tế.
- d. Nhiều xu hướng ngược chiều nhau.

Đáp án: a

5. Sự khác nhau cơ bản giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài là:

- a. Hình thức đầu tư, quyền sở hữu của người đầu tư, quyền quản lý của nhà đầu tư.
- b. Thời gian, địa điểm.
- c. Đối tượng hưởng lợi.
- d. Tỷ lệ vốn đầu tư.

Đáp án: a.

6. Hai hệ thống tài chính thị trường ngoại hối: Anh - Mỹ, châu Âu có đặc điểm:

- a. Điều sôi động và thường xuyên.
- b. Thị trường Anh - Mỹ giao dịch thường xuyên giữa 1 số ngân hàng và người môi giới, chủ yếu qua điện thoại, telex. Thị trường châu Âu giao dịch hàng ngày giữa NHTM cỡ lớn, trên phạm vi cả nước ngoài.
- c. Hai hệ thống này thường xung đột và gây ra những biến động lớn của thị trường ngoại hối.
- d. thị trường Anh - Mỹ chỉ giao dịch ở một số lĩnh vực xuất nhập khẩu. Thị trường châu Âu hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhiều quốc gia và luôn biến động.

Đáp án: b.

7. Tỷ giá hối đoái:

- a. Là mức chênh lệch giữa đồng tiền 1 quốc gia so với 1 ngoại tệ mạnh.
- b. Là tỷ số giữa sự biến động về sức mua của một đồng tiền và sức mua của đồng tiền đó tại năm gốc.
- c. là tỷ số ngân hàng thương mại qui ước cho đồng tiền nội tệ so với 1 đồng tiền mạnh để làm cơ sở qui đổi khi giao dịch quốc tế tại 1 thời điểm nhất định.
- d. Là giá cả của một đơn vị tiền tệ của 1 quốc gia tính bằng tiền tệ của một quốc gia khác hay là quan hệ so sánh về mặt giá cả giữa hai đồng tiền của các quốc gia khác nhau.

Đáp án: d.

8. Hội nhập kinh tế Quốc tế nhằm giải quyết các vấn đề chủ yếu nào sau đây:

- a. Đàm phán cắt giảm thuế quan, giảm, loại bỏ hàng rào phi thuế quan.
- b. Tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho sự phát triển dịch vụ trong nước.
- c. Giảm các trở ngại đối với kinh tế đối ngoại giữa các nước.
- d. Chống xung đột quốc tế.

Đáp án: a.

9. Sau sự kiện Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, Việt Nam sẽ nhận được những tác động tích cực:

- a. Khai thác hiệu quả lợi thế so sánh trong xuất khẩu nông sản.

- b. Tạo động lực cạnh tranh, kích thích việc ứng dụng công nghệ mới.
- c. Tạo một môi trường chính trị, luật pháp hành chính 1 cách rõ ràng và phù hợp với luật pháp quốc tế.
- d. Tác động tổng hợp của các tác động tích cực nêu trên.

Đáp án: d

10. Các doanh nghiệp liên doanh nước ngoài tại Việt Nam thường được hình thành dựa trên nguồn vốn nào:

- a. Đầu tư gián tiếp nước ngoài do giá nhân công rẻ.
- b. Đầu tư gián tiếp do lợi nhuận cao hơn đầu tư trực tiếp.
- c. Đầu tư trực tiếp do trình độ quản lý của Việt nam còn thấp nên chủ đầu tư luôn muốn trực tiếp quản lý để đảm bảo kinh doanh hiệu quả.
- d. Đầu tư trực tiếp do Việt nam không có nhiều vốn đối ứng nên không dành được quyền quản lý.

Đáp án: c

11. Cho tỷ giá hối đoái của VNĐ và NĐT là: $1\text{NĐT}=2000\text{VNĐ}$.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam lớn hơn tỷ lệ lạm phát của Trung Quốc là 2% và bằng 1,5 lần tỷ lệ lạm phát của Trung Quốc.

Tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền trên sau lạm phát là

- a. $1\text{NĐT}=2800\text{VNĐ}$
- b. $1\text{NĐT}=3000\text{VNĐ}$
- c. $1\text{NĐT}=1600\text{VNĐ}$
- d. $1\text{NĐT}=2940\text{VNĐ}$

Đáp án: a

12. Các chế độ tỷ giá hối đoái cố định là:

- a. Tỷ giá cố định có điều chỉnh.
- b. Tỷ giá cố định có quản lý.
- c. Cả a và b
- d. Không có câu nào đúng.

Đáp án: d

13. Hai chế độ tỷ giá hối đoái kết hợp được những ưu điểm của chế độ tỷ giá thả nổi tự do và chế độ tỷ giá cố định là:

- a. Chế độ tỷ giá thả nổi, chế độ tỷ giá cố định có điều chỉnh.
- b. Chế độ tỷ giá cố định có điều chỉnh, chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý.
- c. Chế độ tỷ giá cố định có điều chỉnh, chế độ tỷ giá thả nổi bán tự do.
- d. Chế độ tỷ giá bán cố định, chế độ tỷ giá thả nổi bán tự do.

Đáp án: b

14. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống tỷ giá hối đoái cố định Bretton Woods là:

- a. Sự thất thoát ô ạt nguồn vốn của Mỹ vào cuối năm 1970 - 1971.
- b. Hệ thống chứa đựng những mầm mống của sự đổ vỡ.
- c. Tỷ lệ dự trữ vàng không đủ để đảm bảo giá trị cho đồng đôla.
- d. Tất cả a, b, c

Đáp án: a

15. Đặc điểm cơ bản của hệ thống tiền tệ châu Âu (EMS):

- a. Xây dựng đồng tiền chung cho EMS.
- b. Mỗi Chính phủ nước thành viên phải gửi 20\$ dự trữ ngoại hối của họ vào quỹ hợp tác tiền tệ châu Âu.
- c. Tỷ giá tiền tệ giữa các nước thành viên dao động trong khoảng - 2,25% - +2,25%.
- d. Cả a, b, c

Đáp án: a

1. Tỷ giá hối đoái giảm xuống sẽ:

- Hạn chế xuất khẩu.
b.Hạn chế hập khẩu.
c.Hạn chế cả xuất khẩu,nhập khẩu.
d.Không ảnh hưởng đến xuất _nhập khẩu.

2/Tự bảo hiểm có nghĩa là:

- a.Tránh rủi ro hối đoái.
b.Kiểm soát rủi ro hối đoái.
<c>Tránh và kiểm soát rủi ro hối đoái.
d.Không phải 3 phương án trên.

3.Nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc bàn giao sẽ được thực hiện sau 1 thời gian nhất định theo tỷ giá hối đoái thoả thuận lúc kí kết hợp đồng là:

- a.Nghiệp vụ hoán đổi.
Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối có kì hạn.
c.Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao ngay.
d.Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá.

4.Người đóng vai trò tổ chức,kiểm soát điều hành và ổn định sự hoạt động của thị trường ngoại hối nhằm ổn định giá cả và tỷ giá hối đoái:

- a.Các cá nhân.
b.Các doanh nghiệp.
c.Các nhà môi giới.
<d>Các ngân hàng.

5.Nếu cán cân thường xuyên bị thiếu hụt ($X-M < 0$) thì:

- $C+I+G > Y$.
b. $C+I+G = Y$.
c. $C+I+G < Y$.
d.không có cơ sở so sánh($C+I+G$)và Y .

6.Cán cân thường xuyên ghi lại tất cả các giao dịch mua bán hàng hoá ,dịch vụ và các giao dịch chuyển khoản đơn phương là:

- a.Cán cân thanh toán.
b.Cán cân lỏng vốn.
<c>Cán cân thường xuyên.
d.Cán cân tài trợ chính thức.

7.Đối tượng của đầu tư quốc tế là:

- a.Các doanh nghiệp ,các cá nhân người nước ngoài.
b.Các doanh nghiệp ,các cá nhân người trong nước.
c.Các doanh nghiệp ,các cá nhân người Việt Nam định cư tại nước ngoài.
<d>avà c.

8. Đầu tư quốc tế theo chiều dọc nằm trong lí thuyết nào của đầu tư quốc tế:

- a.Lí thuyết lợi ích cân biên.
b.Lí thuyết về chu kì sống quốc tế của sản phẩm.
<c>Lí thuyết về quyền lực thị trường.
d.Lí thuyết chiết trung.

.9. Lúa mì(giạ/người/giờ)61

vải(mét/người/giờ)45

Theo lí thuyết lợi thế so sánh tuyệt đối của A.Smith thì Mỹ có lợi thế tuyệt đối về:

Lúa mì.

b. Vải.

c. Cả vải và lúa mì.

d. Không có lợi thế tuyệt đối trong cả 2 mặt hàng.

10. Hệ thống tiền tệ trên chế độ bản vị vàng đòi hỏi vai trò của đồng USD trở thành chủ yếu là:

a. Hệ thống quốc tế thứ hai.

Hệ thống quốc tế thứ ba.

c. Hệ thống quốc tế thứ tư.

d. Hệ thống tiền tệ Châu Âu.

1. chủ thể của nền kinh tế gồm:

a. các quốc gia

b. các tổ chức KTQT

c. các liên kết KTQT

<D>tất cả a,b,c

2. khu vực hoá khai thác toàn cầu ở điểm:

a. hình thành các cơ cấu khu vực

b. tạo ra một nền kinh tế thông nhất

c. khai thác các nguồn lực trong khu vực

<d>a và c

3. hàng hoá tham gia vào hoạt động trao đổi TMQT cần thoả mãn:

a. hoạt động trao đổi mua bán phải diễn ra giữa các quốc gia với nhau

b. nguyên tắc trao đổi ngang giá

c. hàng hoá phải vượt ra khỏi phạm vi biên giới

<d>tất cả các ý kiến trên

4. xu hướng thay đổi hàng xuất nhập khẩu

a. tăng tỷ trọng hàng lương thực thực phẩm

b. giảm tỷ trọng mặt hàng thô, vật liệu

c. tăng tỷ trọng những sản phẩm tinh chế

<d>b và c

5. Trong trao đổi thương mại quốc tế theo A. Smith

a. tất cả các quốc gia đều có lợi

tất cả các quốc gia đều có lợi khi họ tập chung chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có lợi thế tuyệt đối

c. chỉ một quốc gia có lợi thế cạnh tranh là có lợi

d. tất cả các ý kiến trên đều sai

6. khi có hạn ngạch nhập khẩu thì sẽ ảnh hưởng tương đối:

a. số lượng hàng nhập khẩu

b. ảnh hưởng tới giá nội địa của hàng hoá

c. hiệu quả của hàng hoá sản xuất trong nước

<d>tất cả a,b,c

7. xu hướng nền kinh tế thế giới:

a. tự do hoá thương mại

b. bảo hộ mậu dịch

<c> kết hợp tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch

d.không có ý kiến nào đúng

8.tại sao cần phải có đầu tư quốc tế:

- a.khai thác lợi thế so sánh của mỗi quốc gia
- b.do sự gặp gỡ về lợi ích giữa các bên tham gia đầu tư
- c.nhằm xây dựng những công trình xuyên quốc gia
- <d>tất cả các ý kiến trên

9.cán cân thanh toán quốc tế gồm:

- a.cán cân thương xuyên
- b.cán cân luồng vốn
- c.cán cân tài trợ chính thức
- <d>cả a,b,c

10.chức năng của thị trường ngoại hối:

- a.là cơ chế hữu hiệu đáp ứng cơ chế mua bán
- b.là công cụ để ngân hàng trung ương có thể thực hiện chính sách tiền tệ của mình
- c.có chức năng tín dụng
- <d>tất cả các ý kiến trên

1. quan điểm “mở cửa”, xây dựng hệ thống kinh tế mở là:

- (a)mở rộng giao lưu kinh tế-thương mại,khoa học kỹ thuật với nước ngoài
- b.tạo điều kiện cho DN nước ngoài vào đầu tư tại VN
- c.tự do kinh tế trao đổi với nước ngoài
- d.tạo nhiều chính sách thuận lợi để thu hút vốn đầu tư

2.VN đa dạng hoá kinh tế đối ngoại theo các hướng chủ yếu sau

- a. đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá
- b. đẩy mạnh nhập khẩu hàng hoá
- c.phát triển du lịch quốc tế và các dịch vụ thu mua ngoại tệ
- (d) a và c

3. điều kiện nào không phải là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế đối ngoại ở VN

- (a) nâng cao dân trí
- b. đảm bảo ổn định về chính trị và kinh tế
- c.xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp
- d.từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội

4.VN có những lợi thế so sánh gì để tham gia vào thương mại quốc tế

- a.nhân lực
- b.nguyên liệu
- c.trình độ phát triển KHCN cao
- (d)a và b

5.nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế là:

- a.tạo điều kiện cho các DN nước ngoài vào nước mình
- b.tạo điều kiện cho các DN trong nước mở rộng ra thị trường nước ngoài
- c.bảo vệ thị trường nội địa
- (d)b và c

6.tự do hoá thương mại chỉ

- a. đem lại lợi ích cho quốc gia phát triển hơn
- b. đem lại lợi ích cho quốc gia kém phát triển
- (c)mang lại lợi ích cho mỗi quốc gia phù hợp với xu thế phát triển chung
- d.mang lại lợi ích cho mỗi quốc gia nhưng không phù hợp với phát triển chung của nhân loại

7.bảo hộ mậu dịch đem lại:

- a.DN trong nước có cơ hội phát triển
- b.nguồn ngân sách cho nhà nước

- c.giảm tỉ lệ thất nghiệp
(d)tất cả
- 8.thuế nhập khẩu tạo điều kiện cho:
a.các nhà sản xuất trong nước mở rộng sản xuất
b.tạo công ăn việc làm cho người lao động
c.tăng nguồn thu ngân sách
(d)tất cả
- 9.hạn ngạch nhập khẩu đem lại
a.nguồn thu ngân sách cho nhà nước
b.làm cho giá hàng nội địa tăng
c.hạn chế số lượng hàng nhập khẩu
d.tạo điều kiện cho DN mở rộng sản xuất
(e)b,c,d
- 10.yếu tố không ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái
a.mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia
b.yếu tố tâm lý
c.tình trạng cán cân thanh toán quốc tế
(d)tăng cầu về hàng tiêu dùng
- 11.trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì:
a.lượng cung tiền trong lưu thông tăng
(b).lượng cung tiền trong lưu thông giảm
c.lượng cung tiền trong lưu thông không đổi
- 12.nếu tỷ lệ lạm phát của VN cao hơn của mỹ thì:
(a) đồng VN sẽ mất giá hơn so với đồng USD
b. đồng USD sẽ mất giá hơn so với đồng VN
c.không ảnh hưởng
- 13.cán cân thanh toán quốc tế bao gồm những nội dung sau:
a.tài khoản vãng lai
b.tài khoản vốn
c.tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
d.tài khoản chênh lệch số thống kê
(e)tất cả
- 14.nếu sức mua của đồng nội tệ giảm so với đồng ngoại tệ thì:
a.xuất khẩu tăng,nhập khẩu tăng
b.xuất khẩu giảm,nhập khẩu giảm
(c)xuất khẩu tăng,nhập khẩu giảm
d.xuất khẩu giảm,nhập khẩu tăng
- 15.nếu tỷ lệ lạm phát của VN là m%,tỷ lệ lạm phát của mỹ là n% thì tỷ giá hối đoái là:(với 1USD=16000VND)
a.16000*m/n
b.16000*n/m
c.16000*(1+n)/(1+m)
(d)16000*(1+m)/(1+n)

câu 1:các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới

- a)khu vực hoá toàn cầu hoá.
b)nền kinh tế thế giới dần bị các nước cường quốc như Mỹ, Anh, pháp nắm giữ.
c)nền kinh tế sẽ dần độc lập giữa các quốc gia.
d)nền kinh tế sẽ có xu hướng cạnh tranh và đối đầu giữa các quốc gia.
chọn a

câu 2:giả định nào sau đây là giả định của lý thuyết lợi thế so sánh tuyệt đối của Adam smith
a) có 2 quốc gia và mỗi quốc gia sản xuất một mặt hàng.

- b) đồng nhất chi phí tiền lương công nhân
 - c) giá cả do quy luật cung cầu quyết định
 - d) chi phí vận tải bảo, hiểm bằng 0
- chọn b

câu 3:cu hướng cơ bản trong thương mại quốc tế là

- a) bảo hộ mậu dịch
 - b) cấm nhập khẩu
 - c) các doanh nghiệp cạnh tranh một cách tự do hoàn toàn
 - d) hỗ trợ xuất khẩu
- chọn a

câu 4:hạn ngạch là

- a) chính sách của thương mại quốc tế
- b) chính sách xã hội của chính phủ
- c) là đặc điểm của môi trường tự do hoá thương mại
- d) công cụ của chính sách thương mại quốc tế

chọn d

câu 5:thương mại quốc tế là

- a) là sự trao đổi hàng hoá giữa 2 quốc gia.
 - b) là toàn bộ hoạt động trao đổi mua bán hàng hoá và dịch vụ giữa các quốc gia.
 - c) các quốc gia dùng tiền của mình để đầu tư vào nước khác để sản xuất
 - d) cạnh tranh hoàn toàn giữa các doanh nghiệp của các quốc gia khác nhau
- chọn b

câu 6: nguyên tắc tự do hoá thương mại là

- a) ai mạnh hơn sẽ có nhiều quyền lợi hơn trong các hoạt động thương mại
- b) chỉ thanh toán bằng những đồng tiền mạnh có giá trị thanh toán quốc tế
- c) trao đổi và mua bán hàng hoá và dịch vụ một cách tự do
- d) ngang bằng dân tộc

chọn d

câu 7 :các loại đầu tư sau đầu tư nào không phải là FDI

- a) công ty honda của nhật bản đầu tư 100% vào việt nam để sản xuất xe máy
- b) một người việt nam vay tiền của người thân ở Mỹ 20000\$ để đầu tư vào cửa hàng bán máy tính
- c) chính phủ việt nam vay chính phủ Mỹ để xây dựng cầu đường
- d) chính phủ Mỹ hỗ trợ 10000\$ cho chương trình xoá đói giảm nghèo của chính phủ việt nam

chọn a

câu 8:chính sách tỷ giá hối đoái của chính phủ việt nam hiện nay là

- a) thả nổi
- b) có kiểm soát
- c) cho tự do hoàn toàn
- d) thả nổi nhưng có kiểm soát của nhà nước

chọn d

câu 9) vốn đầu tư vào việt nam năm 2006 là

- a) hơn 5 tỷ đô la Mỹ
- b) hơn 10 tỷ đô la Mỹ
- c) hơn 12 tỷ đô la Mỹ
- d) hơn 15 tỷ đô la Mỹ

chọn b

câu 10 :tỷ giá hối đoái bị biến động không phải là do nhân tố nào dưới đây

- a) chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia
- b) chính phủ can thiệp
- c) xuất khẩu tăng
- d) có nhiều người mù chữ

chọn d

Câu 11) Cho mét rû gi ù hòi ò ù i:

1 (USD) = 16012 (VND)

Cuối năm tỷ lệ lạm phát của Đồng Việt Nam là $n\%$, của đồng USD là $m\%$. Sau 1 năm ph ù t 1 ò ùng USD ò ùi ò ùc

- a) $16012 \times n / m$ VND
- b) $16012 \times m / n$ VND
- c) $16012 \times (1+n) / (1+m)$
- d) $16012 \times (1+m) / (1+n)$

Chän: c

Câu 12) Hiện nay trên Thế giới tồn tại mấy hệ thống tiền tệ?

- a) 1
- b) 2
- c) 3
- d) 4

Chän: b

Câu 13: Khi sức mua của đồng nội tệ giảm so với đồng ngoại tệ thì:

- a) C ùn c òn th ùng m ùi t ùng.
- b) C ùn c òn th ùng m ùi gi ùm.
- c) FDI gi ùm
- d) Đáp án a và c

Chän: b

Câu 14) Việt Nam chính thức gia nhập lần đầu vào tổ chức IMF là năm:

- a) 1976
- b) 1977
- c) 1986
- d) 1993

Chän: b

Câu 15) Đồng tiền nào dưới đây không phải là ph ùng ti òn ò ù thanh to ùn Quèc t ò?

- a) USD
- b) B ùng Anh.
- c) E ù RO
- d) Nh òn D òn T ò

Chän: d

Câu 16: Trong tài khoản vốn của cán cân thanh to ùn Quèc t ò bao gồm:

- a) S ùt t ùc ti òp.
- b) S ùt t gi ùn ti òp
- c) ODA
- d) a và b

Chän: d

Câu 1. Sự phát triển của nền kinh tế thế giới phụ thuộc vào :

- a. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- b. Phân công lao động xã hội.
- c. Các mối quan hệ quốc tế.
- d. Cả 3 câu trên.

Câu 2. Các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới.

- a. Chủ thể nền kinh tế thế giới.
- b. Mối quan hệ kinh tế quốc tế.
- c. Liên kết kinh tế quốc tế.
- d. a&b

Câu 3. Các chủ thể của nền kinh tế.

- a. Các quốc gia độc lập trên thế giới.
- b. Các công ty, đơn vị kinh doanh.
- c. Các thiết chế quốc tế.
- d. Tất cả các câu trên.

Câu 4. Một hoạt động tạm thời nhập khẩu hàng hoá- dịch vụ sau đó tiến hành xuất khẩu sang nước thứ 3 với điều kiện hàng hoá không qua gia công chế biến là hoạt động.

- a. Tái xuất khẩu
- b. Chuyển khẩu.
- c. Xuất khẩu tại chỗ.
- d. a&b

Câu 5. Sự phát triển thương mại quốc tế làm.

- a. Đẩy mạnh tự do hoá thương mại.
- b. Không bảo hộ mậu dịch.
- c. bảo hộ mậu dịch ngày càng tinh vi hơn.
- d. a&b

Câu 6. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của.

- a. Adam Smith.
- b. David Ricardo
- c. Haberler.
- d. Heckscher.

Câu 7. Kim ngạch xuất khẩu của Việt nam năm 2004 là.

- a. 20149 triệu
- b. 26504 triệu
- c. 32233 triệu
- d. 39605 triệu

Câu 8. Thương mại quốc tế làm cho nhóm lương thực thực phẩm.

- a. giảm tỷ trọng rất mạnh và tương đối.
- b. không thay đổi.
- c. tăng lên.
- d. giảm tỷ trọng rất mạnh không những tương đối mà còn tuyệt đối.

Câu 9. Điều nào sau đây không thuộc tính chất của đầu tư quốc tế.

- a. bình đẳng và tự nguyện.
- b. đa phương và đa chiều.
- c. không hợp tác với các nước tư bản chủ nghĩa.
- d. hợp tác và cạnh tranh.

Câu 10. Sử dụng lý thuyết tuyệt đối của Adam Smith để lựa chọn tỷ lệ hai mặt hàng của hai quốc gia I&II được cho dưới bảng sau.

Quốc gia	I	II
Mặt hàng (sp/h)		
X	6	1
Y	4	5

Lựa chọn phương án đúng trong các phương án.

- a. $1/5 < X/Y < 6/4$
- b. $1/4 < X/Y < 6/4$
- c. $1/4 < X/Y < 6/5$
- d. $1/5 < X/Y < 6/7$

Câu 11. Chế độ tỷ giá hối đoái của Bretton Word là:

- a. bản vị vàng.
- b. bản vị vàng hối đoái.
- c. chế độ tỷ giá cố định có điều chỉnh.
- d. Không câu nào ở trên.

Câu 12. Tỷ giá hối đoái giữa hai quốc gia Việt Nam và Trung Quốc là:

$1\text{NĐT} = 2000\text{VNĐ}$.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là $m\%$, của Trung Quốc là $n\%$.

Vậy tỷ giá hối đoái sau lạm phát sẽ là:

- a. $1\text{NĐT} = 2000\text{VNĐ} \cdot m/n$
- b. $1\text{NĐT} = 2000\text{VNĐ} \cdot n/m$
- c. $1\text{NĐT} = 2000\text{VNĐ} \cdot (1+m)/(1+n)$
- d. $1\text{NĐT} = 2000\text{VNĐ} \cdot (1+n)/(1+m)$

Câu 13. Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất tiền gửi thì:

- a. lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm.
- b. lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng.
- c. lượng cung tiền thực tế không đổi.
- d. không câu nào ở trên.

Câu 14. Các khoản sau tài khoản nào thuộc tài khoản vãng lai.

- a. ODA.
- b. đầu tư trực tiếp từ trong nước ra nước ngoài.
- c. đầu tư gián tiếp từ trong nước ra nước ngoài.
- d. không câu nào ở trên.

Câu 15. Khi sức mua nội tệ giảm so với ngoại tệ thì điều nào sau đây không đúng:

- a. xuất khẩu giảm.
- b. nhập khẩu khó khăn.
- c. đầu tư từ trong nước ra nước ngoài gặp khó khăn.

d. đầu tư từ nước ngoài vào trong nước tăng.

ĐÁP ÁN

1d	6a	11c
2d	7b	12d
3d	8d	13a
4a	9c	14a
5d	10a	15a

Chọn đáp án đúng trong các câu sau đây:

Câu1: Khu vực hoá sẽ làm :

- Tạo ra rào cản khu vực.
- Các trở ngại về rào cản trong quan hệ kinh tế giữa các quốc gia sẽ bị loại bỏ.
- Nhằm giảm các rào cản thuế quan trong nội bộ khối.
- Cả a và c.

Đáp án: d

Câu2: Muốn thực hiện thương mại quốc tế thì :

- Hàng hoá dịch vụ nước đó phải vượt ra khỏi phạm vi quốc gia.
- Hàng hoá dịch vụ nước đó không cần phải vượt ra khỏi phạm vi quốc gia.
- Cả a và b
- Cả a và b đều sai

Đáp án: c

Câu3: Thương mại quốc tế sẽ giúp:

- Chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng kéo dài hơn.
- Chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng bị rút ngắn.
- Không ảnh hưởng đến chu kỳ sống của sản phẩm.
- Không đáp án nào đúng.

Đáp án: b

Câu4: Một nước muốn tham gia vào thương mại quốc tế bắt buộc phải:

- Có ít nhất một hàng hoá có lợi thế tuyệt đối trên thị trường quốc tế.
- Không cần phải có hàng hoá có lợi thế tuyệt đối trên thị trường quốc tế.
- Cả a và b đều sai.
- Tất cả đều đúng.

Đáp án: b

Câu5: Một nước khi tham gia thương mại quốc tế thì phải:

- Xoá bỏ ngay bảo hộ mậu dịch.
- Xoá bỏ ngay bảo hộ mậu dịch và thay vào đó là tự do hoá thương mại.
- Có tự do hoá thương mại ở mức cao.
- Bảo hộ mậu dịch và tự do hoá thương mại cùng tồn tại song song

Đáp án: d

Câu6: Đầu tư trực tiếp (FDI) sẽ làm:

- Chủ đầu tư tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch của nước chủ nhà.
- Chủ đầu tư không tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch của nước chủ nhà.
- Chủ đầu tư không nắm được quyền quản lý.
- Cả b và c

S_đp_đn: a

Câu7: Đầu tư gián tiếp :

- a. **Sĩ giúp bản tiếp nhận vốn sở hữu và cả hiệu quả hơn.**
- b. **Sĩ giúp bản tiếp nhận vốn sở hữu và không cả hiệu quả.**
- c. **Cả a và b đều sai.**
- d. **Cả a và b đều đúng**

S_đp_đn: c

Câu8: Trong thanh toán quốc tế hiện nay thì :

- a. **Vàng sẽ đảm bảo sự ổn định về giá của đồng tiền các nước.**
- b. **Vàng sẽ không đảm bảo sự ổn định về giá của đồng tiền các nước.**
- c. **Tết cội không có.**
- d. **Vàng không được sử dụng**

S_đp_đn: b

Câu9: Khi tỷ giá hối đoái giảm sẽ làm :

- a. **Việc xuất khẩu thu được nhiều ngoại tệ hơn.**
- b. **Việc xuất khẩu thu được ít ngoại tệ hơn.**
- c. **Không ảnh hưởng gì đến việc thu ngoại tệ từ việc xuất khẩu.**
- d. **Tết cội sai.**

S_đp_đn: b

Câu10: Hình thức (Qatar):

- a. **Hình thức xuất nhập khẩu trên tất cả các thị trường.**
- b. **Hạn chế số lượng xuất nhập khẩu từ một thị trường .**
- c. **Chỉ cả hai hình thức .**
- d. **Cả b và c**

S_đp_đn: d

1. Toàn cầu hóa và khu vực hóa là hai xu hướng:

- a. Là một
- b. Hoàn toàn đối lập
- c. Không liên quan
- d. Hai mặt đối lập nhưng thống nhất trong một thực thể KTQT

2. Các mối quan hệ kinh tế quốc tế ra đời là một tất yếu khách quan bởi:

- a. Các nước đều muốn đa dạng hóa hàng , dịch vụ của mình
- b. Dân trong nước ưa hàng ngoại
- c. Do khác biệt về điều kiện tự nhiên và sự phát triển không đều của lực lượng sản xuất
- d. Câu a và c

3. Hai chức năng cơ bản của TMQT là:

- a. Trao đổi hàng hóa dịch vụ và chuyển giao công nghệ
- b. Biến đổi cơ cấu giá trị sử dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế nhờ khai thác được lợi thế so sánh
- c. Thúc đẩy sản xuất và tăng thu ngoại tệ
- d. Phát triển kinh tế và ổn định chính trị nhờ hợp tác quốc tế

4. Quan điểm của trường phái trọng thương về TMQT cho rằng :

- a. Lượng tiền giấy là thể hiện tài sản quốc gia
- b. Khối lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra thể hiện sự phồn thịnh của quốc gia
- c. Vàng bạc đại diện cho sự giàu có của quốc gia
- d. Sức mạnh chính trị đại diện cho sự giàu có của quốc gia

5. Thuyết lợi thế so sánh của D Ricardo cho rằng khi trong 2 nước giao thương có một nước có lợi thế tuyệt đối về cả hai mặt hàng thì
- Cả 2 nước đều bị thiệt
 - 1 nước hoàn toàn được lợi một nước hoàn toàn bị thiệt
 - Cả hai nước đều có lợi riêng
 - Không ai bị thiệt hay có lợi
6. Tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch là 2 xu hướng
- Trùng lặp
 - Đối nghịch và bài trừ nhau
 - Đối nghịch nhưng không bài trừ mà thống nhất với nhau
 - Hai xu hướng không có liên quan
7. Tác động tích cực của đầu tư quốc tế là:
- Khắc phục xu hướng giảm lợi nhuận và khuyến khích trưng sản phẩm ra nước ngoài
 - Là biên pháp vượt qua hàng rào bảo hộ
 - Khai thác được chi phí đầu vào thấp của nước được đầu tư
 - Cả a, b và c
8. Trong đầu tư gián tiếp nước ngoài các nhà đầu tư :
- Đầu tư máy móc thiết bị vào nước sở tại
 - Đầu tư vốn nhưng không trực tiếp quản lý và điều hành sử dụng vốn
 - Chuyển giao công nghệ hiện có cho nước sở tại
 - Xuất khẩu hàng hóa sang nước sở tại
9. Khi tỉ giá hối đoái tăng thì:
- Không tác động đến ngoại thương
 - Xuất khẩu tăng nhập khẩu giảm
 - Xuất khẩu giảm nhập khẩu tăng
 - Cả xuất nhập khẩu đều tăng
10. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự:
- Gắn kết nền kinh tế của mỗi quốc gia vào các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu
 - Tham gia giao dịch với nước ngoài
 - Tăng cường bảo hộ do mở cửa
 - Xuất khẩu hàng tinh chế
11. Phương thức của ODA là:
- Hỗ trợ cán cân chính thức và thanh toán
 - Hỗ trợ chương trình
 - Hỗ trợ dự án
 - Cả a, b và c
12. Hàng hoá sản xuất trong các khu chế xuất chủ yếu để phục vụ :
- Nhu cầu trong nước
 - Nhu cầu xuất khẩu
 - Khu vực công cộng
 - Cả a và b
13. Trong cán cân thanh toán quốc tế thì cán cân luồng vốn bao gồm:
- Đầu tư ra nước ngoài + nhận đầu tư + vay ngắn hạn
 - Đầu tư ra nước ngoài
 - a- ODA
 - không bao gồm các hạng mục trên
14. Khi tỷ giá hối đoái tăng sẽ làm hoạt động đầu tư ra nước ngoài:
- Giảm
 - Tăng
 - Không đổi
 - Ban đầu tăng sau đó giảm
15. Trong chế độ tiền tệ quốc tế thứ 2 các loại dùng làm phương tiện thanh toán quốc tế gồm:
- đô la Mỹ, Bảng Anh, Phrăng Pháp, vàng

- b. Vàng
- c. đô la , yên, Mác, vàng
- d. đô la , vàng

ĐÁP ÁN

1d2d3b4c5c6c7d8b9b10a11d12b13c14a15a

1. Đặc điểm của toàn cầu hóa là:

- a. nhằm hình thành cơ cấu kinh tế khu vực
- b. nhằm phát triển các nguồn lực trong khu vực
- c. hình thành các rào cản trong khu vực bảo vệ các quốc gia thành viên
- d. nhằm khai thác các nguồn lực phát triển trên quy mô toàn thế giới

2. Tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế:

- a. quan hệ kinh tế quốc tế không chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế
- b. mỗi quốc gia đều có những thể chế chính sách khác nhau
- c. các quan hệ kinh tế quốc tế không chịu sự chi phối về không gian và thời gian
- d. các mối quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra không gắn liền với sự chuyển đổi giữa các loại đồng tiền

3. Đặc điểm trong hoạt động tái xuất khẩu:

- a. hàng hóa được gia công chế biến ở nước thứ 2 rồi xuất khẩu sang nước thứ 3
- b. mức rủi ro có thể lớn hơn mức bình thường
- c. không diễn ra hành vi mua và bán
- d. hàng hóa chưa vượt ra ngoài biên giới quốc gia

4. Đặc điểm của TMQT :

- a. tốc độ tăng trưởng của hoạt động TMQT có xu hướng tăng lên nhanh rất nhiều so với tốc độ tăng của nền sản xuất xã hội
- b. cơ cấu mặt hàng có sự thay đổi với xu hướng tăng tỷ trọng của nhóm mặt hàng lương thực thực phẩm
- c. xu hướng lao động giản đơn ngày càng tăng
- d. chu kì sống của sản phẩm đang có xu hướng kéo dài

5. Nếu hai nước A và B có công thức lợi thế so sánh hai mặt hàng X và Y như sau:

CPSXXACPSXYA

————— > —————

CPSXXBCPSXYB

Thì :

- a. quốc gia A có lợi thế so sánh mặt hàng Y
- b. quốc gia B có lợi thế so sánh mặt hàng Y
- c. quốc gia A có lợi thế so sánh mặt hàng X
- d. không câu nào đúng

6. Thành công của lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A Smith là

- a. giải thích được nếu một quốc gia bị bất lợi trong việc sản xuất cả 2 mặt hàng thì vẫn có thể tham gia vào trao đổi thương mại quốc tế
- b. tạo ra một lý thuyết căn bản làm cơ sở giải thích cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- c. không coi lao động là yếu tố sản xuất duy nhất
- d. không câu nào đúng

7. Hạn ngạch nhập khẩu có tác động khác với thuế quan nhập khẩu là

- a. làm giảm lượng hàng hóa nhập khẩu
- b. không đem lại thu nhập cho chính phủ
- c. do nhà nước quy định

d. không câu nào đúng

8. Sự khác biệt giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài là

- a. người bỏ vốn đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn
- b. người bỏ vốn không trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn
- c. là một loại hình của đầu tư quốc tế
- d. tất cả các ý kiến trên

8. Hình thức của đầu tư gián tiếp nước ngoài là:

- a. doanh nghiệp liên doanh
- b. doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- c. hỗ trợ phát triển chính thức
- d. hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh

9. Đặc điểm của khu công nghiệp tập trung là

- a. sản xuất các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho mục đích xuất khẩu
- b. hàng hóa tư liệu nhập khẩu của khu công nghiệp tập trung được miễn thuế quan
- c. các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp tập trung chịu sự điều chỉnh của luật pháp nước sở tại
- d. không câu nào đúng

10. Bất lợi của đầu tư trực tiếp là

- a. không tạo điều kiện cho nước sở tại có thể thu hút được kĩ thuật công nghệ hiện đại và kinh nghiệm quản lý
- b. nước sở tại không khai thác có hiệu quả nguồn lao động và nguồn tài nguyên
- c. chủ đầu tư có thể gặp rủi ro cao nếu không hiểu rõ về môi trường nước đầu tư
- d. không câu nào đúng

11. Đặc điểm của hệ thống tiền tệ thế giới lần III

- a. chế độ bản vị vàng
- b. sự ra đời của IMF và WB
- c. chế độ bản vị hối đoái
- d. tất cả các câu trên

12. Tỷ giá hối đoái đồng Yên và VND là 1 Yên = 2 VND, chỉ số giá tiêu dùng ở Việt Nam là 3.1% và ở Nhật là 6.2% vậy tỷ giá hối đoái thực tế là

- a. 1
- b. 2
- c. 4
- d. 6

13. chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi là

- a. tỷ giá hối đoái được xác định dựa trên sự tương quan giữa các đồng tiền trên thị trường ngoại hối mà không cần sự can thiệp của nhà nước
- b. tỷ giá hối đoái được hình thành dựa trên sự tương quan giữa các đồng tiền trên thị trường ngoại hối mà có sự can thiệp của nhà nước
- c. tỷ giá được hình thành trên cơ sở ấn định chỉ giá trung tâm và cho phép giao động ở một giới hạn nhất định
- d. không có câu nào

14. trước lạm phát 1 Mác = 12000 VND và lạm phát ở Việt Nam là m%, lạm phát ở Đức là n% vậy tỷ giá hối đoái sau lạm phát là

- a. 1 Mác = $12000 * (1+m\%) / (1+n\%)$
- b. 1 Mác = $12000 * (1+n\%) / (1+m\%)$
- c. 1 Mác = $12000 * (1+n\%)$
- d. 1 Mác = $12000 * (1+m\%)$

ĐÁP ÁN

1d2b3b4a5a6b7b8a9c10c11c

12b13c14a15a

Câu 1: kinh tế quốc tế là :

- a. nghiên cứu hoạt động doanh nghiệp
- b. nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nền kinh tế của các nước
- c. mối quan hệ của các tổ chức trên thế giới
- d. a và c

trả lời: b

Câu 2 : quan hệ kinh tế quốc tế là:

- a. là mối quan hệ về kinh tế giữa các quốc gia
- b. là mối quan hệ về xã hội giữa các quốc gia
- c. là mối quan hệ tổng thể các quan hệ vật chất về tài chính , kinh tế , khoa học
- d. là mối quan hệ giữa các quốc gia để giải quyết các vấn đề quốc tế

trả lời: c

Câu 3: quan điểm của đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế

- a. mở rộng cửa cho tất cả các thành phần kinh tế vào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam nhằm tận dụng những lợi thế của nước ngoài
- b. đóng chặt cửa không giao lưu với bên ngoài vì thế giới đang bất ổn
- c. tham gia vào thị trường thế giới một cách thụ động chỉ tham gia vào các ngành mà mình có thế mạnh
- d. tham gia một cách chủ động tích cực mở rộng các mối quan hệ kinh tế đối ngoại theo hình thức đa phương hóa đa dạng hóa và dựa trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng cùng có lợi phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN

trả lời d

Câu 4: thương mại quốc tế là :

- a. sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia , thông qua mua bán , lấy tiền tệ là môi giới, tuân theo nguyên tắc trao đổi ngang giá nhằm đưa lại lợi ích cho các bên
- b. là sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các doanh nghiệp thông qua mua bán trao đổi tuân theo nguyên tắc trao đổi ngang giá nhằm đưa lại lợi ích cho các bên
- c. là quá trình xuất khẩu hay nhập khẩu của các doanh nghiệp nhằm đưa lại các lợi ích cho các bên tham gia
- d. a và b

trả lời : a

Câu 5 lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith:

- a. trong trao đổi quốc tế tất cả các quốc gia đều có lợi khi họ tập trung chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có lợi thế
- b. trong trao đổi quốc tế tất cả các quốc gia đều cùng có lợi mà không kể đến quy mô trình độ phát triển của các quốc gia
- c. các quốc gia muốn giàu mạnh cần phải tích cực xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu bằng những biện pháp thuế quan bảo hộ
- d. a và b

Trả lời: a

Câu 6: giả định của Adam Smith:

- a. thế giới chỉ có hai quốc gia và mỗi quốc gia sản xuất hai loại mặt hàng ,mỗi quốc gia có lợi thế về một mặt hàng
- b. đồng nhất chi phí với tiền lương công nhân , giá hoàn toàn do chi phí quyết định
- c. công nghệ hai nước là cố định thương mại thì hoàn toàn tự do
- d. a và b

trả lời :d

câu 7 : Vai trò của chính sách thương mại quốc tế :

- a. phục vụ cho sự phát triển kinh tế các nước , hỗ trợ mạnh mẽ cho quá trình tái sản xuất chuyển dịch cơ cấu kinh

tế đất nước, hình thành quy mô và phương thức tham gia của nền kinh tế

b. khai thác triệt để lợi thế so sánh của nền kinh tế nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế

c. có thể tạo nên các tác động tích cực đến sự có cơ sở khoa học và thực tiễn, khách quan trong sự chuyển biến của nền kinh tế

d. câu a,b và c

Câu 8: Lợi thế của đầu tư gián tiếp nước ngoài là

a. Chủ đầu tư nước ngoài ít chịu rủi ro

b. Tăng khả năng thu hút vốn đầu tư

c. Không hạn chế về phạm vi đầu tư

d. Không câu nào đúng

Đa:a

Câu 9: Đặc điểm của khu công nghiệp tập trung là

a. Sản xuất các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho mục đích xuất khẩu

b. Hàng hóa tư liệu xuất nhập khẩu của khu công nghiệp tập trung được miễn thuế quan

c. Các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực công nghiệp tập trung chịu sự điều chỉnh của luật pháp nước sở tại

d. Cả a,b,c

Đa:c

Câu 10: Quốc gia nào hiện nay gần như thực hiện chế độ thương mại tự do:

a. Nhật Bản

b. Mỹ

c. Hồng Kông

d. Nuidilân

Đa:c

Câu 11: Nếu ngân hàng nhà nước tăng lãi suất thì:

a. Đầu tư giảm

b. Đầu tư tăng

c. Đầu tư giảm và tiết kiệm tăng

d. Đầu tư tăng và tiết kiệm giảm

Đáp án: c

Câu 12: Những nhân tố tác động để tỷ giá hối đoái

a. Chênh lệch lạm phát và mức thu nhập nước ngoài

b. Chênh lệch lãi suất giữa các nước và sự kỳ vọng tỷ giá hối đoái

c. Sự can thiệp của chính phủ

d. Tất cả ý kiến trên

Đa:d

Câu 13: tỷ giá hối đoái tác động đến:

a. Thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế

b. Xuất khẩu và nhập khẩu

c. Tác động đến tình hình đầu tư quốc tế

d. Tác động đến tình hình đầu tư trong nước

Đa: a

Câu 14: nguyên nhân gây nên sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng

a. Các doanh nghiệp không thanh toán bằng vàng mà chuyển sang thanh toán bằng tiền giấy

b. Do chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ

c. Do mâu thuẫn chính trị giữa các nước

d. Không câu nào đúng

Câu 15: các tổ chức tiền tệ thế giới IMF và WTO ra đời ở giai đoạn nào

a. 1967-1914

b. 1922-1939

c. 1945-1971

d. Không ý kiến nào đúng

Đa: c

Câu 1. Nghiên cứu KTQT cần giải quyết các nhiệm vụ nào?

- a. Cung cấp những kiến thức cơ bản về thung mại QT và những chính sách ảnh hưởng đến nó, những kiến thức cơ bản về sự di chuyển QT các nguồn nhân lực
- b. Cung cấp những kiến thức khái quát về một nền kinh tế thế giới hiện đại.
- c. Cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ QT nhằm thấy được sự vận động của thị trường tài chính, tiền tệ.
- d. Cả 3 đáp án trên.

Câu 2. Các chủ thể KTQT bao gồm:

- a. Các nền kinh tế của các quốc gia độc lập trên thế giới.
- b. Các công ty, đơn vị kinh doanh
- c. Các thiết chế QT, các tổ chức QT.
- c. Cả 3 đáp án trên.

Câu 3. Giả định nào là không có trong lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của A.Smith:

- a. Công nghệ 2 nước là cố định.
- b. Thế giới chỉ có 2 quốc gia, mỗi quốc gia sản xuất 1 loại hàng hóa và mỗi quốc gia có lợi thế tuyệt đối về 1 mặt hàng.
- c. Đồng nhất chi phí với tiền lương.
- d. Giá cả hoàn toàn do chi phí quyết định.

Câu 4. Xu hướng cơ bản trong TMQT là:

- a. Tự do hóa TM.
- b. Giảm nhập khẩu, giảm xuất khẩu.
- c. Bảo hộ mậu dịch.
- d. a và c.

Câu 5. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến đầu tư QT:

- a. Do sự mất cân đối về các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia nên có sự chênh lệch về giá cả.
- b. Do sức ép về chính trị, luật pháp trong nước
- c. Do sự gặp gỡ về lợi ích giữa các bên tham gia.
- d. Nhằm giải quyết các nhiệm vụ đặc biệt như xây dựng các công trình có quy mô vượt ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia.

Câu 6. Hỗ trợ phát triển chính thức ODA là:

- a. Hoạt động hợp tác phát triển giữa các công ty của các quốc gia.
- b. Hoạt động hợp tác phát triển giữa các chính phủ với các công ty nước ngoài.
- c. Hoạt động hợp tác phát triển giữa nhà nước hoặc chính phủ một nước với các chính phủ nước ngoài.
- d. Không đáp án nào đúng.

Câu 7. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam có tư tưởng chủ đạo là:

- a. Tạo nên khung pháp lý thuận lợi và bình đẳng cho môi trường đầu tư tại VN.
- b. Bảo vệ các doanh nghiệp VN.
- c. Tạo điều kiện cho việc tiếp nhận công nghệ nước ngoài vào VN.
- d. Phát triển mạnh các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 8. Yếu tố nào không nằm trong cán cân thanh toán QT của 1 nước:

- a. Cán cân thường xuyên
- b. Cán cân luồng vốn.
- c. Cán cân tài trợ chính thức.
- d. Cán bằng cán cân thanh toán

câu 9. Thị trường ngoại hối là:

- a. Thị trường hàng hóa QT.
- b. Thị trường tiền tệ QT
- c. Thị trường tiền tệ QT diễn ra các hoạt động giao dịch các ngoại tệ và các phương tiện thanh toán có giá trị như ngoại tệ.
- d. Không đáp án nào đúng.

Câu 10. tỷ giá hối đoái là:

- a. Giá cả của 1 đơn vị tiền tệ của 1 quốc gia tính bằng tiền tệ của 1 quốc gia khác.
- b. Giá cả của 1 đơn vị hàng hóa của 1 quốc gia tính bằng tiền tệ của 1 quốc gia khác.
- c. Giá cả của 1 đơn vị vàng của 1 quốc gia tính bằng tiền tệ của 1 quốc gia khác.
- d. Quan hệ so sánh tuyệt đối về mặt sức mua giữa 2 đồng tiền của các quốc gia khác nhau.

Câu 11: Chế độ tỷ giá hối đoái của Việt Nam hiện nay là:

- a. Tỷ giá hối đoái cố định
- b. Tỷ giá hối đoái thả nổi
- c. Tỷ giá thả nổi có quản lý
- d. Không phương án nào đúng

Câu 12: khi sức mua của đồng nội tệ giảm so với ngoại tệ thì:

- a. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm
- b. Xk tăng nk tăng
- c. Xk giảm nk tăng
- d. Xk giảm nk giảm

Câu 13: biểu thức nào sau đây nêu lên mối quan hệ giữa cán cân thường xuyên hai thu nhập quốc dân:

- a. $Y=C + I + G + X$
- b. $Y=C + I + G + (X-M)$
- c. $Y=C + I + G$
- d. $Y =C + I + G + (M-X)$

Câu 14: tiêu thức nào là cơ bản để đánh giá hiệu quả hoạt động của một hệ thống tiền tệ quốc tế

- a. Điều hành
- b. Dự trữ
- c. Độ tin cậy
- d. Cả 3 đáp án trên

Câu 15: Đặc trưng của hệ thống tiền tệ cố định bretton là

- a. Sử dụng bản vị vàng
- b. Sử dụng bản vị vàng và USD
- c. IMF và WB được lập và điều tiết thanh toán TCQT
- d. Không đáp án nào đúng

Đáp án:

1.d 2.d 3.a 4. d 5. b 6. c 7.a 8.d 9.c 10.a 11.c 12.a 13.b 14.d 15.c

1. Nếu chính phủ nước tiếp nhận FDI không có 1 chính sách quản lý và sử dụng FDI 1 cách hợp lý thì có thể dẫn tới những bất lợi nào;

- a. gây hậu quả xấu tới môi trường và làm cạn kiệt tài nguyên
- b. có thể gây ra hiện tượng độc quyền do tác động ngược lên cạnh tranh từ phía các công ty bên ngoài đối với các công ty bản xứ
- c. biến nước sở tại thành bãi chứa các công nghệ và thiết bị trung gian, lạc hậu
- d. cả a, b & c

2. Các khu chế xuất được thành lập nhằm mục đích chủ yếu nào;

- a. sản xuất hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu trong nước
- b. sản xuất hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu xuất khẩu
- c. phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- d. chuyển dịch cơ cấu kinh tế

3. So với các khu chế xuất thì khu công nghiệp tập trung có những ưu điểm hơn trong việc;

- a. sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu
- b. thu hút đầu tư nước ngoài
- c. tạo ra mối liên hệ chặt chẽ với kinh tế ngành, kinh tế vùng và cả nước
- d. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa ở giai đoạn đầu

4. Trong các mức độ hội nhập kinh tế sau đây thì mức độ nào mang tính chất hội nhập và hợp tác gian đơn nhất

- a. khu vựcj thương mại

- b. liên minh thuế quan
- c. liên minh kinh tế
- d. thị trường chung

Câu 5

Trong các mức độ hội nhập kinh tế dưới đây hình thức nao mang tính chất hội nhập đầy đủ

- a. thị trường chung
- b. khu vực thương mại
- c. liên minh thuế quan
- d. liên minh kinh tế

Câu 6: giữa lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo và lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế của Heckscher-Ohlin được gây dựng trên một số các giả thiết chung nào sau đây :

- a. mô hình chỉ có hai quốc gia và hai loại sản phẩm
- b. mậu dịch tự do thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- c. cả hai quốc gia có cùng một trình độ kỹ thuật công nghệ
- d. cả a, b, c

Câu 7 khi đồng tiền yên Nhật lên giá so với đồng đô la Mỹ sẽ làm cho

- a. đầu tư và thị trường Nhật tăng
- b. đầu tư vào thị trường đồng á tăng
- c. đầu tư vào thị trường Nhật và các nước đồng á giảm
- d. sức cạnh tranh của thị trường hàng hóa Nhật so với các nước được cải thiện

Câu 8: trong các quan điểm sau đây đâu là quan điểm của chủ nghĩa trọng thương :

- a. kêu gọi chính phủ chủ trương mậu dịch tự do
- b. đặt quan hệ giao thương giữa các quốc gia trên cơ sở bình đẳng đôi bên cùng có lợi
- c. đòi hỏi có sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế bằng chính sách bảo hộ sản xuất và mậu dịch
- d. không có quan điểm nào

Câu 9: xuất khẩu và nhập khẩu cùng mang một đặc điểm chung nào sau đây

- a. góp phần đổi mới công nghệ và nâng cao sản xuất thông qua cạnh tranh
- b. làm tăng nguồn thu ngoại tệ của quốc gia
- c. là tăng nợ nước ngoài
- d. không có đặc điểm chung nào trong các đặc điểm trên

Câu 10: hiện nay diễn đàn hợp tác quốc tế Thái Bình Dương (APEC) gồm bao nhiêu thành viên

- a. 18
- b. 19
- c. 20
- d. 21

Câu 11: thuế quan nhập khẩu là một công cụ của chính sách thương mại và nó làm cho:

- a. Chính phủ nước đánh thuế nhập khẩu nhận được khoản thu về thuế
- b. Không làm thay đổi thặng dư của người tiêu dùng
- c. Không làm thay đổi cán cân thương mại của một nước
- d. Nói chung nó mang lại lợi ích cho nền kinh tế thế giới

Câu 12: Chính phủ có thể can thiệp đến sự biến động của cán cân thương mại bằng các hình thức:

- a. Can thiệp vào thương mại quốc tế
- b. Can thiệp trực tiếp vào thị trường ngoại hối
- c. Can thiệp vào đầu tư quốc tế
- d. Cả a, b và c

Câu 13: Tỷ giá hối đoái do ngân hàng Nhà Nước công bố hằng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng là:

- a. tỷ giá hối đoái thực tế
- b. tỷ giá hối đoái danh nghĩa
- c. tỷ giá này phản ánh được tương quan thực sự giữa các đồng tiền do sự tác động của giá cả hàng hóa lạm phát và các nhân tố khác
- d. không có ý kiến nào đúng

Câu 14 NAFTA là một hình thức liên kết kinh tế khu vực tại Bắc Mỹ gồm 3 nước Mỹ, Canada, và Mexico. Đó là hình thức liên kết kinh tế nào trong các hình thức sau

- a. khu vực mậu dịch tự do
- b. thị trường chung
- c. liên minh thuế quan
- d. liên minh kinh tế

Câu 15 trong 2 thập kỉ gần đây khu vực nào trên thế giới có tốc độ tăng trưởng lớn nhất:

- a. Tây Âu
- b. Bắc Mỹ
- c. Châu Á – Thái Bình Dương
- d. Mỹ La Tinh

Đáp án:

Câu 1:d Câu2: b Câu3: c Câu 4: a Câu 5: d Câu 6:d Câu 7:b Câu 8:c Câu 9: a Câu 10: d Câu 11: a Câu 12 :d
 Câu 13 :b Câu 14 : a Câu 15 : c

1. Ý kiến nào dưới đây không phải là xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới?
- a. Khu vực hóa, toàn cầu hóa
 - b. Phát triển của khoa học công nghệ
 - c. Tăng cường cạnh tranh giữa các quốc gia, tạo ra sự biệt lập
 - d. Phát triển của vòng cung châu á thái bình dương

Đáp án đúng: c

2. Chủ thể cấu thành lên kinh tế thế giới bao gồm những yếu tố nào?
- a. Quốc gia,
 - b. Tổ chức kinh tế quốc tế
 - c. Liên kết kinh tế quốc tế
 - d. Cả ba yếu tố trên

Đáp án đúng: d

3. Đâu không phải mối quan hệ kinh tế quốc tế
- a. Quan hệ di chuyển quốc tế về hàng hóa và dịch vụ
 - b. Quan hệ di chuyển quốc tế về tư bản
 - c. Quan hệ di chuyển quốc tế về nguồn nhân lực
 - d. Quan hệ giữa các nước cường quốc

Đáp án đúng:d

4. Đối tượng của hoạt động thương mại quốc tế là gì
- a. Hàng hóa và dịch vụ
 - b. Hàng hóa và tiền tệ
 - c. Máy móc thiết bị
 - d. Các sản phẩm công nghệ

Đáp án đúng: a

5. Đâu không phải là sự thay đổi mặt hàng xuất khẩu của thương mại quốc tế hiện nay
- a. Giảm lượng thực phẩm
 - b. Tăng tỉ trọng xuất khẩu nguyên liệu thô
 - c. Lao động giản đơn có xu hướng giảm ,lao động phức tạp tăng tỉ trọng
 - d. sản phẩm tinh chế máy móc thiết bị có xu hướng tăng

Đáp án đúng: b

6. Việt Nam gia nhập vào tổ chức thương mại quốc tế vào thời điểm nào?

- a. Tháng 11 năm 2006
- b. Tháng 12 năm 2006
- c. Tháng 1 năm 2007
- d. Tháng 2 năm 2007

Đáp án đúng: a

7. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ 3 (1945_1971) tại Bretton Woods đã thành lập ra hai tổ chức nào?,

- a. WB, WTO
- b. WTO, IMF
- c. WB, IMF
- d. WHO, IMF

Đáp án đúng: c

8. Một trong những điều kiện để được vay tiền của tổ chức IMF là

- a. Là nước có tiềm lực kinh tế
- b. Là nước kém phát triển
- c. Là thành viên của tổ chức WTO
- d. Là thành viên của tổ chức IMF

Đáp án đúng: d

9. Theo bạn hiện nay Việt Nam đang thực hiện chế độ tỷ giá hối đoái nào

- a. chế độ tỷ giá hối đoái cố định
- b. chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do
- c. chế độ tỷ giá có quản lý
- d. không phải các chế độ tỷ giá hối đoái trên

Đáp án đúng: c

10. Tỷ giá hối đoái của đồng bảng anh so với đồng Việt Nam đồng được tính theo cách nào biết 1 bảng anh = 300000 VND danh nghĩa, tỷ lệ lạm phát Anh là 3% còn của VN là 7%

- a. 1 bảng anh = $30.000(1 + 7\%) : (1 + 3\%)$
- b. 1 bảng anh = $30.000(7\%) : (3\%)$
- c. 1 bảng anh = $30.000(1 + 3\%) : (1 + 7\%)$
- d. 1 bảng anh = $30.000(3\%) : (7\%)$

Đáp án đúng: a

11. Lãi suất của 1 quốc gia tăng sẽ ảnh hưởng như thế nào tới nhà đầu tư và người dân

- a. Người dân tăng gửi tiết kiệm, nhà đầu tư tăng đầu tư
- b. Người dân tăng gửi tiết kiệm, nhà đầu tư giảm đầu tư
- c. Người dân tăng tiêu dùng, nhà đầu tư tăng đầu tư
- d. Người dân tăng tiêu dùng, nhà đầu tư giảm đầu tư

Đáp án đúng: b

12. Tình trạng cán cân thanh toán quốc tế như thế nào khi dòng tiền nước ngoài chảy vào trong nước nhiều hơn dòng tiền trong nước chuyển ra nước ngoài

- a. Cân bằng

- b. Thu < chi
- c. Thu > chi
- d. Không phải các ý kiến trên

Đáp án đúng: c

13. Hệ thống tiền tệ quốc tế lần thứ nhất(1867-1914) đã dung loại bản vị nào dưới đây

- a. USD, vàng
- b. USD, bảng anh
- c. Bảng anh
- d. Vàng

Đáp án đúng: d

14. Cán cân thanh toán quốc tế bao gồm mấy tài khoản

- a. 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

Đáp án đúng: d

15. trong cán cân thanh toán quốc tế thì ODA thuộc tài khoản nào

- a. Tài khoản vãng lai
- b. Tài khoản vốn
- c. Tài khoản dự trữ quốc gia
- d. Tài khoản biến đổi số thống kê

Đáp án đúng: a

Câu 1: Sự phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay phụ thuộc vào.

- a, Sự phát triển hơn nữa của các quốc gia phát triển.
- b, Sự phát triển mạnh mẽ của các quốc gia đang phát triển.
- c, Sự mở rộng và tăng cường các quan hệ quốc tế.
- d, Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất , phân công lao động quốc tế và các quan hệ quốc tế.

ĐA: d

Câu 2: Các chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm.

- a, Các nền kinh tế của các quốc gia độc lập.
- b, Các công ty ,đơn vị kinh doanh.
- c, Các thiết chế, tổ chức quốc tế.
- d, Tất cả các phương án trên.

ĐA: d

Câu 3: Các nhận định nào sau đây là đúng.

- a, Toàn cầu hóa là quá trình phát triển mạnh mẽ trao đổi thương mại quốc tế giữa các quốc gia.
- b, Toàn cầu hóa luôn có lợi cho các công dân toàn cầu.
- c, Toàn cầu hóa là xu thế phát triển tất yếu luôn tuân theo quy luật khách quan.
- d, Toàn cầu hóa đồng nhất với khu vực hóa.

ĐA: c,

Câu4: Trong các trường hợp sau đâu là hình thức tái xuất khẩu:

- a, Nhà nước cho phép các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu nhập nguyên vật liệu mà trong nước không sản xuất được để sản xuất hàng xuất khẩu .
- b, Một doanh nghiệp Đà Loan thuê tổng công ty dệt may gia công một lô hàng áo xuân-hè.
- c, Một doanh nghiệp Hồng Kông nhập khẩu giày da của Việt Nam sau đó xuất sang EU.

d, Do gặp thời tiết xấu tàu chở hàng của Việt Nam phải tạm trú ở cảng Singapore sau đó tiếp tục xuất khẩu sang Châu Âu.

ĐA: c

Câu 5: Nhận định nào sau đây là đúng:

- a, Quan hệ kinh tế quốc tế chính là sự thể hiện của thương mại quốc tế.
- b, Qua thương mại quốc tế các nước đang phát triển tiếp nhận được nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kinh tế.
- c, Thương mại quốc tế là sự trao đổi giá trị giữa các nền kinh tế.
- d, Thương mại quốc tế là toàn bộ hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa , dịch vụ giữa các quốc gia.

ĐA: d

Câu 6 : Tìm nhận định đúng

- a, một quốc gia được coi là có lợi thế tuyệt đối về một hàng hóa khi họ sản xuất hàng hóa đó với các chi phí nhỏ hơn.
- b, quốc gia nào có chi phí cơ hội thấp trong sản xuất một loại hàng hóa nào đó tức là họ có lợi thế so sánh trong việc sản xuất hàng hóa đó.
- c, quốc gia có lợi thế tuyệt đối về hàng hóa nào thì họ cũng có lợi thế tương đối trong sản xuất hàng hóa đó.
- d, Khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối để sản xuất sản phẩm nào thì họ sẽ bị thiệt trong thương mại quốc tế.

ĐA: b,

Câu 7: Thuế quan :

- a, Thuế quan là công cụ của chính sách thương mại quốc tế.
- b, Là một dạng của chính sách thương mại quốc tế.
- c, Thuế quan nhập khẩu làm cho nhà nhập khẩu phải chịu chi phí lớn .
- d, Khi một quốc gia muốn thu lợi từ một mặt hàng truyền thống của mình họ sẽ thu thuế nhập khẩu của mặt hàng đó.

ĐA: a

Câu 8: Tìm câu đúng:

- a, Thuế quan xuất khẩu là sự thể hiện của bảo hộ mậu dịch.
- b, Mục tiêu của bảo hộ mậu dịch là bảo vệ thị trường nội địa.
- c, Bảo hộ mậu dịch được coi là biện pháp duy nhất để bảo vệ “ngành công nghiệp non trẻ”
- d, Bảo hộ mậu dịch và tự do hóa thương mại là hai xu hướng đối nghịch nhau, không thể nương tựa nhau,

ĐA: b

Câu 9: Nhận định nào sau đây là sai.

- a, Đầu tư quốc tế là một trong những nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế.
- b, Đầu tư quốc tế thực chất là sự vận động của tiền tệ và tài sản giữa các quốc gia.
- c, Đầu tư quốc tế luôn có lợi với nước chủ đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.
- d, ODA là một dạng của đầu tư quốc tế.

ĐA: c

Câu 9: Hình thức nào sau đây là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- a, một quỹ tài chính quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam vay vốn .
- b, Một số các tổ chức tài chính đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.
- c, Một ngân hàng nước ngoài mua 20% cổ phần của ngân hàng VIP Bank để trở thành cổ đông chiến lược.
- d, Chính phủ Hà Lan đài thọ cho các chương trình y tế giáo dục ở vùng sâu vùng xa của Việt Nam.

ĐA: c

Câu 10: Mô hình kim cương về lợi thế cạnh tranh Quốc gia của ai?

- a, P. Koller
- b, Friedman
- c, Keynes
- d, M. Porter

ĐA: c

1 Nền kinh tế thế giới là:

- a. Tổng thể nền kinh tế của các quốc gia độc lập trên trái đất, các tổ chức, các liên kinh tế
- b. Là tổng thể các mối quan hệ kinh tế quốc tế

c. Là nền kinh tế của từng quốc gia và không có quan hệ với nhau

(c). a+b

2. Thương mại quốc tế không bao gồm:

a. Gia công quốc tế

b. Trao đổi hàng hoá với người nước ngoài ở trong nước

c. Mua bán cổ phiếu trái phiếu xuyên quốc gia

d. Tái xuất khẩu và chuyển khẩu

(e) Không phải các ý kiến trên

3. Xu hướng bảo hộ mậu dịch và xu hướng tự do hoá thương mại là:

a. Hai xu hướng trái ngược nhau

b. Hai xu hướng mâu thuẫn nhau

c. Hai xu hướng không mâu thuẫn nhau

d. a+b

(e). a+c

4. Ý nghĩa lớn nhất của lý thuyết lợi thế so sánh tương đối của Ricardo là:

a. Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì tốt nhất là không nên tham gia vào thương mại quốc tế

b. Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì sẽ không có lợi khi tham gia vào thương mại quốc tế

(c) Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì họ vẫn có lợi ích khi tham gia vào thương mại quốc tế

d. Tất cả các ý kiến trên đều sai

5. Đặc điểm của hệ thống tiền tệ Giamaica là:

a. Bản vị vàng hối đoái

b. Thành lập ra hai quỹ tài chính quốc tế

(c) Chấp nhận năm loại tiền tệ được lên ngôi

d. Không phải các ý kiến trên

6. Tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam so với đồng USD sẽ tăng khi

(a) Cán cân thanh toán thặng dư

b. Cán cân thanh toán thâm hụt

c. Cán cân thanh toán cân bằng

d. Không phải các ý kiến trên

7. VN đã dạng hoá kinh tế đối ngoại theo các hướng chủ yếu sau

a. đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá

b. đẩy mạnh nhập khẩu hàng hoá

c. phát triển du lịch quốc tế và các dịch vụ thu mua ngoại tệ

(d) a và c

8. thuế nhập khẩu tạo điều kiện cho:

a. các nhà sản xuất trong nước mở rộng sản xuất

b. tạo công ăn việc làm cho người lao động

c. tăng nguồn thu ngân sách

(d) tất cả

9. yếu tố không ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái

a. mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia

b. yếu tố tâm lý

c. tình trạng cán cân thanh toán quốc tế

(d) tăng cầu về hàng tiêu dùng

10. cán cân thanh toán quốc tế bao gồm những nội dung sau:

- a. tài khoản vãng lai
- b. tài khoản vốn
- c. tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- d. tài khoản chênh lệch số thống kê
- (e) tất cả

11. nếu tỷ lệ lạm phát của VN là m%, tỷ lệ lạm phát của mỹ là n% thì tỷ giá hối đoái là: (với 1USD=16000VND)

- a. $16000 \cdot m/n$
- b. $16000 \cdot n/m$
- c. $16000 \cdot (1+n)/(1+m)$
- (d) $16000 \cdot (1+m)/(1+n)$

12 Để đánh giá năng lực phát triển kinh tế đối ngoại của một quốc gia người ta căn cứ vào:

- a. Tài nguyên thiên nhiên
- b. Nguồn nhân lực
- c. Vị trí địa lý
- d. Vị thế chính trị
- (e). Các ý kiến trên đều đúng

13. nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế là:

- a. tạo điều kiện cho các DN nước ngoài vào nước mình
- b. tạo điều kiện cho các DN trong nước mở rộng ra thị trường nước ngoài
- c. bảo vệ thị trường nội địa
- (d) b và c

14. VN có những lợi thế so sánh gì để tham gia vào thương mại quốc tế

- a. nhân lực
- b. nguyên liệu
- c. trình độ phát triển KHCN cao
- (d) a và b

15. Vốn ODA nằm ở khoản mục nào:

- (a). Tài khoản vãng lai
- b. Tài khoản vốn
- c. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- d. Tài khoản chênh lệch số thống kê

Câu 1) Trong các hoạt động của các quan hệ kinh tế quốc tế dưới đây, hoạt động nào có vị trí quan trọng, giữ vị trí trung tâm mang tính phổ biến trong tất cả các quốc gia:

- a) Thương mại quốc tế
- b) Hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ
- c) Hợp tác đầu tư quốc tế
- d) Các hoạt động dịch vụ quốc tế

Chọn a

Câu 2. Tính ưu việt nhất của lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo so với lý thuyết lợi thế tương đối của Adam Smith:

- a) Đề cao vai trò của cá nhân và các doanh nghiệp, ủng hộ một nền thương mại tự do, không có sự can thiệp của Chính phủ
- b) Thấy được tính ưu việt của chuyên môn hoá
- c) Ngay cả khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm vẫn có lợi khi giao thương với

một quốc gia khác được coi là có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm

d) a và c

Chọn c

Câu 3. điều kiện nào không phải là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế đối ngoại ở VN

(a) nâng cao dân trí

b. đảm bảo ổn định về chính trị và kinh tế

c.xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp

d.từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội

chọn a

câu 4. VN có những lợi thế so sánh gì để tham gia vào thương mại quốc tế

a.nhân lực

b.nguyên liệu

c.trình độ phát triển KHCN cao

d.a và b

chọn d

Câu 5.nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế là:

a.tạo điều kiện cho các DN nước ngoài vào nước mình

b.tạo điều kiện cho các DN trong nước mở rộng ra thị trường nước ngoài

c.bảo vệ thị trường nội địa

d. b và c

chọn d

Câu 6: Đầu tư quốc tế là:

a) Hình thức di chuyển tư bản từ nước sang nước khác nhằm mục đích sinh lời.

b) Hình thức di chuyển công nghệ và vốn giữa các nước,các nước khu vực với nhau.

c) Hình thức khác của toàn cầu hoá.

d) Hoạt động đầu tư của các nước giàu và các nước nghèo.

Chọn a

Câu 7: Đầu tư trực tiếp nước ngoài là:

a)FDI

b)Là một hình thức đầu tư nước ngoài trong đó chủ sở hữu vốn đồng thời là người trực tiếp quản lí và điều hành hoạt động vốn.

c) Là loại hình đầu tư quốc tế mà quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng đối một tài sản đầu tư.

d) ODA.

e) Cả a và b.

Chọn e

Câu 8.Hoạt động gia công thuê cho nước ngoài diễn ra khi quốc gia đó:

a. Có trình độ phát triển thấp.

b. Thiếu vốn, thiếu công nghệ, thiếu thị trường.

c. Có trình độ phát triển cao

d. a & b đúng

=> Đáp án: d

Câu 9. Hội nhập kinh tế quốc tế:

a. Gây khó khăn cho việc thực hiện các công cuộc cải cách ở các quốc gia.

b. Hạn chế các nguồn lực trong nước và nước ngoài.

c. Là quá trình xoá bỏ từng bước và từng phần các rào cản về thương mại và đầu tư giữa các quốc gia theo hướng tự do hoá.

=> d. Gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh

Đáp án: c

Câu 10 . Sự phát triển của khoa học công nghệ đã :

a. Làm chu kỳ sống sản phẩm càng tăng

b. Làm chu kỳ sống sản phẩm càng giảm.

c. Chất lượng sản phẩm ngày càng cao và giá thành ngày càng rẻ.

d. b & c

=> Đáp án: d.

Câu 1 Xu hướng cơ bản trong thương mại quốc tế hiện nay là

a Tự do hoá thương mại

b Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế

c Bảo hộ mậu dịch

d Tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch

Chọn câu d

Câu 2

Tính chất của đầu tư quốc tế là :

a Tính bình đẳng và tự nguyện

b Tính đa phương và đa chiều

c Vừa hợp tác vừa cạnh tranh

d Cả 3 tính chất trên

Chọn câu d

Câu 3

Việt Nam tham gia AFTA vào năm bao nhiêu ?

a 1995

b 2001

c 1996

d 2006

Chọn câu c

Câu 4 : Chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm:

a. Chủ thể ở cấp độ quốc gia

b. Chủ thể ở cấp độ cao hơn quốc gia

c. Chủ thể ở cấp độ thấp hơn quốc gia

d. Cả a, b

Chọn câu d

câu 5. Vốn FDI được thực hiện dưới hình thức:

a. Hợp tác liên doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh

b. Doanh nghiệp liên doanh

c. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

d cả 3 ý trên

Chọn câu d

Câu 6. WTO được thành lập năm nào?

- a.1945
- b.1947
- c.1987
- d.1995

Chọn câu d

Câu 7. Hiệp định thương mại Việt-Mỹ được ký kết năm nào

- a.1995
- b.1998
- c.2000
- d.2002

Chọn câu: c

Câu 8)Đặc điểm của đầu tư gián tiếp là:

- a.Nhà đầu tư không kiểm soát các hoạt động kinh doanh
- b.Độ rủi ro thấp
- c.chủ đầu tư nước ngoài kiếm lời qua lãi suất cho vay hay lợi tức cổ phần
- d.cả a,b,c

Chọn câu:d

Câu 9. NAFTA là tên viết tắt thị trường tự do của khu vực nào?

- A.Nam Mỹ
- B.Bắc Mỹ
- C.Đông Nam Á
- D.Châu Phi

Chọn câu b

Câu 10. Nước thu hút FDI lớn nhất thế giới năm 2006

- a.Mỹ
- b.Trung Quốc
- c.Anh
- d.Ấn Độ

Chọn câu a

Câu 11. Các doanh nghiệp liên doanh nước ngoài tại Việt Nam thường được hình thành dựa trên nguồn vốn nào:

- a. Đầu tư gián tiếp nước ngoài do giá nhân công rẻ.
- b. Đầu tư gián tiếp do lợi nhuận cao hơn đầu tư trực tiếp.
- c. Đầu tư trực tiếp do trình độ quản lý của Việt nam còn thấp nên chủ đầu tư luôn muốn trực tiếp quản lý để đảm bảo kinh doanh hiệu quả.
- d. Đầu tư trực tiếp do Việt nam không có nhiều vốn đối ứng nên không dành được quyền quản lý.

Chọn câu: c

Câu 12)Chế độ tỷ giá hối đoái của việt nam hiện nay là:

- a.chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do
- b.chế độ tỷ giá hối đoái cố định
- c.chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý
- d.không phải các đáp án trên

Chọn câu :c

Câu 13 : Thành phần nào có thể vay tiền từ quỹ IMF:

- a.Là thành viên của IMF
- b.Là các nước đang phát triển

- c. Là các nước phát triển
 - d. Là 50 nước nghèo nhất thế giới.
- Chọn câu: a

Câu 14. Giả sử thu nhập quốc dân của Mỹ tăng lên trong khi đó thu nhập của Việt nam không thay đổi thì:

- a. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ giảm
- b. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ tăng
- c. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ không thay đổi
- d. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ thay đổi phụ thuộc vào sản lượng xuất nhập khẩu

Chọn câu a

Câu 15. nếu tỷ lệ lạm phát của VN là m%, tỷ lệ lạm phát của mỹ là n% thì tỷ giá hối đoái là (với 1USD=16000VND)

- a. $16000 \cdot m/n$
- b. $16000 \cdot n/m$
- c. $16000 \cdot (1+n)/(1+m)$
- (d) $16000 \cdot (1+m)/(1+n)$

Chọn câu d

Câu 1. Đáp án 2

Thuật ngữ “ công ty đa quốc gia” thường được dùng để chỉ các công ty mà số vốn của nó thuộc sở hữu của:

1. Doanh nghiệp hoặc cá nhân thuộc đất nước Việt Nam.
2. Doanh nghiệp hoặc cá nhân thuộc nhiều quốc tịch.
3. Doanh nghiệp hoặc cá nhân của thành phố Hà Nội.
4. Doanh nghiệp hoặc cá nhân của tỉnh Bắc Ninh.

Câu 2. Đáp án 4

Vấn đề có tính chất toàn cầu là những vấn đề có liên quan đến lợi ích và sự sống còn của:

1. Một quốc gia.
2. Một số các quốc gia.
3. Các quốc gia trong cùng một khu vực.
4. Tất cả các quốc gia trên toàn thế giới.

Câu 3. Đáp án 2

Một hiệp định thương mại được ký ngày 13/7/2000 là một nấc thang quan trọng trong tiến trình bình thường hoá và phát triển quan hệ kinh tế thương mại của Việt Nam.

1. Việt Nam – Trung Quốc.
2. Việt Nam – Hoa Kỳ.
3. Việt Nam - Nhật Bản.
4. Việt Nam – CuBa.

Câu 4. Đáp án 1

Theo lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế thì quan điểm nào cho rằng thương mại quốc tế chỉ đem lại lợi ích cho một bên khi tham gia.

1. Chủ nghĩa trọng thương.
2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith.
3. Lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo.
4. cả 2 và 3.

Câu 5. Đáp án 3

– Ta có bảng sau:

Quốc gia	I	II
hàng hoá/giờ công		
X	6	1
Y	4	2

Sử dụng lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo.
Tỷ lệ trao đổi quốc tế là bao nhiêu:

1.

$$\frac{X}{Y} > \frac{1}{2}$$

$$2. \frac{X}{Y} < \frac{6}{4}$$

$$3. \frac{1}{2} < \frac{X}{Y} < \frac{6}{4}$$

$$4. \frac{1}{2} < \frac{X}{Y} < \frac{4}{6}$$

Câu 6. Đáp án 2

Quy định của nhà nước về số lượng cao nhất của một mặt hàng hay một nhóm mặt hàng được phép xuất hoặc nhập khẩu từ một thị trường trong một thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép là:

1. Thuế quan.
2. Hạn ngạch (QUOTA).
3. Các biện pháp về tiêu chuẩn kỹ thuật.
4. Biện pháp trợ cấp xuất khẩu.

Câu 7. Đáp án 3

Mối quan hệ giữa xu hướng tự do hoá thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch trong thực tế:

1. Thuận chiều.
2. Đối nghịch.
3. Song song tồn tại, thống nhất và chúng được sử dụng một cách kết hợp với nhau.
4. Không có quan hệ.

Câu 8. Đáp án 4

FDI được thực hiện theo những hình thức phổ biến là:

1. Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh.
2. Doanh nghiệp liên doanh.
3. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
4. Cả 3 hình thức trên.

Câu 9. Đáp án 4

Nguồn nhân lực của Việt Nam có lợi thế so sánh so với các nước khác trong việc phát triển kinh tế đối ngoại là:

1. Đội ngũ lao động đông đảo
2. Tư chất con người Việt Nam rất cần cù, tiếp thu nhanh nghề nghiệp mới, có khả năng ứng xử linh hoạt.
3. Giá nhân công rẻ.
4. Cả 3 đặc điểm trên.

Câu 10. Đáp án 2

Một hoạt động tạm thời nhập khẩu hàng hoá - dịch vụ sau đó tiến hành xuất sang nước thứ 3 với điều kiện hàng hóa không ra công chế biến là:

1. Chuyển khẩu.
2. Tái xuất khẩu.
3. Xuất khẩu tại chỗ.
4. Cả hoạt động 1 và 3.

Câu 11. Đáp án 3

Hệ thống Bretton Woods là hệ thống có đặc điểm:

1. Chế độ bản vị vàng.

2. Chế độ bản vị vàng hối đoái.
3. Hình thành hai tổ chức tài chính quốc tế là IMF và WB.
4. không ý nào ở trên.

câu 12. Đáp án 4

Điều kiện để vay được tiền của tổ chức IMF:

1. Là thành viên của tổ chức này.
2. Dự án phải có tính khả thi.
3. Mỹ tán thành
4. cả 1,2,3.

Câu 13. Đáp án 3

Có hai nước Việt Nam và Mỹ tỷ giá được xác lập là:

$$1\text{USD} = 16000\text{VND}$$

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam 8%, của Mỹ là 5% không tính đến các yếu tố khác. Hỏi tỷ giá hối đoái sau lạm phát là bao nhiêu:

1. 1USD= 10000 VND
2. 1USD= 25600 VND
3. 1USD= 16457.14 VND
4. 1USD= 15555.56 VND

Câu 14. Đáp án 1

Trong điều kiện chính phủ có thể tăng lãi suất thì:

1. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm đi.
2. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng lên.
3. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi.
4. Không có câu nào ở trên.

Câu 15. Đáp án 3

Hiện nay Việt Nam đang áp dụng chế độ tỷ giá hối đoái nào:

1. Chế độ tỷ giá hối đoái cố định.
2. Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do.
3. Chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý
4. Không có chế độ nào ở trên.

1/Nền kinh tế thế giới bao gồm:

- a. Tất cả các quốc gia trên thế giới
- b. Tất cả các tổ chức kinh tế
- c. Tất cả các mối quan hệ kinh tế quốc tế
- d. Tất cả các ý trên

đáp án d

2/ Xuất khẩu tại chỗ là hình thức xuất khẩu:

- a. Xuất khẩu hàng hoá vô hình
- b. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách du lịch quốc tế
- c. Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài gia công
- d. Nhập khẩu tạm thời và sau đó xuất khẩu sang một nước khác

đáp án b

3/Giả sử 2 quốc gia chuyên môn hoá và mậu dịch quốc tế :

Chỉ tiêu Quốc gia 1 Quốc gia 2

Mặt hàng X(sp/h)61

Mặt hàng Y(sp/h)45

Tỷ lệ trao đổi của từng quốc gia theo lợi thế tuyệt đối là:

- a. $4/5 < X/Y < 6/1$
- b. $1/6 < X/Y < 5/4$
- c. $4/6 < X/Y < 5/1$
- d. $1/5 < X/Y < 6/4$

đáp án d

4/ Trong các nhân tố sau, nhân tố nào có ảnh hưởng mạnh nhất đến tỷ giá hối đoái:

- a/ Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia.
- b/ Sự can thiệp của chính phủ.
- c/ Mức độ tăng giảm thu nhập quốc dân giữa các quốc gia.
- d/ Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia.

đáp án b

5/ Đầu tư quốc tế là hình thức di chuyển quốc gia về....từ quốc gia này đến quốc gia khác.

- a. Vốn
- b. Công nghệ
- c. Nhân lực
- d. Cả a, b và c

đáp án a

6/ Hiện nay Việt nam đang thực hiện chế độ tỷ giá:

- a. Cố định
- b. Thả nổi
- c. Cố định có kiểm soát
- d. Thả nổi có kiểm soát

đáp án d

7/ Vàng và một số đồng tiền chủ chốt được coi là ngoại tệ vàng là đặc điểm của hệ thống tiền tệ nào?

- a. Hệ thống tiền tệ thứ nhất(bản vị vàng)
- b. Hệ thống tiền tệ thứ hai(Bản vị àng hối đoái)
- c. Hệ thống tiền tệ Jamaica
- d. Hệ thống tiền tệ EMS

đáp án b

8/ Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá được định nghĩa:

- a. Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc chuyển giao ngoại tệ được thực hiện ngay
- b. Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc giao nhận được thực hiện trong một thời gian nhất định
- c. Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ thu lợi dựa vào mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối
- d. Là nghiệp vụ bán một đồng tiền nào đó ở thời điểm hiện tại và mua lại chính đồng tiền đó tại một thời điểm xác định trong tương lai

đáp án c

9/ Vấn đề lớn nhất được đưa ra trong việc hoạch định những giải pháp phát triển kinh tế đối ngoại ở nước ta hiện nay là:

- a. Môi trường chính trị - xã hội.
- b. Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.
- c. Luật pháp-chính sách.
- d. Môi trường kinh tế.

đáp án b

10/ Mức lãi xuất trong nước tăng (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) sẽ làm cho:

- a. Mức đầu tư trong nước tăng.
- b. Mức tiết kiệm trong nước tăng.
- c. Mức đầu tư trong nước giảm.
- d. B và C.

đáp án d

11/ Khi đồng nội tệ mất giá:

- a. Xuất khẩu và nhập khẩu không bị ảnh hưởng
- b. Xuất khẩu bất lợi
- c. Xuất khẩu bất lợi và khẩu có lợi và nhập khẩu có lợi
- d. Xuất khẩu và nhập khẩu đều có lợi

đáp án b

12/ Hệ thống tiền tệ trên chế độ bản vị vàng hối đoái với vai trò của đồng USD trở thành chủ yếu là:

- a. Hệ thống quốc tế thứ hai.
 - b. Hệ thống quốc tế thứ ba
 - c. Hệ thống quốc tế thứ tư
- đáp án b

13. Thứ tự về thời gian Việt Nam gia nhập các tổ chức

- a. ASEAN – APEC – AFTA – WTO
- b. APEC – ASEAN – AFTA – WTO
- c. AFTA – ASEAN – APEC – WTO
- d. ASEAN – AFTA – APEC – WTO

đáp án d

13. Vàng và một số đồng tiền chủ chốt được coi là ngoại tệ vàng là đặc điểm của hệ thống tiền tệ nào?

- a. Hệ thống tiền tệ thứ nhất(bản vị vàng)
- b. Hệ thống tiền tệ thứ hai(Bản vị àng hối đoái)
- c. Hệ thống tiền tệ Giamaica
- d. Hệ thống tiền tệ EMS

đáp án b

14/ Người bác bỏ quan điểm cho rằng: "Vàng là đại diện duy nhất cho sự giàu có của các quốc gia".

- a. Ardam Smith
- b. David Ricacdo
- c. Henry George
- d. Sam Pelzman

đáp án a.

15/ Nghiệp vụ dựa vào mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường ngoại hối để thu lợi nhuận thông qua hoạt động mua và bán là:

- a. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao ngay
- b. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá
- c. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối có kỳ hạn
- d. Nghiệp vụ ngoại hối giao sau

đáp án b

1. Kinh tế quốc tế nghiên cứu:

- a. Nghiên cứu nền kinh tế thế giới.
- b. Nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia.
- c. Nghiên cứu nền kinh tế của một quốc gia và mối quan hệ kinh tế giữa quốc gia này với các quốc gia khác.
- d. a & b đúng.

=> Đáp án: d

2. Tái xuất khẩu là:

- a. Bán hàng hoá trực tiếp cho nước ngoài.
- b. Xuất khẩu tạm thời hàng hoá từ bên ngoài vào, sau đó tiến hành xuất khẩu sang nước thứ 3 với điều kiện hàng hoá đó không qua gia công chế biến.
- c. Là hoạt động trung chuyển hàng hóa.
- d. Bán hàng hoá cho khách du lịch nước ngoài.

=> Đáp án: b

3. Những khả năng để phát triển Kinh tế đối ngoại của Việt Nam là:

- a. Trình độ khoa học kỹ thuật cao.
- b. Nguồn nhân lực rẻ.
- c. Vị trí địa lý thuận lợi.

d. b & c đúng..

=> Đáp án: d

4. Thuế quan là :

- a. Loại thuế đánh vào hàng hoá nhập khẩu.
- b. Loại thuế đánh vào hàng hoá xuất khẩu.
- c. Loại thuế đánh vào hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh.
- d. Loại thuế đánh vào hàng hoá nội địa.

=> Đáp án: c.

5. Hoạt động gia công thuê cho nước ngoài diễn ra khi quốc gia đó:

- a. Có trình độ phát triển thấp.
- b. Thiếu vốn, thiếu công nghệ, thiếu thị trường.
- c. Có trình độ phát triển cao
- d. a & b đúng

=> Đáp án: d

6. Hội nhập kinh tế quốc tế:

- a. Gây khó khăn cho việc thực hiện các công cuộc cải cách ở các quốc gia.
- b. Hạn chế các nguồn lực trong nước và nước ngoài.
- c. Là quá trình xoá bỏ từng bước và từng phần các rào cản về thương mại và đầu tư giữa các quốc gia theo hướng tự do hoá.

=> d. Gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh

Đáp án: c

7. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã :

- a. Làm chu kỳ sống sản phẩm càng tăng
- b. Làm chu kỳ sống sản phẩm càng giảm.
- c. Chất lượng sản phẩm ngày càng cao và giá thành ngày càng rẻ.
- d. b & c

=> Đáp án: d.

.

8.

Sản phẩm	Nhật	Việt Nam
Gạo	1	6
Vải	5	4

Theo lý thuyết lợi thế tuyệt đối thì:

- a. Nhật xuất vải, nhập gạo.
- b. Nhật xuất gạo, nhập vải.
- c. Nhật tự sản xuất cả gạo và vải.
- d. Không có đáp án nào đúng.

=> Đáp án: a.

9.

Sản phẩm	Nhật	Việt Nam
Gạo	1	6
Ôtô	4	2

Theo lý thuyết lợi thế so sánh thì :

- a. Nhật xuất khẩu gạo, nhập khẩu ô tô.
- b. Nhật xuất khẩu ô tô, nhập khẩu gạo.
- c. Việt Nam xuất khẩu ô tô, nhập khẩu gạo.
- d. Không có đáp án nào đúng.

=> Đáp án: b.

10. Đầu tư trực tiếp nước ngoài :

- a. Làm giảm hiệu quả vốn đầu tư.
- b. Các nhà đầu tư gặp rủi ro ít.
- c. Chủ đầu tư nước ngoài tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch và chiếm lĩnh thị trường nước sở tại.
- d. b & c đúng

=> Đáp án: d

11. Hạn ngạch :

- a. Số lượng cao nhất của một mặt hàng được phép xuất khẩu hay nhập khẩu.
- b. Làm cho giá cả trong nước giảm.
- c. Bảo hộ người tiêu dùng trong nước.
- d. b & c đúng.

=> Đáp án: a.

12. A gửi tặng B lượng hàng hoá 1000 USD

- a. Ghi nợ chuyển giao đơn phương cho nước ngoài : -1000 USD

Ghi có : Xuất khẩu hàng hoá : +1000 USD

- b. Ghi nợ chuyển giao đơn phương cho nước ngoài : 1000 USD

Ghi có : Xuất khẩu hàng hoá : 1000 USD

- c. Ghi nợ chuyển giao đơn phương cho nước ngoài : -1000 USD

Ghi có : Xuất khẩu hàng hoá : -1000 USD

- d. Ghi nợ : Xuất khẩu hàng hoá : 1000 USD

Ghi có chuyển giao đơn phương cho nước ngoài : 1000 USD

=> Đáp án: a

13. Hình thức can thiệp của chính phủ đến tỷ giá:

- a. Can thiệp qua thương mại quốc tế.
- b. Can thiệp vào đầu tư quốc tế.
- c. Can thiệp trực tiếp vào thị trường ngoại hối.
- d. cả 3 phương án trên.

=> Đáp án: d

14. Liên kết kinh tế:

- a Tạo sự ổn định cho quan hệ giữa các nước nhằm đạt được các mục tiêu của quá trình liên kết.
- b. Gây ra tình trạng chia cắt thị trường thế giới, hình thành các nhóm lợi ích cục bộ và làm chậm tiến trình toàn cầu hoá kinh tế.
- c Hạn chế cạnh tranh , việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới ở các quốc gia và các doanh nghiệp.
- d. a & b đúng.

=> Đáp án: d

15. FDI:

- a. Là nguồn vốn đầu tư của các chính phủ.
- b. Là nguồn vốn đầu tư của tư nhân, của các công ty.
- c. Là nguồn vốn đầu tư không hoàn lại.
- d. Không đáp án nào đúng.

=> Đáp án: b

Doan Thi Thu Hang writes:

1.Nền kinh tế thế giới là:

- a.Tổng thể nền kinh tế của các quốc gia độc lập trên trái đất, các tổ chức, các liên kinh tế
- b.Là tổng thể các mối quan hệ kinh tế quốc tế
- c.Là nền kinh tế của từng quốc gia và không có quan hệ với nhau

(c).a+b

2.Khu vực hoá sẽ hình thành:

- a.Sẽ loại bỏ các trở ngại về rào cản trong quan hệ kinh tế
- b.Tạo thành những rào cản khu vực để bảo vệ các thành viên trong khối
- c.Nhằm giảm bớt rào cản về thuế quan trong nội bộ khối

(d).b+c

e.a+b+c

3. Để đánh giá năng lực phát triển kinh tế đối ngoại của một quốc gia người ta căn cứ vào:

- a.Tài nguyên thiên nhiên
- b.Nguồn nhân lực
- c.Vị trí địa lý
- d.Vị thế chính trị

(e).Các ý kiến trên đều đúng

4.Trong các giải pháp để phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại thì giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất:

- a.Về kinh tế
- b.Về chính trị
- c.Về luật pháp

(d).Tất cả các giải pháp trên đều quan trọng như nhau tùy vào từng hoàn cảnh của một nước mà đánh giá

5.Thương mại quốc tế không bao gồm:

- a.Gia công quốc tế
- b.Trao đổi hàng hoá với người nước ngoài ở trong nước
- c.Mua bán cổ phiếu trái phiếu xuyên quốc gia
- d.Tái xuất khẩu và chuyển khẩu

(e)Không phải các ý kiến trên

6. Đặc điểm của thương mại quốc tế và thị trường thế giới là:

- a.Chu kì sống sản phẩm có xu hướng ngày càng rút ngắn
- b.Các quốc gia có sự thay đổi về cơ cấu các mặt hàng
- c.Thương mại vô hình có xu hướng nhanh hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng thương mại hữu hình
- (d) a+c

e.a+b+c

7. Xu hướng bảo hộ mậu dịch và xu hướng tự do hoá thương mại là:

- a. Hai xu hướng trái ngược nhau
- b. Hai xu hướng mâu thuẫn nhau
- c. Hai xu hướng không mâu thuẫn nhau
- d. a+b
- (e). a+c

8. Hạn chế lớn nhất của lý thuyết Lợi thế tuyệt đối của Adam Smith mà Lý thuyết về lợi thế tương đối của Ricardo đã khắc phục được đó là:

- a. Đã đồng nhất chi phí sản xuất với tiền lương của công nhân là một
- b. Chỉ có hai quốc gia tham gia vào thị trường và chỉ sản xuất hai loại hàng hoá
- (c). Thương mại quốc tế chỉ xảy ra khi mỗi quốc gia đều có lợi thế tuyệt đối về một trong hai mặt hàng
- d. Tất cả các đáp án trên đều sai

9. Ý nghĩa lớn nhất của lý thuyết lợi thế so sánh tương đối của Ricardo là:

- a. Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì tốt nhất là không nên tham gia vào thương mại quốc tế
- b. Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì sẽ không có lợi khi tham gia vào thương mại quốc tế
- (c) Nếu một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất cứ mặt hàng nào thì họ vẫn có lợi ích khi tham gia vào thương mại quốc tế
- d. Tất cả các ý kiến trên đều sai

10. Trong các công cụ sau công cụ nào không phải là công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế:

- a. Thuế quan
- (b). Trợ cấp
- c. Hạn ngạch
- d. Những quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm
- e. Tất cả các ý kiến trên đều sai

11. Nếu đồng tiền trong nước tăng giá làm tỉ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam so với các đồng khác tăng thì:

- a. Dòng tiền sẽ chảy vào
- b. Dòng tiền sẽ chảy ra
- c. Nhập khẩu tăng
- d. Xuất khẩu tăng
- e. a+d
- (f). b+c

12. Đặc điểm của hệ thống tiền tệ Giamaica là:

- a. Bản vị vàng hối đoái
- b. Thành lập ra hai quỹ tài chính quốc tế
- (c) Chấp nhận năm loại tiền tệ được lên ngôi
- d. Không phải các ý kiến trên

13. Cho biết 1 Yen = 1300VNĐ

giả sử tỉ lệ lạm phát của Nhật là 6%, của Việt Nam là 8%

Vậy tỉ giá hối đoái sau lạm phát là:

- a. $1300 * 8\% / 6\%$
- (b) $1300 * (1 + 8\%) / (1 + 6\%)$
- c. $1300 * (1 + 6\%) / (1 + 8\%)$
- d. Không phải các ý kiến trên

14. Tỉ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam so với đồng USD sẽ tăng khi

- (a) Cán cân thanh toán thặng dư
- b. Cán cân thanh toán thâm hụt
- c. Cán cân thanh toán cân bằng
- d. Không phải các ý kiến trên

15. Vốn ODA nằm ở khoản mục nào:

- (a). Tài khoản vãng lai

b. Tài khoản vốn

c. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia

d. Tài khoản chênh lệch số thống kê

1. chủ thể của nền kinh tế thế giới gồm:
 - a. các quốc gia.
 - b. Liên kết kinh tế quốc tế.
 - c. Tổ chức kinh tế quốc tế.
 - d. Cả a, b, c.
2. điều nào sau đây đúng với toàn cầu hóa.
 - a. một quá trình loại bỏ sự phân tách, cách biệt về biên giới lãnh thổ quốc gia.
 - b. Là quá trình loại bỏ sự phân đoạn thị trường để đi đến một thị trường toàn cầu duy nhất.
 - c. Cả a,b.
 - d. Không đáp án nào.
3. tái xuất khẩu là.
 - a. hoạt động tạm thời nhập khẩu hàng hóa dịch vụ sau đó xuất khẩu sang một nước thứ ba , với điều kiện hàng hóa không gia công chế biến.
 - b. là hoạt động mà hàng hóa chuyển qua một nước trung gian nhưng tại đây không diễn ra hành vi mua bán, mà chỉ thực hiện dịch vụ vận tải kho bãi.
 - c. Là hoạt động mang hàng hóa từ nước này sang nước khác.
 - d. không phải đáp án nào.
4. điều nào sau đây không đúng với xu hướng thương mại quốc tế./
 - a. có sự ra tăng nhóm mặt hàng lương thực, thực phẩm.
 - b. tỷ trọng của nhóm mặt hàng nguyên vật liệu, sản phẩm thô giảm đáng kể.
 - c. những lao động giản đơn ngày càng giảm, giảm tỷ trọng những mặt hàng chứa hàm lượng lao động giản đơn và ngày càng tăng tỷ trọng mặt hàng phức tạp.
 - d. những sản phẩm tinh chế, máy móc thiết bị có xu hướng tăng rất nhanh.
5. điều nào sau đây không đúng với vai trò của thuế quan.
 - a. thuế quan là điều tiết xuất nhập khẩu.
 - b. bảo hộ thị trường nội địa.
 - c. tăng thu nhập cho ngân sách.
 - d. Là công cụ đối xử không phân biệt đối với bạn hàng quen thuộc.
6. điều nào sau đây không đúng với tác động tích cực của đầu tư quốc tế đối với nước tiếp nhận đầu tư.
 - a. góp phần giải quyết khó khăn do thiếu vốn.
 - b. tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động trong nước.
 - c. ô nhiễm môi trường được khắc phục hoàn toàn do máy móc thiết bị hiện đại.
 - d. học tập kinh nghiệm quản lý, tác phong làm việc tiên tiến.
7. những hình thức nào đúng với đầu tư gián tiếp nước ngoài.
 - a. mua cổ phiếu trái phiếu.
 - b. hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh.
 - c. Doanh nghiệp liên doanh.
 - d. Không phải đáp án nào.
8. đánh giá hiệu quả hoạt động của một hệ thống tiền tệ quốc tế sử dụng bởi các tiêu thức nào sau.
 - a. điều chỉnh.
 - b. Dự trữ.
 - c. Độ tin cậy.
 - d. Cả a,b,c.
9. một hệ thống tiền tệ quốc tế được coi là có hiệu quả khi đạt được mục tiêu nào sau.

- a. tối đa hóa sản lượng và mức độ sử dụng các yếu tố sản xuất của thế giới.
 - b. phân phối công bằng các lợi ích kinh tế giữa các quốc gia cũng như giữa các tầng lớp xã hội trong mỗi quốc gia.
 - c. Phân phối tương đối công bằng các lợi ích kinh tế giữa các quốc gia cũng như giữa các tầng lớp xã hội trong mỗi quốc gia.
 - d. A và b.
10. giả sử có 2 nước A và B đều sản xuất hai mặt hàng giống nhau là lúa mì và vải. giả sử nước A sản xuất 2 mặt hàng đó đều cho chi phí thấp hơn so với nước B. theo quy luật lợi thế so sánh của David Ricardo khi nước A và B tự nguyện trao đổi thì diễn ra hoạt động nào sau.
- a. đối với nước A sản xuất cả hai mặt hàng.
 - b. Đối với nước B không sản xuất.
 - c. A và B sẽ sản xuất mặt hàng mà có lợi thế hơn so với mặt hàng còn lại.
 - d. Không đáp án nào.

Đáp án của các câu hỏi trên là.

1D,2C,3A,4A,5D,6C,7A,8D,9D,10C.

<1>:

Trong các giả định sau, các giả định nào không phải là giả định của " Lý thuyết lợi thế tương đối " của Davird Ricacdo.

- a; Thế giới có 2 quốc gia sản xuất 2 mặt hàng.
 - b; Thương mại hoàn toàn tự do.
 - c: Lao động là yếu tố sản xuất duy nhất.
 - d: Có sự điều tiết của chính phủ.
- chọn câu d.

<2>:

Các công cụ chủ yếu trong chính sách thương mại quốc tế là: Thuế quan, hạn ngạch (quota), hạn chế xuất khẩu tự nguyện, trợ cấp xuất khẩu và...

- a. Bảo hộ hàng sản xuất trong nước
 - b. Cấm nhập khẩu.
 - c. Bán phá giá;
 - d. Những quy định chủ yếu về tiêu chuẩn kỹ thuật,
- chọn câu d.

<3>: Ông là người bác bỏ quan điểm cho rằng: "Vàng là đại diện duy nhất cho sự giàu có của các quốc gia". Ông là ai?

- a. Ardam Smith
 - b. David Ricacdo
 - c. Henry George
 - d. Sam Pelzman
- Chọn câu a.

<4> :

Thương mại quốc tế là hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa và dịch vụ được diễn ra giữa các quốc gia. Nó bao gồm các nội dung là: Xuất nhập khẩu hàng hóa & dịch vụ; gia công quốc tế; tái xuất khẩu và chuyển khẩu và...

- a. Xuất khẩu tại chỗ
- b. Bán hàng cho người dân.

- c. Thu thuế của các doanh nghiệp nước ngoài;
 - d. Bán hàng cho người nước ngoài,
- Chọn câu a.

<5> :

Trong trao đổi thương mại quốc tế, nguyên tắc được các bên chấp nhận trao đổi là nguyên tắc:

- a. Phải có lợi cho mình
 - b. Ngang giá.
 - c. Có lợi cho bên kia
 - d. Kẻ mạnh thì được lợi hơn
- Chọn câu b.

<6> :

Mỹ trao cho Việt nam quy chế bình thường vĩnh viễn PNTR vào ngày tháng năm nào:

- a. 20/12/2006
 - b. 7/11/2006
 - c. 20/11/2006
 - d. 21/12/2006
- Chọn câu a.

<7> :

Vào ngày 07/11/2006 Việt nam được kết nạp trở thành thành viên tổ chức thương mại thế giới WTO lúc đó Việt nam là thành viên thứ:

- a. 149
 - b. 150.
 - c. 151
 - d. 152
- Chọn câu b.

<8> :

Năm 2006 Việt nam thu hút vốn nước ngoài đạt mức kỉ lục:

- a. Trên 20 tỷ USD
 - b. Trên 30 tỷ USD.
 - c. Trên 10 tỷ USD
 - d. Trên 05 tỷ USD
- Chọn câu c.

<9> :

Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam là:

- a. Chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước
 - b. Thả nổi
 - c. Tự do.
 - d. Nhà nước hoàn toàn kiểm soát
- Chọn câu a.

<10> :

Khi tỷ giá của đồng tiền trong nước giảm so với thế giới nó sẽ gây ra các tác động đối với nền kinh tế trong nước. Trong các tác động sau tác động nào không phải do nó gây ra:

- a. Xuất khẩu tăng
 - b. Các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu.
 - c. Đầu tư nước ngoài vào giảm
 - d. Gây ra các tệ nạn xã hội
- Chọn câu d.

Câu 1:

Chủ thể của nền kinh tế quốc tế là:

- a. Các quốc gia độc lập có chủ quyền
- b. Các tổ chức quốc tế
- c. Các liên kết kinh tế quốc tế
- d. Cả 3 đáp án trên

Đáp án d

Câu 2:

Chức năng của thương mại quốc tế là:

- a. Tạo ra giá trị sử dụng
- b. Tạo ra giá trị
- c. Tạo ra cả giá trị và giá trị sử dụng
- d. Không có tác dụng tạo ra giá trị và giá trị sử dụng

Đáp án c

Câu 3:

Các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế quốc tế hiện nay là:

- a. Đối đầu, biệt lập
- b. Đối thoại hợp tác
- c. Sự chững lại của khoa học công nghệ
- d. Sự tẩy chay toàn cầu hoá

Đáp án b

Câu 4:

Tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch là 2 xu hướng:

- a. Không có quan hệ
- b. Loại trừ nhau
- c. Mâu thuẫn
- d. Thống nhất biện chứng

Đáp án d

Câu 5:

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A.Smith cho rằng:

- a. Không có quốc gia nào được lợi khi trao đổi
- b. Một quốc gia có lợi và một quốc gia chịu thiệt
- c. Cả hai đều có lợi khi sản xuất và trao đổi mặt hàng có lợi thế tuyệt đối
- d. Cả hai đều có lợi khi sản xuất và trao đổi mặt hàng có lợi thế tương đối

Đáp án c

Câu 6:

Giả thiết nào sau đây không thuộc lý thuyết lợi thế so sánh của D.Ricardo:

- a. Thương mại hoàn toàn tự do
- b. Giá cả do chi phí sản xuất quyết định
- c. Công nghệ hai nước là cố định
- d. Chi phí vận tải, chi phí bảo hiểm bằng 0

Đáp án b

Câu 7:

Thuế xuất nhập khẩu và hạn ngạch là:

- a. Các biện pháp xoá bỏ hàng rào trong thương mại quốc tế
- b. Các biện pháp làm tăng thu Ngân sách
- c. Các biện pháp làm tăng nguồn thu cho Doanh nghiệp
- d. Các công cụ điều tiết xuất nhập khẩu

Đáp án d

Câu 8:

Hệ thống tiền tệ thứ 2 sử dụng vàng và các đồng tiền nào để thực hiện chức năng tiền tệ thế giới:

- a. Đô la Mỹ và Frãng Pháp

- b. Đô la Mỹ và Yên Nhật
- c. Đô la Mỹ và Bảng Anh
- d. Đô la Mỹ và Đô la Đức

Đáp án c

Câu 9:

Quỹ tiền tệ quốc tế IMF và Ngân hàng thế giới WB là hai tổ chức:

- a. Không quan hệ
- b. Cùng được hình thành tại hệ thống tiền tệ thứ 3
- c. IMF phụ thuộc vào WB
- d. IMF đối trọng với WB

Đáp án b

Câu 10:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là loại hình:

- a. Các nhà đầu tư nước ngoài mua lại các Doanh nghiệp trong nước
- b. Chủ sở hữu vốn đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn
- c. Quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn tách rời nhau
- d. Nhà đầu tư nước ngoài hỗ trợ chính phủ

Đáp án b

Câu 11:

Hiện nay Việt nam đang thực hiện chế độ tỷ giá:

- a. Cố định
- b. Thả nổi
- c. Thả nổi có kiểm soát
- d. Cố định có kiểm soát

Đáp án c

Câu 12:

Tình trạng cán cân thanh toán bị thâm hụt khi:

- a. Dòng tiền thu nhỏ hơn dòng tiền chi
- b. Dòng tiền thu lớn hơn dòng tiền chi
- c. Dòng tiền thu bằng dòng tiền chi
- d. Không có dòng thu và chi

Đáp án a

Câu 13:

Viện trợ ODA nằm trong hệ thống tài khoản:

- a. Tài khoản chênh lệch số thống kê
- b. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- c. Tài khoản vốn
- d. Tài khoản vãng lai

Đáp án d

Câu 14:

Khi đồng nội tệ mất giá:

- a. Xuất khẩu và nhập khẩu không bị ảnh hưởng
- b. Xuất khẩu có lợi và nhập khẩu bất lợi
- c. Xuất khẩu bất lợi và nhập khẩu có lợi
- d. Xuất khẩu và nhập khẩu đều có lợi

Đáp án b

Câu 15:

Việt nam đệ đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm:

- a. 1994
- b. 1995
- c. 1996
- d. 1997

Đáp án b

- câu 1: môi quan hệ trong kinh tế quốc tế là mối quan hệ nào
- quan hệ di chuyển hàng hoá quốc tế về hàng hoá và dịch vụ
 - quan hệ di chuyển quốc tế về vốn và nguồn lực
 - quan hệ di chuyển tài chính và tiền tệ
 - tất cả các quan hệ trên
- câu 2: thương mại quốc tế là gì?
- là hoạt động luân chuyển tiền tệ giữa các quốc gia
 - là hoạt động nhận viện trợ hàng hoá từ nước ngoài
 - là hoạt động trao đổi mua bán hàng hoá dịch vụ giữa các quốc gia
 - là hoạt động đầu tư ra nước ngoài
- câu 3 : sự về cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu có xu hướng
- tăng tỷ trọng lương thực thực phẩm và nguyên liệu thô, tăng tỷ trọng tinh chế
 - giảm tỷ trọng lao động giản đơn, tăng tỷ trọng hàng hoá có lao động phức tạp
 - giảm tỷ trọng lương thực thực phẩm và nguyên liệu thô, tăng tỷ trọng tinh chế
 - cả b và c
- câu 4: giả định nào sau đây không phải là giả định trong thuyết lợi thế so sánh của A. SMITH
- thế giới chỉ có 2 quốc gia, mỗi quốc gia chỉ sản xuất 2 loại mặt hàng
 - mỗi quốc gia có lợi thế tuyệt đối về một mặt hàng
 - giá cả hàng hoá do giá trị quyết định
 - quy luật cung cầu quyết định lượng hàng hoá
- câu 5: nguyên tắc trong thương mại quốc tế là nguyên tắc nào
- chế độ nước ưu đãi ngộ
 - nguyên tắc công bằng dân tộc
 - nguyên tắc tương hỗ các bên dành cho nhau
 - tất cả đáp án trên
- câu 6 : điều nào sau đây không phải là vai trò chủ chính sách thuế quan
- chống buôn lậu qua biên giới
 - điều tiết xuất nhập khẩu
 - bảo vệ thị trường trong nước
 - tăng thu nhập cho ngân sách
- câu 7: công ty 100% vốn nước ngoài là hình thức đầu tư của loại hình vốn nào
- vốn đầu tư ODA
 - vốn FDI
 - viện trợ không hoàn lại
 - không phải đáp án nào ở trên
- câu 8 : chế độ bản vi là hình thức của hệ thống nào
- hệ thống tiền tệ quốc tế
 - hệ thống tài chính quốc tế
 - hệ thống ngân hàng quốc tế
 - hệ thống chứng khoán quốc tế
- câu 9: Việt Nam kết thúc vòng đàm phán cuối cùng để ra nhập WTO vào năm nào?
- 1999
 - 2000
 - 2006
 - 2007
- câu 10: chính sách nào sau đây không phải là chính sách tỷ giá hối đoái
- tỷ giá hối đoái cố định
 - tỷ giá hối đoái thả nổi
 - tỷ giá cố định có thả nổi
 - tỷ giá cố định có kiểm soát
- câu 11: Việt Nam chính thức áp dụng việc cắt giảm thuế AFTA vào năm nào?

- a) 1996
- b) 1999
- c) 2000
- d) 2004

câu 12: phương thức nào không phải là phương thức cung cấp ODA

- a) hỗ trợ cán cân thanh toán và ngân sách
- b) hỗ trợ dự án
- c) hỗ trợ chương trình
- d) đầu tư trực tiếp và quản lý dự án

câu 13; sức mua của đồng nội tệ giảm so với đồng ngoại tệ có ảnh hưởng gì tới tình hình trong nước

- a) xuất khẩu thuận lợi
- b) nhập khẩu khó khăn
- c) cả xuất khẩu và nhập khẩu đều khó khăn
- d) đáp án a và b

câu 14 : sức mua của đồng nội tệ giảm so với đồng ngoại tệ có ảnh hưởng gì tới tình hình trong nước

- a) đầu tư ra nước ngoài thuận lợi
- b) đầu tư ra nước ngoài khó khăn
- c) đầu tư ra nước ngoài thuận lợi, đầu tư từ nước ngoài vào thuận lợi
- d) đầu tư ra nước ngoài thuận lợi, đầu tư từ nước ngoài vào khó khăn

câu 15 : nội dung chính của hệ thống tiền tệ thứ 4 là

- a) thiết lập chế độ bản cứng vàng
- b) thiết lập chế độ bản cứng vàng hối đoái
- c) thành lập IMF và WB
- d) không có nội dung nào ở trên

đáp án: 1a; 2c; 3d; 4d; 5d; 6a; 7b; 8a; 9c; 10c; 11c; 12d; 13d; 14c; 15c

Câu 1: Hiệp định bình thường hoá quan hệ thương mại vĩnh viễn mà Mỹ ký với Việt Nam có tên là gì?

a: NTR b: RPN c: NTR d: TNP

Câu 2: Tác động của thương mại quốc tế: khi tỷ giá hối đoái tăng có tác động nào sau đây?

- a: bất lợi cho nước xuất nhưng lợi cho nước nhập
- b: bất lợi cho nước nhập nhưng lợi cho nước xuất
- c: bất lợi cho cả hai nước xuất và nhập
- d: có lợi cho cả hai nước xuất và nhập

Câu 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một loại hình của đầu tư quốc tế trong đó người chủ sở hữu vốn đồng thời là?

- a: người trực tiếp quản lý vốn
- b: người điều hành hoạt động sử dụng vốn
- c: người trực tiếp quản lý vốn và điều hành sử dụng vốn
- d: tất cả phương án trên là sai

Câu 4: Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có tư tưởng chủ đạo là gì?

- a: tạo nên khung pháp lý thuận lợi và bình đẳng
- b: quan tâm thu hút vốn đầu tư nước ngoài
- c: làm sao ra tăng xuất khẩu giảm nhập khẩu
- d: tạo mối quan hệ kinh tế lâu bền với các nước

Câu 5: Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm tới

mục tiêu đầu tư phát triển của Việt Nam là gì?

a:tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội

b:xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả

c:nâng cao sức cạnh tranh

d:tất cả phương án trên là sai

Câu 6: Khi mức lãi suất ngắn hạn của một nước tăng lên 1 cách tương đối so với các nước khác, trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì sao?

a:vốn ngắn hạn từ trong nước sẽ giảm

b:vốn ngắn hạn từ nước ngoài sẽ chảy vào

c:làm cung ngoại hối giảm

d:làm cầu ngoại hối tăng

Câu 7: Dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do, tại mức tỷ giá cao hơn mức tỷ giá cân bằng, mức cung đôla sẽ vượt quá mức cầu nên?

a:tỷ giá sẽ có xu hướng giảm

b:tỷ giá sẽ có xu hướng tăng

c:không ảnh hưởng đến tỷ giá

d:làm tỷ giá cân bằng tăng

Câu 8: Trong các tác động tiêu cực của đầu tư quốc tế thì đâu là tác động đối với nước chủ đầu tư?

a:khuyến khích được sản phẩm, danh tiếng, tạo lập uy tín và

tăng cường vị thế trên thị trường thế giới

b:tạo điều kiện để khai thác các nguồn tài nguyên

c:giúp cho việc xây dựng các khu công nghiệp nhằm hỗ trợ cho quá trình công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

d:góp phần khắc phục những khó khăn do thiên tai hoả hoạn

và giải quyết các vấn đề xã hội

Câu 9: Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN vào ngày nào?

a:28/7/1995 b:28/7/1997

c:12/6/1996 d:12/6/1997

Câu 10: Việc xoá bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan sẽ có tính chất như thế nào đối với các doanh nghiệp?

a:các doanh nghiệp chịu sức ép cạnh tranh quốc tế khu vực

do đó phải đổi mới toàn diện và vươn lên được trong cạnh tranh

b:các doanh nghiệp có thể bị phá sản nếu không đủ khả năng vươn lên trong cạnh tranh

c:không tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp

d:cả a và b

Câu 11: Sự phân biệt giữa các hệ thống tiền tệ quốc tế dựa vào yếu tố cơ bản nào?

a:xác định tỷ giá hối đoái

b:các dạng dự trữ tiền tệ quốc tế

c:đáp án a và b

d:không có đáp án nào

Câu 12: Lý thuyết nào sau đây cho rằng “các công ty sẽ thực hiện đầu tư ra nước ngoài khi hội đủ ba lợi thế đó là địa điểm, sở hữu, nội hoá?

a:lý thuyết lợi ích cân bằng

b:lý thuyết chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm

c: lý thuyết quyền lực thị trường

d: lý thuyết chiết trung

Câu 13: Quá trình hợp nhất các nền kinh tế trong một hệ thống kinh tế thống nhất mà quan hệ kinh tế được sắp xếp trong một trật tự nhất định trên cơ sở thoả thuận giữa các nước thuộc khái niệm nào?

a: hội nhập kinh tế quốc tế

b: liên kết kinh tế

c: khối tự do mậu dịch quốc tế

d: tập đoàn các nền kinh tế

Câu 14: Năm nào thì Việt Nam được kết nạp vào APEC?

a: 1997 b: 1998 c: 1999 d: 2000

Câu 15: Trong các hình thức hỗ trợ phát triển chính thức-ODA thì hình thức nào sau đây là sai?

a: ODA không hoàn lại

b: ODA cho vay ưu đãi

c: ODA cho các doanh nghiệp vay

d: ODA hỗn hợp

Đáp án: 1c, 2b, 3c, 4a, 5d, 6b, 7a, 8a, 9a, 10d, 11c, 12d, 13b, 14b, 15c

Câu 1: Nền kinh tế thế giới bao gồm :

a. Nền kinh tế của các quốc gia.

b. Các chủ thể của nền kinh tế .

c. Các quan hệ kinh tế quốc tế.

d. Cả b và c .

Đáp án : d

Câu 2: Quan hệ nào sau đây không thuộc quan hệ kinh tế quốc tế :

a. Các quan hệ về di chuyển quốc tế hàng hoá và dịch vụ

b. Các quan hệ về di chuyển quốc tế tín dụng

c. Các quan hệ về di chuyển nguồn nhân lực trong nước

d. Các quan hệ về di chuyển quốc tế các ph-nhng tiên tiến

Đáp án : c

Câu 3: Chủ thể của nền kinh tế thế giới bao gồm:

a. Các nền kinh tế của các quốc gia khác lập trên thế giới

b. Các tác động quốc tế

c. Các liên kết kinh tế quốc tế

d. Tất cả các bên trên

Đáp án : d

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của nền kinh tế thế giới:

a. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới cả xu hướng tăng nhanh và đồng đều giữa các nước và các khu vực .

b. Sự bùng nổ về khoa học công nghệ

c. Xu hướng quốc tế hoá nền kinh tế thế giới

d. Kinh tế khu vực chủ yếu - thị trường đang nổi lên đang làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới chuyển dần về khu vực này.

Đáp án : a

Câu 5: Nội dung của thương mại quốc tế là:

- Xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ và xuất khẩu thị trường
- Giao thông quốc tế
- Tái xuất khẩu và chuyển khẩu
- Tất cả các nội dung trên

Đáp án: d

Câu 6: Hàng hoá được chuyển qua một nước trung gian, tại đây đã diễn ra hành vi mua và bán là hoạt động:

- Trao đổi.
- Xuất khẩu.
- Xuất khẩu.
- Chuyển khẩu.

Đáp án: b

Câu 7: Trong các đặc điểm sau đặc điểm nào không phải là đặc điểm của thương mại quốc tế:

- Thương mại quốc tế thường có tốc độ nhanh, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của nền sản xuất.
- Cơ cấu mặt hàng trong thương mại quốc tế thay đổi với xu hướng giảm tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp thực phẩm.
- Chu kỳ sống của sản phẩm công nghệ ngày càng tăng lên.
- Xuất hiện nhiều phương thức cạnh tranh.

Đáp án: c

Câu 8: Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith giải thích:

- Thế giới có hai quốc gia, mỗi quốc gia sản xuất hai mặt hàng và mỗi quốc gia chỉ có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất một mặt hàng.
- Mọi quốc gia chỉ phí sản xuất với tỉ lệ công nghệ khác nhau.
- Giá cả hoàn toàn do chi phí quyết định.
- Có 3 giải thích trên.

Đáp án: d

Câu 9: Cho bảng về chi phí sản xuất mặt hàng X, Y của 2 quốc gia I và II như sau:

Quốc gia	I	II
Mặt hàng(h/sp)		
X	1/6	1/1
Y	1/4	1/2

Theo lý thuyết về lợi thế so sánh ta có:

- Quốc gia I sẽ xuất khẩu mặt hàng X.
- Quốc gia II sẽ xuất khẩu mặt hàng X.
- Quốc gia II sẽ xuất khẩu mặt hàng Y.
- a và c.

Đáp án: d

Câu 10: Lợi thế của FDI đối với nền kinh tế là:

- Trở ngại hàng rào bảo hộ mậu dịch và chiếm lĩnh thị trường sẽ tăng.
- Cả thủ tục kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của nước sẽ tăng.
- Chiến lược đầu tư cả thủ tục rất rủi ro cao.
- Giúp cho nước này có thể giải quyết được khó khăn về mặt kinh tế.

Đáp án: a

Câu 11: Đặc điểm chính của hệ thống tiền tệ quốc tế là:

- Hồ sơ tiền tệ thế I (1867- 1914) : công nhận vàng là tiền tệ thế giới.
- Hồ sơ tiền tệ thế II (1922- 1939) : Vàng và một số đồng tiền chủ yếu khác như : Đô la Mỹ, bảng Anh, Franc Pháp cùng thúc đẩy nền tiền tệ thế giới.
- Hồ sơ tiền tệ thế III (1945-1971): Hình thành hai tổ chức tài chính quốc tế : IMF và WB nhằm soạn thảo ra quy chế thúc đẩy cho các nước thành viên .
- Tất cả các nước đều tham gia.

Đáp án: d

Câu 12: Cho tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam và đô la Mỹ là :

$1\text{USD} = 16000\text{VND}$. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là $m\%$, của Mỹ là $n\%$

Khi đó công thức tính tỷ giá hối đoái sau lạm phát là:

- $1\text{USD} = 16000\text{VND} * m/n$
- $1\text{USD} = 16000\text{VND} * n/m$
- $1\text{USD} = 16000\text{VND} * (1+m) / (1+n)$
- $1\text{USD} = 16000\text{VND} * (1+n) / (1+m)$

Đáp án: c

Câu 13: Trong điều kiện chính phủ cả thủ tục tăng lãi suất thì:

- Lãi suất cung tiền thực tế trong lưu thông tăng.
- Lãi suất cung tiền thực tế trong lưu thông giảm.
- Lãi suất cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi.
- Không cần phương án nào ở trên.

Đáp án: b

Câu 14: Các thành tố của cơ cấu mét nước bao gồm những nội dung chính sau:

- Tài khoản vãng lai (hạng mục thâm hụt).
- Tài khoản vốn .
- Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia.
- Tất cả các hạng mục trên.

Đáp án: d

Câu 15: Câu nào đúng trong các câu sau đây:

- Tài khoản vãng lai bao gồm các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ.
- ODA nằm trong tài khoản vãng lai.
- ODA nằm trong tài khoản vốn.
- Tài khoản vốn gồm các khoản đầu tư trong nước ra nước ngoài và các khoản vay ngắn hạn.

Đáp án: c

1. Kinh tế quốc tế nghiên cứu:

- Nghiên cứu nền kinh tế thế giới.

- b. Nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia.
- c. Nghiên cứu nền kinh tế của một quốc gia và mối quan hệ kinh tế giữa quốc gia này với các quốc gia khác.
- d. a & b đúng

=> Đáp án: d

2. Trung tâm của nền kinh tế thế giới đang chuyển dần về khu vực nào:

- a. Bắc Mỹ
- b. EU
- c. Châu Á - Thái Bình Dương
- d. Nam Mỹ.

=> Đáp án: c

3. Thuyết trọng thương :

- a. Đề cao vai trò của việc phát triển thương nghiệp
- b. Nói rằng Đất nước chỉ nhập siêu là đất nước yếu.
- c. Một quốc gia chỉ có thể thủ lợi do ngoại thương, nếu xuất khẩu vượt nhập khẩu.
- d. Cả 3 đáp án đều đúng

=> Đáp án: d

4. Đặc điểm nào của nền kinh tế thế giới đã chỉ ra con đường phát triển mới cho các quốc gia là đầu tư vào nguồn lực chất xám:

- a. Xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới.
- b. Sự bùng nổ về khoa học công nghệ.
- c. Sự bùng nổ dân số.
- d. Ô nhiễm môi trường.

=> Đáp án: b

5. Hạn ngạch :

- a. Đem lại thu nhập cho chính phủ.
- b. Không đem lại thu nhập cho chính phủ.
- c. Đem lại lợi nhuận cho người được cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch.
- d. Cả b & c.

=> Đáp án: d

6. Xu hướng thay đổi cơ cấu mặt hàng trong thương mại quốc tế là:

- a. Tăng đáng kể tỷ trọng của nhóm hàng lương thực, thực phẩm
- b. Tăng mạnh tỷ trọng của nhóm hàng nguyên vật liệu, giảm mạnh tỉ trọng của dầu mỏ và khí đốt.
- c. Giảm tỷ trọng hàng thô, tăng nhanh tỉ trọng hàng công nghiệp chế tạo, nhất là máy móc thiết bị và những mặt hàng tinh chế.
- d. Giảm tỷ trọng nhóm mặt hàng chứa đựng hàm lượng công nghệ cao, và vốn lớn.

=> Đáp án: c

7. Chuyển khẩu là:

- a. Bán hàng hoá trực tiếp cho đoàn ngoại giao và khách du lịch nước ngoài tại nước sở tại.
- b. Xuất khẩu tạm thời hàng hoá từ bên ngoài vào, sau đó tiến hành xuất khẩu sang nước thứ 3 với điều kiện hàng hoá đó không qua gia công chế biến

c. Các dịch vụ như vận tải quá cảnh, lưu kho, lưu bãi, bảo quản...

d. Bán hàng hoá trực tiếp cho nước ngoài.

=> Đáp án: c

8. Tỷ giá hối đoái tăng :

a. Tác động bất lợi cho nhập khẩu và xuất khẩu

b. Tác động có lợi cho nhập khẩu và xuất khẩu

c. Tác động bất lợi cho nhập khẩu và có lợi cho xuất khẩu

d. Tác động bất lợi cho xuất khẩu và có lợi cho nhập khẩu

=> Đáp án: c

9. Thuyết trọng thương:

a. Đề cao vai trò của chính phủ, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại thương.

b. Chính phủ không can thiệp vào các hoạt động mậu dịch.

c. Vừa đề cao vai trò của chính phủ, vừa đề cao sự tự do hoá thương mại.

d. Không đáp án nào đúng.

=> Đáp án: a.

10.

	Nước X	Nước Y
Sản phẩm A	2	6
Sản phẩm B	5	3

Theo lý thuyết lợi thế tuyệt đối thì:

a. Nước X xuất A nhập B.

b. Nước Y xuất A nhập B.

c. Nước X tự sản xuất cả A và B.

d. Không có đáp án nào đúng.

=> Đáp án: b.

11.

	Nước X	Nước Y
Sản phẩm A	1	6
Sản phẩm B	4	2

Theo lý thuyết lợi thế so sánh thì :

Nước X xuất khẩu A, nhập khẩu B.

Nước X xuất khẩu B, nhập khẩu A.

Nước Y xuất khẩu B, nhập khẩu A.

Không có đáp án nào đúng.

=> Đáp án: b.

12. Tỷ giá hối đoái cố định là :

- a. Tỷ giá được ấn định ở một mức cố định.
- b. Là tỷ giá ấn định mức giá trung tâm và cho phép giao động trong một giới hạn nhất định.
- c. Là tỷ giá phụ thuộc hoàn toàn vào cung cầu giữa các đồng tiền.
- d. Không có đáp án nào đúng.

=> Đáp án: b.

13. Đầu tư gián tiếp nước ngoài :

- a. Làm tăng khả năng góp vốn đầu tư vì chủ đầu tư được góp vốn tối đa.
- b. Làm tăng hiệu quả vốn đầu tư.
- c. Doanh nghiệp có khả năng phân tán rủi ro kinh doanh cho những người mua cổ phiếu và trái phiếu
- d. Phạm vi đầu tư được mở rộng

=> Đáp án: c

14 Liên kết kinh tế:

- a. Là hoạt động bắt buộc các chính phủ tham gia.
- b. Làm giảm sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.
- c. Góp phần loại bỏ tính biệt lập của nền kinh tế và chủ nghĩa cục bộ của từng quốc gia.
- d. Tiết kiệm được các chi phí quản lý, chi phí hải quan cửa khẩu và các loại chi phí giao dịch khác.

=> Đáp án: d

15 Thuế quan:

- a. Thường bảo hộ các ngành công nghiệp sử dụng nhiều yếu tố khan hiếm
- b. Thuế quan làm giảm thu nhập thực tế của những nhân tố khan hiếm của một nước và làm tăng thu nhập thực tế của những nhân tố mang tính dư thừa.
- c. Làm giảm thu nhập của một nước và làm tăng thu nhập của nước ngoài bằng việc dịch chuyển cầu từ hàng ngoại quốc sang hàng nội địa.
- d. Không làm thay đổi cán cân thương mại của một nước.

=> Đáp án: a

Câu 1: (C)

Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ cần giải quyết của nhiên cứu kinh tế quốc tế:

- A, cung cấp những kiến thức khái quát về một nền kinh tế thế giới hiện đại
- B, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế và những chính sách ảnh hưởng đến nó
- C, cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường
- D, cung cấp những kiến thức cơ bản về sự di chuyển quốc tế các nguồn lực

Câu 2: (E)

Kinh tế quốc tế có mối liên hệ với các môn khoa học khác là:

- A, lịch sử các học thuyết kinh tế
- B, kinh tế phát triển
- C, địa lí kinh tế thế giới
- D, không có môn nào trong 3 môn trên
- E, tất cả các môn trên

Câu 3: (B)

Việt Nam gia nhập khu vực tự do mậu dịch Đông Nam á (AFTA) vào thời gian nào?

- A, 01/01/1995
- B, 01/01/1996
- C, 28/07/1995
- D, 28/07/1996

Câu 4: (B)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2006 là:

- A, 7,83%
- B, 8,16%
- C, 8,36%
- D, 8,63%

Câu 5: (D)

Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung của thương mại quốc tế:

- A, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ
- B, gia công quốc tế
- C, tái xuất khẩu và chuyển khẩu
- D, gia công chế biến hàng hóa phục vụ thị trường nội địa

Câu 6: (D)

Xu hướng chi phối trực tiếp đến thương mại của các quốc gia là:

- A, bảo hộ mậu dịch
- B, tự do hóa thương mại
- C, thuế chống trợ cấp
- D, cả A và B
- E, cả A và C

Câu 7: (A)

Cho năng suất lao động của 2 quốc gia I và II trong việc sản xuất 2 hàng hóa X và Y là:

QG NSLĐ	I	II
X	10	2
Y	8	9

Theo lí thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith thì tỉ lệ trao đổi quốc tế là:

- A, $2/9 < X/Y < 10/8$
- B, $2/9 < X/Y < 8/10$
- C, $8/10 < X/Y < 9/2$
- D, $10/8 < X/Y < 9/2$

Câu 8: (B)

Cho 2 quốc gia I và II cùng sản xuất 2 loại hàng hóa X và Y

Theo lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo thì quốc gia I có lợi thế so sánh về mặt hàng Y nếu:

A, $CPSX_{XI} / CPSXXII < CPSXYI / CPSXYII$

B, $CPSXXI / CPSXXII < CPSXYI / CPSXYII$

C, $CPSXXII / CPSXXI < CPSXYI / CPSXYII$

D, $CPSXXII / CPSXXI < CPSXYI / CPSXYII$

Câu 9: (C)

Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài:

A, Nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài được cung cấp bởi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ(NGO) và tư nhân

B, Chủ đầu tư nước ngoài không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của đối tượng đầu tư

C, Các chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp một số tối thiểu vốn pháp định tùy theo luật lệ của mỗi nước

D, Chủ đầu tư nước ngoài thu nhập được lợi nhuận thông qua lãi suất cho vay hoặc lợi tức cổ phần

Câu 10: (C)

Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư ra đời năm nào?

A, 1970

B, 1972

C, 1974

D, 1980

Họ và tên: Nguyễn Thị Hiếu

Lớp : Quản lí kinh tế 46A

bổ sung 5 câu

Câu 1: D

Trong hệ thống tiền tệ quốc tế thứ IV (Giamaica) có 5 loại ngoại tệ được chấp nhận thanh toán ở tất cả các nước trên là:

A, Đôla Mỹ , Euro, Bảng Anh, Đồng Nhân Dân Tệ Trung Quốc, Frãng Pháp, Frãng Thụy Sĩ

B, Đôla Mỹ, Euro, Đêmac Đức, Yên Nhật, Frãng Pháp.

C, Đôla Mỹ, Đôla Úc, Bảng Anh, Yên Nhật, Frãng Pháp.

D, Đôla Mỹ, Bảng Anh, Đêmac Đức, Frãng Pháp, Yên Nhật.

Câu 2 :C

Năm N tỉ lệ trao đổi ngoại tệ của đồng Việt Nam và đồng Bạt Thái Lan là:

1 đồng Bạt Thái Lan = 500 đồng Việt Nam. Cũng trong năm đó tỉ lệ lạm phát của Việt Nam là x% và tỉ lệ lạm phát của Thái lan là y%. Hỏi sau lạm phát thì 1 đồng Bạt Thái Lan đổi được bao nhiêu đồng Việt Nam:

A, $500x/y$

B, $500y/x$

C, $500(1+x)/(1+y)$

D, $500(1+y)/(1+x)$

Câu 3:A

Người đứng đầu của tổ chức thương mại thế giới (WTO) được gọi là:

- A, Tổng giám đốc
- B, Tổng thư kí
- C, Chủ tịch
- D, Không có đáp án nào trong 3 đáp án trên

Câu 4: B

Nguyên tắc đãi ngộ quốc gia của WTO là:

- A, Nếu 1 nước dành cho 1 nước thành viên 1 sự đối xử ưu đãi nào đó thì nước này cũng sẽ phải dành sự ưu đãi đó cho tất cả các nước thành viên khác.
- B, Hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ nước ngoài phải được đối xử không kém thuận lợi hơn so với các hàng hóa khác.
- C, Mở cửa thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và đầu tư nước ngoài
- D, Tự do cạnh tranh trong những điều kiện như nhau.

Câu 5: B

Trong điều kiện chính phủ có thể tăng lãi suất thì:

- A, Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng.
- B, Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm
- C, Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi.
- D, Không có đáp án nào trong 3 đáp án trên.

Câu 1. chủ thể nền kinh tế thế giới bao gồm:

- a, tất cả các quốc gia độc lập.
- b, tất cả các quốc gia độc lập, các tổ chức và các liên kết kinh tế.
- c, tất cả các tổ chức và các liên kết kinh tế.
- d, tất cả các quốc gia và các công ty xuyên quốc gia.

Câu 2. Xu hướng cơ bản của chính sách thương mại quốc tế.

- a, Sự phát triển của vòng cung châu Á – Thái bình Dương.
- B, Quốc tế hóa theo 2 cấp độ: khu vực hóa và toàn cầu hóa.
- C, Tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch.
- D, sự bành trướng của các cường quốc.

Câu 3. Nội dung nào sau đây không thuộc quan hệ thương mại quốc tế.

- A, công ty may việt tiến nhận đơn đặt hàng trị giá 10 triệu USD của công ty Smik của Đức.
- B, cửa hàng lưu niệm Thanh Trà vừa bán được 5 cốc sứ có in hình chùa một cột cho một khách hàng nước ngoài.
- C, Tổng công ty May 10 nhận hợp đồng gia công thuê từ một công ty của Anh
- D, Công ty trường Hải Ô tô nhận đơn đặt hàng 50 chiếc xe buýt từ công ty Transerco.

Câu 4. Yếu tố cơ bản quy định sự hình thành của hệ thống tiền tệ quốc tế là:

- A, Cách thức xây dựng chế độ tỷ giá hối đoái.
- b. Quy tắc thể lệ và các mối quan hệ về tiền tệ quốc tế.
- c, các dạng dự trữ tiền tệ quốc tế.
- d, a và b
- e, a và c

Câu 5. Việt Nam không phải là thành viên của tổ chức nào dưới đây:

- a, WTO
- b, IMF
- c, AFTA.
- d, OPEC
- e, ADB

Câu 6. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có đặc điểm.

- a, chủ đầu tư đóng góp vốn vào cơ sở kinh doanh tại nước sở tại mà không tham gia quản lý .
- b, chủ đầu tư mua trái phiếu hoặc cổ phiếu của doanh nghiệp tại nước sở tại.
- c, chủ đầu tư đóng góp vốn vào cơ sở kinh doanh tại nước sở tại và tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh với mức độ thực hiện cao.
- d, b và c

Câu 7. Hiện nay Việt Nam đang theo đuổi chế độ tỷ giá:

- a, Chế độ tỷ giá thả nổi tự do.
- b, chế độ tỷ giá cố định.
- c, chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý.
- d, chế độ tỷ giá cố định có điều chỉnh.

Câu 8. Người Việt Nam Hàng năm nhận cổ tức từ một công ty ở Đức thì thu nhập đó được tính vào :

- a, cán cân luồng vốn.
- b, cán cân thường xuyên mà cụ thể là cán cân vô hình.
- c, cán cân thường xuyên mà cụ thể là cán cân chuyển giao đơn phương.
- d, cán cân tài trợ chính thức

Câu 9. Hệ thống tiền tệ quốc tế lần thứ 4 (Hệ thống Giamaica) là hệ thống có :

- a, Vàng thực hiện mọi chức năng của tiền tệ.
- b, Vàng và một số đồng tiền mạnh thực hiện chức năng tiền tệ thế giới.
- c, USD là thước đo của các đồng tiền
- d, Tồn tại 5 đồng tiền USD, JPY, GBP, DEM, FEM cùng làm phương tiện trao đổi thanh toán

Câu 10 . Công ty may Việt Tiến xuất khẩu một lô hàng áo sơ mi trị giá 1000.1000 USD sang công ty Smik của Đức và khoản thanh toán được chuyển vào tài khoản của công ty may Việt Tiến tại ngân hàng BIDV ở Việt Nam thì giao dịch này được hạch toán :

- A, Ghi nợ: gia tăng TS ngắn hạn của tư nhân ở nước ngoài: -1000.000 USD
Ghi có : xuất khẩu hàng hóa : +1000.000
- B, ghi nợ xuất khẩu hàng hóa : +1000.000 USD
Ghi có : gia tăng tài sản ngắn hạn của tư nhân ở nước ngoài : -1000.000
- C, ghi nợ: xuất khẩu hàng hóa : -100.000 USD
Ghi có : Gia Tăng tài sản ngắn hạn của tư nhân ở nước ngoài: +1000.000
- D, ghi nợ: gia tăng tài sản ngắn hạn của tư nhân ở nước ngoài : +1000.000
Ghi có : xuất khẩu hàng hóa : -1000.000 USD.

Câu hỏi 11. IFM là quỹ tiền tệ quốc tế, được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động cho vay để cải thiện cán cân thanh toán, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và điều tiết tỷ giá hối đoái. Vậy theo bạn biết nó có mấy loại hình tín dụng cho vay bằng tiền mặt.

- a, 5
- b, 6
- c, 7
- d, 8

Đáp án : 1 b 2 c 3 d 4 e 5 d 6 c 7 c 8 c 9 d 10 a 11 c

Câu 1:

Các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới gồm:

- a, C_uc quốc gia
- b, Các quốc gia và liên kết kinh tế quốc tế
- c, Các quốc gia, các liên kết KTQT và các tổ chức KTQT
- d, Chủ thể nền KT thế giới và mối quan hệ KTQT

Câu 2:

Xu hướng khu vực ho_u -toàn cầu hóa chỉ có tác dụng:

- a, T_uc đáng vồ mđt chính trđ
- b, T_uc đáng vồ mđt v^on ho_u x^o héi
- c, Siêu chđnh c_uc mèi quan hđ KTQT
- d, Cả a, b, c

Câu 3:

Yếu tố nào không thuộc nội dung của thương mại quốc tế:

- a, Xuất nhập hàng hoá dịch vụ
- b, Gia công quốc tế
- c, Xuất khẩu tài chính
- d, Không có yếu tố nào trong 3 yếu tố trên

Câu 4:

Thương mại quốc tế có chức năng

- a, Làm lợi về mặt giá trị sử dụng cho nền kinh tế
- b, Làm lợi về mặt giá trị cho nền kinh tế
- c, Chỉ a, b đúng
- d, Làm tăng GDP và tăng mức độ phân hoá giàu nghèo

Câu 5:

Trong điều kiện hiện nay Việt Nam nên:

- a, Tăng cường bảo hộ mậu dịch
- b, Mở cửa thực hiện tự do hoá thương mại
- c, Chưa nên tham gia vào các mối quan hệ kinh tế quốc tế
- d, Kết hợp bảo hộ mậu dịch với tự do hoá thương mại

Câu 6:

Một quốc gia chỉ có lợi trong trao đổi thương mại quốc tế khi:

- a, Sản xuất những mặt hàng có ưu thế tuyệt đối
- b, Sản xuất những mặt hàng có nhu cầu lớn
- c, Lưu trữ lãi
- d, Khi quốc gia có trình độ kỹ thuật cao

Câu 7:

Yếu tố nào không phải là công cụ trong chính sách thương mại quốc tế:

- a, Hạn ngạch
- b, Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- c, Nhượng quyền kinh doanh và tiêu chuẩn kỹ thuật
- d, Không có yếu tố nào trong 3 yếu tố trên

Câu 8:

Hoạt động đầu tư quốc tế chỉ :

- a, Làm lợi cho nước ngoài
- b, Làm lợi cho nước nhập khẩu
- c, Vừa cả mặt lợi vừa cả mặt hại
- d, Làm lợi cho nước xuất khẩu

Câu 9:

Chủ đầu tư FDI là:

- a, Doanh nghiệp tư nhân
- b, Các tập đoàn xuyên quốc gia
- c, Chính phủ các nước
- d, Chỉ a, b, c

Câu 10:

Quy chế quyền rút gọn vốn đặc biệt SDR thuộc hệ thống tiền tệ nào:

- a, Hồ thàng tiền tệ quốc tế thứ nhất
- b, Hồ thàng tiền tệ quốc tế thứ hai
- c, Hồ thàng tiền tệ quốc tế thứ ba
- d, Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư

Câu 11:

Đâu là đặc điểm thuộc hệ thống tiền tệ lần thứ nhất:

- a, Chế độ bản vị vàng
- b, Chế độ bản vị vàng hối đoái
- c, Đồng SDR là tiền tệ thế giới
- d, Chế độ bản vị vàng - kim loại

Câu 12:

Nhân tố nào không ảnh hưởng đến tỉ giá hối đoái:

- a, Mức chênh lệch lạm phát
- b, Chênh lệch vô lãi suất
- c, Tính trung tính của chính sách tài khóa
- d, Bộ chỉ ngân sách nhà nước

Câu 13:

Vốn ODA thuộc tài khoản nào:

- a, Tài khoản vãng lai
- b, Tài khoản vốn
- c, Tài khoản dự trữ quốc gia
- d, Tài khoản chênh lệch số thống kê

Câu 14:

Thuế quan là thuế điều tiết:

- a, Xuất khẩu
- b, Nhập khẩu
- c, Cả xuất nhập khẩu
- d, Cả 3 ý kiến trên đều sai

Câu 15:

Sức mua của đồng nội tệ giảm xuống so với ngoại tệ sẽ làm:

- a, Tăng XK
- b, Tăng NK
- c, Tăng đầu tư từ trong nước ra nước ngoài
- d, Giảm đầu tư từ nước ngoài vào trong nước

Đáp án: 1 d 2 d 3 d 4 c 5 d 6 c 7 d 8 c 9 a 10 d 11 a 12 d 13 a 14 c 15a

1) Sự tương quan về chi phí giữa các mặt hàng của một quốc gia trong sự so sánh tương ứng với quốc gia khác là bản chất của:

- a. lợi thế so sánh
- b. lợi thế tuyệt đối
- c. lợi thế cạnh tranh
- d. chi phí cơ hội

ĐA: a

2) “Thương mại quốc tế chỉ có lợi cho một bên tham gia” là quan điểm của:

- a. chủ nghĩa trọng thương

- b.lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A.Smith
 - c.lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricacdo
 - d.lý thuyết của Heckscher-Ohlin
- DA:a

- 3)Hoạt động nào sau đây không phải là hoạt động thương mại quốc tế
- a.xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ
 - b.tái xuất khẩu và chuyển khẩu
 - c.xuất khẩu tại chỗ
 - d.các cơ sở trong nước thuê nhau gia công
- DA:d

- 4)Nguyên tắc cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế là:
- a.chế độ nước ưu đãi nhất
 - b.nguyên tắc ngang bằng dân tộc
 - c.nguyên tắc tương hỗ
 - d.cả a,b,c
- DA:d

- 5)Đặc điểm của đầu tư gián tiếp là:
- a.Nhà đầu tư không kiểm soát các hoạt động kinh doanh
 - b.Độ rủi ro thấp
 - c.chủ đầu tư nước ngoài kiếm lời qua lãi suất cho vay hay lợi tức cổ phần
 - d.cả a,b,c
- DA:d

- 6)phát biểu nào sau đây là đúng:
- a.bảo hộ bằng thuế quan chắc chắn hơn bảo hộ bằng hạn ngạch
 - b.thuế quan và hạn ngạch đều có lợi cho nền kinh tế
 - c.trợ cấp xuất khẩu làm cho giá cả trên thị trường thế giới tăng
 - d.thuế nhập khẩu có lợi vì nó làm tăng thu cho ngân sách nhà nước
- DA:d

- 7)“ Vàng là phương tiện thanh toán duy nhất trên thế giới” là đặc điểm của:
- a.hệ thống tiền tệ thứ nhất
 - b.hệ thống tiền tệ thứ hai
 - c.hệ thống tiền tệ thứ ba
 - d.hệ thống tiền tệ thứ tư
- DA:a

- 8)Đặc điểm của hệ thống tiền tệ quốc tế Bretton Woods là:
- a.chế độ bản vị vàng
 - b.chế độ bản vị vàng hối đoái
 - c.thành lập 2 tổ chức tài chính là IMF và WB
 - d.không phải các đặc điểm trên

DA:c

- 9)Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì:
- a.đầu tư tăng

- b.lượng cung tiền trong lưu thông giảm đi
- c.lượng cung tiền trong lưu thông tăng lên
- d.không phải các đáp án trên

DA: b

10) Cán cân thanh toán quốc tế bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a.tài khoản vãng lai
- b.tài khoản vốn
- c.tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- d.tài khoản chênh lệch số thống kê
- e.cả a,b,c,d

DA:e

11) Vốn ODA thuộc hạng mục nào dưới đây:

- a.tài khoản vãng lai
- b.tài khoản dự trữ chính thức quốc gia
- c.tài khoản vốn
- d.không phải các tài khoản trên

DA:a

12) Các xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới hiện nay là:

- a.Khu vực hoá – toàn cầu hoá
- b.sự bùng nổ của cách mạng khoa học công nghệ
- c.sự phát triển của vòng cung châu á thái bình dương
- d.cả a,b,c

DA: d

13)Chế độ tỷ giá hối đoái của việt nam hiện nay là:

- a.chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi tự do
- b.chế độ tỷ giá hối đoái cố định
- c.chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý
- d.không phải các đáp án trên

DA:c

14)Trong chế độ tỷ giá thả nổi thì:

- a.Chính sách tiền tệ không hiệu quả trong việc điều tiết tổng cầu
- b.Chính sách hạn chế thương mại sẽ có hiệu quả
- c.Chính sách tài khoá hoàn toàn không có hiệu quả trong việc điều tiết tổng cầu
- d.cả a,b

DA: c

15)Tỷ giá hối đoái của Việt Nam và Mỹ là 1USD=16000VND. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 8% ,của Mỹ là 5%.Tỷ giá hối đoái sau lạm phát là:

- a.1USD = 25600VND
- b.1USD = 10000VND
- c.1USD =16457VND
- d.Không phải các đáp án trên

DA:c

Câu1: Nhưng khả năng nào sau đây Việt Nam có thể vận dụng để phát triển kinh tế đối ngoại:

- a. Nguồn vốn dồi dào
- b. Nguồn nhân lực
- c. Môi trường đầu tư tốt
- d. Tất cả các ý trên

Chọn b

Câu 2: Chủ thể của nền kinh tế quốc tế là:

- a. Các quốc gia độc lập có chủ quyền
- b. Các tổ chức quốc tế
- c. Các liên kết kinh tế quốc tế
- d. Cả 3 đáp án trên

Chọn d

Câu 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là loại hình:

- a. Các nhà đầu tư nước ngoài mua lại các Doanh nghiệp trong nước
- b. Chủ sở hữu vốn đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn
- c. Quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn tách rời nhau
- d. Nhà đầu tư nước ngoài hỗ trợ chính phủ

Chọn b

Câu 4: Hiện nay Việt Nam đang thực hiện chế độ tỷ giá:

- a. Cố định
- b. Thả nổi
- c. Thả nổi có kiểm soát
- d. Cố định có kiểm soát

Chọn c

Câu 5: Mức lãi suất trong nước tăng (các yếu tố khác không thay đổi) sẽ làm cho:

- a. Mức đầu tư trong nước tăng.
- b. Mức tiết kiệm trong nước tăng.
- c. Mức đầu tư trong nước giảm.
- d. B và C.

Chọn d

Câu6: Việt Nam cần đảm bảo những điều kiện nào để phát triển kinh tế đối ngoại:

- a. Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.
- b. Tiếp tục nâng cao tỷ trọng vốn đầu tư trong GDP
- c. Hoàn thiện và phát triển hành lang pháp lý phù hợp với nền kinh tế trong xu thế hội nhập cao như hiện nay.
- d. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia phát triển trên thế giới.

Chọn c

Câu 7: Yếu tố nào không thuộc tài khoản vốn trong cán cân thanh toán quốc tế?

- a. Đầu tư ra nước ngoài.
- b. Đầu tư nước ngoài vào trong nước.
- c. Vay ngân hàng.
- d. Vốn ODA.

Chọn d

Câu8: Chức năng của thương mại quốc tế

- a. Tăng ngân sách nhà nước.
- b. Thay đổi cơ cấu giá trị sử dụng của sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân.
- c. Nâng cao hoạt động của nền kinh tế
- d. cả b và c

Chọn d

Câu9. Xu hướng về sự bùng nổ của cách mạng KHKT đã có tác động làm thay đổi chính sách của Việt Nam:

- a. Đưa đến sự đột biến trong tăng trưởng.
- b. Đòi hỏi sự chú trọng trong việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ KHCN, công nghệ và quản lý chất lượng.
- c. Có sự biến động sâu sắc về cơ cấu kinh tế.

d. Tăng năng suất lao động và sử dụng hiệu quả nguồn

Chọn b

Câu 10. Tốc độ tăng trưởng của thương mại "vô hình" nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của thương mại "hữu hình" thể hiện:

- a. Sự thay đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu hàng xuất nhập khẩu.
- b. Phạm vi phát triển của thương mại vô hình như dịch vụ quốc tế ngày càng mở rộng.
- c. Tỷ trọng hàng thô giảm, tỷ trọng sản phẩm công nghiệp chế tạo tăng.
- d. Cả a, b, c.

Chọn a.

Câu 11. Các xu hướng chi phối hoạt động trực tiếp của 2 quốc gia trong quan hệ thương mại:

- a. Bảo hộ mậu dịch và tự do hóa thương mại.
- b. 3 xu hướng: tăng thuế xuất nhập khẩu, tự do hoá thương mại, bảo hộ mậu dịch.
- c. Quản lý toàn cầu hoá, cô lập nền kinh tế.
- d. Nhiều xu hướng ngược chiều

Chọn a

Câu 12. Sự khác nhau cơ bản giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài là:

- a. Hình thức đầu tư, quyền sở hữu của người đầu tư, quyền quản lý của nhà đầu tư.
- b. Thời gian, địa điểm.
- c. Đối tượng hưởng lợi.
- d. Tỷ lệ vốn đầu tư.

Chọn a.

Câu 13: Quan điểm của trường phái trọng thương cho rằng:

- a. Coi trọng thương mại quốc tế.
- b. Đánh giá cao vai trò của chính phủ trong hoạt động thương mại quốc tế.
- c. Việc buôn bán với nước ngoài đem lại lợi ích chung cho các bên tham gia.
- d. Tất cả các đáp án trên.

Chọn b

Câu 14: Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smiths không phản ánh những luận điểm nào sau đây:

- a. Đề cao vai trò cá nhân
- b. Thấy được tính ưu việt của chuyên môn hoá
- c. Dùng lợi thế tuyệt đối để giải thích lợi ích thu được từ thương mại.
- d. Giải thích tại sao một nước kém phát triển hơn lại thu được lợi ích từ việc trao đổi hàng hoá với những nước phát triển hơn.

Chọn d

Câu 15: Sự tương quan về chi phí giữa các mặt hàng của một quốc gia trong sự so sánh tương ứng với quốc gia khác là bản chất của:

- a. lợi thế so sánh
- b. lợi thế tuyệt đối
- c. lợi thế cạnh tranh
- d. chi phí cơ hội

Chọn a